

ĐỎ KIM CUÔNG

TRANG TRẠI
HÒA HỒNG

TIỂU THUYẾT

NHA XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

ĐỎ KIM CUÔNG

TRANG TRẠI HOA HỒNG

325

Handwritten signature

TRANG TRẠI HOA HỒNG

Tác giả: **Đỗ Kim Công**

NXB Hội Nhà Văn

Tiểu thuyết

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **nhavantphcm.com.vn**



*Tưởng nhớ những người bạn của tôi đã hy sinh trên chiến trường Trị
Thiên - Huế*
Đỗ Kim Công

PHẦN 1

Trại Đầm Vịt

I

Chuyến hàng sang Singapore đã xuất xong từ ngày hôm qua. Tôi còn nấn ná chơi với Vân, nhỏ bạn cùng học từ thời đại học. Nó rủ rê: “- Hai đứa mình về miền Tây chơi thăm vợ chồng Cư - Thơm. Nó cứ nhắc mi hoài”. Không một giây lưỡng lự, tôi ừ liền. Vân giao cửa hàng cho chồng, giao con cho chị giúp việc. Hai đứa leo lên chiếc xe Camry đời mới hướng ra đường cao tốc về miền Tây. Tôi không chút âu lo. Còn những hơn hai tháng nữa mới đến ngày đại giỗ của nhà tôi. Mọi việc chuẩn bị cho ngày trọng đại này tôi đã bàn bạc với chị Thoa cách nay cả tháng.

Con lộ mới mở về đến ngã ba Trung Lương, đường rộng, sáu làn xe hai chiều, đi thật mát ga. Xe mới. Cô bạn tôi lại là tay lái bạo, chỉ hơn một giờ cả người và xe đã chìm đắm trong cái màu xanh miên man của dừa, của những vườn cây trái bên bờ sông Tiền, sông Hậu.

Thơm thoáng nhìn thấy tôi và Vân đã kêu ré lên: “- Chu cha! Mắt tao có nhìn nhầm không đấy? Hai đứa bay sao lại xuất hiện ở xứ này? Đang định tính chuyện chi ở đây?”.

Tôi cười cười. Vân đáp tình queo: “- Tụi tao nhớ mày xuống chơi. Mai về. Có xin nghỉ được lấy một ngày tiếp tụi tao không?”.

Thơm nói không dẫn đo: “- Giám đốc là tao. Nhân viên văn phòng cũng là tao. Có lúc còn kiêm cả chân bảo vệ. Lo gì? Tiếp tụi bay còn khoái hơn là ngồi với mấy ông trên thành phố xuống. Mấy cha chưa tan việc đã lo mời đi nhậu. Mệt thấy bà... Hai đứa chờ tao vài phút, tao dọn dờ văn phòng. Ta đi uống cà phê. Để tao gọi chồng về, bắt cá đãi tụi bay trưa nay”.

Mấy năm không gặp Thơm, tôi không còn nhận ra cô bạn nữ sinh ở chung phòng trong ký túc xá ngày nào. Không nhí nhảnh, vui tươi. Dáng người cũng không còn nhỏ nhắn. Ăn mặc xuyềnh xoàng giản tiện giống như một công chức chinh chu ở tỉnh lẻ. Gương mặt không son phấn trang điểm, lộ rõ

vẻ lo toan, tất bật. Tôi không tin rằng, chỉ vì lấy chồng, Thơm mới đổi thay nhanh chóng như vậy. Anh Ba Cự vợ mất, nuôi con một mình. Nhìn cảnh ấy, cô kỹ sư nông nghiệp miệt vườn thương. Ngày cưới Thơm, cả tôi và Vân không ai về Bến Tre ăn cưới được. Quà cưới gửi bạn bè. Có chồng, Thơm cũng khỏi phải bám cơ sở. Cô về Ủy ban Nhân dân Tỉnh, làm chuyên viên theo dõi mảng nông nghiệp. Thi thoảng, Thơm cặp cặp đi theo lãnh đạo tỉnh ra Trung ương họp, hoặc về cơ sở đi kiểm tra. Làm chuyên viên, rồi làm trưởng phòng được vài năm, Thơm chán cảnh ôm cặp đi theo sếp, làm bông hoa đẹp giữa bàn nhậu, rót rượu bia và nhận những lời tán dương, trêu ghẹo buông ra những câu đùa thô lỗ, tục tằn của mấy anh cán bộ hàng tỉnh sau vài chén rượu đã ngà say, thích dùng quyền uy để lòe thiên hạ. Khi cơ chế bao cấp bị phá bung, Thơm nghỉ một cục bỏ ra lập công ty riêng, thu mua hải sản xuất khẩu. Ba Cự - chồng Thơm, nghỉ hưu sớm. Anh chồng hơn vợ hai mươi năm tuổi. Vợ chồng Cự - Thơm lấy nhau được dăm năm, mới phát hiện ra Thơm không có khả năng sinh con. Cả hai không lấy vậy làm buồn. Rượu là bạn với họ hằng ngày. Như thể trời đất sinh ra họ để kết bạn với nhau và có chung một người tình là rượu. Họ chỉ uống rất một loại rượu đế cất bằng gạo nếp thơm Bến Tre. Trên bàn nhậu sau những lời giao đãi, chồng một ly, vợ một ly. Có khách hoặc không có khách cũng vậy. Đôi bạn tình ngồi bên nhau cho đến phút chót. Uống không biết say. Vừa uống rượu, vừa nói chuyện khan, nhấm nháp đĩa mồi nhậu là vài dẻ cá khô nướng chấm muối ớt và ngắm trăng sông.

Vài năm trở lại đây, trong nhà đã có tiếng trẻ con. Chuyện kể rằng, anh con trai với chị vợ trước của Ba Cự chỉ thua Thơm dăm tuổi, được cha cho học nghề ở thành phố. Chẳng hiểu yêu đương ra sao, cô cậu ăn cơm trước keng. Khi có bầu đôi trẻ giấu biệt vợ chồng Cự - Thơm. Ngày cô gái ở cũ, anh con trai nhà Cự mới hết hoảng báo tin cho cha và bà mẹ kế. Ba Cự và Thơm lên thành phố tìm gặp cho được con trai ở trong một dãy nhà trọ ngoài Thủ Đức. Đến bệnh viện, thì hỡi ôi! Cô gái sau lúc sinh nở lừa khi vắng người đã lẳng lẳng bỏ anh người yêu và bỏ cả đứa con đỏ mới hơn một ngày

tuổi đi biệt. Ba Cư nhìn con, nhìn cháu không hề lộ vẻ bức tức và cău giận. Ngồi thừ ra một lát, Ba Cư ôm đứa trẻ trên tay, nhìn kỹ. Rồi cười lớn: “- Đích thị cháu ta đây rồi. Mặt giống ông nội như tạc”.

Một tay Ba Cư và Thơm nuôi lớn đứa cháu nội từ ngày ấy. Tiếng nói đầu tiên của một đứa cháu đích tôn dòng họ Phạm ở miệt vườn Rồng Chôm, vốn nổi tiếng nghề võ là tiếng “bà” chứ không phải tiếng “mẹ”. Nó như đoạn dây nối dài cuộc sống của vợ chồng Cư Thơm rút ngắn những đêm dài, phập phành giống những bông bần, bông súng mùa nước nổi.

Lúc tụi tôi về đến nhà, Ba Cư đang mặc quần xà lỏn, cời trần cầm nơm úp cá ở dưới lạch nước nhỏ trong vườn. Ba bốn con cá tra, cá chép, cá trắm nặng vài cân đang dẫy đành đạch trên vạt cỏ, nát cả khóm khoai nước. Vườn rộng vài công đất, nằm ngay bên bờ sông Hậu, đất đỏ phù sa phủ rợp bóng dừa, bưởi da xanh, nhãn da vàng quả sai la đà đang chờ khách buôn đưa ghe vào tận vườn thu hái.

Chỉ chưa đầy một giờ, chúng tôi đã có một bàn nhậu. Cả Thơm, Vân và tôi mỗi người một chân một tay vào bếp làm cơm. Món chính là cá. Cá nướng, cá nấu canh chua ăn bún, cá hấp quăn bánh tráng dừa. Và rượu cả can. Thêm hai anh bạn ở hội văn nghệ vốn là đệ tử rượu của vợ chồng Cư Thơm được gọi tới tiếp rượu khách cho bàn tiệc đông vui. Những câu chuyện không đầu, không cuối. Rồi hồi ức, kỷ niệm của những ngày tháng sinh viên trong kí túc xá đại học. Ba bốn chị em rủ nhau bớt phần cơm, lấy gạo đem bán có chút tiền ăn quà sáng, sắm áo quần, mua son phấn. Điếm mặt qua vài gương mặt ông thầy, đám bạn bè cùng khóa tứ tán mỗi người một phương. Có người thành danh. Có đứa sạt nghiệp trên thị trường chứng khoán, nhà đất, buôn lậu hàng qua biên giới. Một vài cô bạn theo chồng sang Nga, Úc, Canada... lập nghiệp.

Xế trưa, tôi nhận được một cú điện thoại: “Mời cô về trại gặp. Có chủ hàng đến xin gặp cô để ký hợp đồng”. Tôi chỉ bảo Vân và Thơm: “- Tao phải về. Nhà có chuyện. Còn hơn hai tháng nữa tới ngày giỗ ba mẹ tao. Tụi bay cố gắng sắp xếp công chuyện lên cao nguyên chơi”. Nói vậy thôi, chứ tôi thừa

hiếu, Vân và Thơm cũng bận tối ngày với công việc và đám con cái quá nặng nề.

Hơn một giờ bay, tôi đã có mặt ở sân bay Liên Khương. Máy bay cất cánh cũng là lúc tôi vừa nghe nhạc và ngủ. Khi những làn gió lạnh phả ra từ dãy Lang Biang và những cánh rừng thông trong tiếng xe chạy êm ái, tôi mới thực sự hết buồn ngủ. Mệt mỏi cũng tan biến. Tôi bảo cậu lái taxi dừng xe giữa một khoảng rừng vắng. Tôi hít một hơi dài điều thuốc Salem. Cảm giác sáng khoái tự do, thoải mái ngập tràn.

2

Trong gia đình tôi, một năm có hai ngày quan trọng. Ngày cúng tất niên và ngày đại giỗ. Nếp sống ấy có từ ngày cha tôi còn sống.

Cuối năm, từ hai mươi ba tháng Chạp, ngoài trại hoa có hàng chục người làm lo cắt hoa, đóng gói và chở đi cho các bạn hàng. Còn ở nhà chị Thoa gọi thợ lo quét dọn, trang trí lại nhà cửa. Ngày 28 tháng Chạp, nhà tôi cúng tất niên, mời các cụ tổ tiên, người quá cố về chung vui cùng gia đình, con cháu. Ngày cúng Tất niên, nhà tôi làm cỗ mặn, năm nào cũng phải mất trên dưới hai chục mâm. Ngoài người ăn cỗ trong gia đình, tôi còn mời những người làm công cho gia đình trong năm. Một số người làng Lôi theo lời khuyên của cha tôi từ những năm chín mươi vào xây dựng làng kinh tế mới ở một vùng đất tốt cách trại Đầm Vịt chừng bảy cây số. Mười mấy gia đình làng Lôi vào đây, họ cũng được chính quyền sở tại cho thành lập chi bộ đảng, xây dựng ấp kinh tế mới lấy tên đất quê lập tên làng. Gọi là làng Đồng Tiến trên đất Lâm Đồng. Người làng Lôi vốn chăm chỉ, cần cù chỉ vài năm khai hoang, mở đất, nhà nào cũng có một vài hecta đất trồng cà phê, chè, hồ tiêu, rau màu... Các rẻo đất ven suối Lau, suối Lươn bà con khai phá thành những ruộng lúa nước. Bà con Brâu ở bản ở gần đấy thấy bà con làng Lôi làm ruộng, làm rẫy giỏi, học cách làm theo.

Cha tôi còn truyền dạy cho bà con làng Đồng Tiến và người Brâu ở buôn Bo cách trồng hoa. Từ ngày mẹ và bà nội tôi còn sống mỗi mùa hoa đã vào làng, vào buôn mua hoa của họ gom lại bán buôn cho chủ hàng. Nhớ ơn cha mẹ tôi, năm nào người làng Lôi ở thôn Đồng Tiến cũng mang lễ đến thắp hương trên bàn thờ gia tiên.

Đại giỗ của gia đình tôi nhằm vào ngày Vu Lan. Giỗ ông, giỗ bà, giỗ cha, giỗ mẹ được làm trọn trong ba ngày. Có ngày giỗ chay, có ngày giỗ mặn. Khách đến ăn cỗ vẫn là người trong gia đình và bạn bè của cha tôi, của tôi.

Ngày đại giỗ được chuẩn bị chu đáo trước cả tháng.

Trong ngày giỗ nhân dịp lễ Vu Lan, nhiều năm nay luôn có mặt những người bạn thân thiết của gia đình tôi là Thầy Năm Bê. Thầy là bạn của cha tôi, là thầy dạy của tôi ở đại học. Người thứ hai là chị Thi.

Chị là người chị kết nghĩa của tôi. Những ngày mẹ con tôi sống ở Nha Trang, tôi là "cái đuôi" của chị, lúc mẹ tôi phải sống nhờ trong ngôi nhà của gia đình chị ở núi Đá Chẹt. Ngày giỗ cha mẹ tôi, bạn mấy chị cũng thu xếp công việc để lên với tôi. Người thứ ba ít vắng mặt ngày đại giỗ là chú Hoài, một người cùng đơn vị với cha tôi ở chiến trường Trị Thiên. Chú Hoài nhiều lần tự nhận là "lính" đi bảo vệ "cho đại đội phó Đệ".

Chuyện quản gia trong nhà, kể cả chuyện cúng giỗ, tôi giao cả cho Thoa. Nhiều năm nay, Thoa đã là một thành viên quan trọng trong gia đình tôi. Thoa ít hơn tôi ba tuổi, là đứa con ngoài giá thú của lão Ca với một người đàn bà chuyên đi cắt vó tôm và đặt ống lươn ở làng Vàng. Trong những năm làm quản trang ở nghĩa địa làng Lôi, lão Ca quan hệ vụng trộm với người đàn bà này. Nghe người làng Lôi kháo nhau, chị ta ngớ ngẩn. Nói năng ngọng nghịu, ngoài ba mươi tuổi vẫn chẳng ai chịu lấy. Trong những đêm mưa gió, ở căn nhà nhỏ ngoài cánh đồng, lão Ca đã lừa được người đàn bà cô đơn. Ai ngờ chị đã sinh cho lão một đứa con gái. Lúc còn nhỏ, Thoa học cũng không được, thi mấy lần không qua khỏi cấp I, nhưng trời phú cho cổ bé có bàn tay khéo léo, đan lát giỏi.

Sau ngày lão Ca và mẹ chết, Thoa phải đi làm thuê cho người làng. Một lần, tôi về vùng quê Đồng Tiến, nghiên cứu mặt hàng mây tre xuất khẩu, tôi đã phát hiện ra Thoa và đưa cô bé về trại Đầm Vịt để giúp việc cho gia đình.

Những ngày gia đình có việc cúng giỗ, có hai việc tự tay tôi làm là chăm sóc, thắp hương năm ngôi mộ ở một khoảng rừng phía sườn đồi và lau chùi bàn thờ Phật, bàn thờ gia tiên. Mỗi lần ra mộ thắp nhang, ngồi tha thần quanh những ngôi mộ xây bằng đá xanh tôi có cảm giác như thể bà nội tôi, cha tôi, mẹ tôi và ông bà ngoại đang lẫn khuất đâu đó sau những tán cây rừng. Tháng bảy, vùng Đầm Vịt hay có những trận mưa rào. Trên các triền đồi, khe suối

dọc theo con đường đất đỏ, hoa dã quỳ nở vàng rực. Thung lũng mọc đầy cỏ lau, đang trở bông như ngàn vạn ngọn cờ phấp phới theo gió. Những cánh rừng thông, những vườn cao su, hồ tiêu, cà phê, những đồi chè no nước, xanh ngắt ngát. Không gian tĩnh lặng. Văng lên tiếng chim chích chòe, tiếng chim “bắt cô trói cột” đâu đó ở phía lên đá, dưới bờ khe. Bãi Đầm Vịt mùa khô cạn nước, trông như cái ao nhỏ lọt thỏm giữa núi đồi cao nguyên điệp trùng. Đến mùa mưa, nước từ các khe suối chảy về, Đầm Vịt biến thành một hồ nước mênh mang.

Từ những ngày còn nhỏ, tôi đã được cha đưa đi theo xem ông đặt bẫy nhím, bẫy thỏ, đi đào dúi trong rừng, lội dọc theo các con đường mòn ven hồ rình bắn vịt trời, le le... Ông kể cho tôi nghe những chuyện ngày nhỏ ông đi theo mẹ mót khoai mùa nước, đi tát nước, nhổ mạ. Ngày cha tôi học cấp 2, cấp 3 ông cùng bạn bè đi trồng cây, ngày mùa thầy trò đi xếp ải. Mỗi tuần học trò phải có một buổi lao động tay chân. Khi máy bay Mỹ bỏ bom quê tôi, cha tôi đã từng phải đi đào hầm để tránh máy bay. Có lần, cha tôi quên đội mũ rơm đến trường, ông bị thầy giáo phạt. “- Mũ rơm là chi cha?”. Tôi không hiểu hỏi lại ông. Cha tôi cười rồi trả lời: “- Là cái mũ như con đội trên đầu bây giờ nhưng được tết bằng rơm lúa để che mảnh bom, mảnh đạn khi máy bay Mỹ ném bom! Ngày ấy khổ lắm con à. Cả nhà vừa đói, lại còn bị bom Mỹ đánh phá đêm ngày”. “- Vậy sao cha vẫn được đi học?”. Tôi ngây ngô không hiểu. “- Đói khổ, bom đạn vẫn phải học. Có học mới hết khổ...!”. Về sau tôi mới biết cha tôi đã từng tốt nghiệp hết cấp 3, rồi mới đi bộ đội. Tôi sinh ra ở Nha Trang, không biết mặt ông nội, ông bà ngoại. Chỉ nghe cha, mẹ tôi kể về họ. Dù đầu óc tôi cố mường tượng nhưng không bao giờ hình dung ra họ. Còn hình ảnh về bà nội, về mẹ, về cha luôn hiện về trong những giấc mơ và trong suy nghĩ của tôi. Trong ngôi nhà này mỗi khi chạm vào một đồ vật thân thuộc, hay đi trên những lối mòn trong vườn, ngoài ruộng trồng hoa...tôi đều nghĩ tới họ. Gương mặt bà nội tôi già nua, da nhăn nheo, đôi mắt hiền hậu. Gương mặt mẹ đẹp nhưng răn rỏi, quyết liệt. Gương mặt cha với vết sẹo trên trán, đôi mắt buồn buồn, sâu lắng... Ba gương mặt ấy luôn

hiện hình rõ nét mỗi khi tiềm thức trong tôi động vào quá khứ sâu thẳm. Tôi kinh hãi nhất mỗi khi bất chợt nghe một tiếng động lớn. Một tiếng sét chẳng hạn. Một tiếng mìn phá đá vang lên bất ngờ giữa lưng đèo. Thậm chí tiếng cánh cửa sổ bằng gỗ cô Thoa quên cài chặt bị gió giật giữa đêm khuya thanh vắng luôn khiến cho tôi bị bất ngờ, rơi vào trạng thái hoảng loạn. Tôi cứ tưởng đấy là tiếng trái lựu đạn phát nổ năm nào ở dưới chân bờ rào gần con mương nước. Trái lựu đạn US hẳn đã nằm từ lâu chìm sâu trong đất bị cỏ lấp đầy. Trái lựu đạn mìn vệt US của Mỹ đã giết chết bà nội và mẹ tôi. Ai gài? Có thể họ là những người lính Mỹ, lính Ngụy, ngày xưa đóng quân ở vùng này đi càn rừng. Mà cũng có thể trái lựu đạn ấy là của cán bộ du kích làng Bo gài quanh hậu cứ. Ngày mới mua mảnh đất này, cha tôi đã thuê máy cày về cày ải, đào xới tung cả một góc đồi. Chỉ gặp dây thép gai, miếng pháo, vỏ trái bom bi. Cha tôi đã cho thu gom lại để bán cho những người thu mua sắt vụn... Không ai nghĩ vạt cây rừng gần với ruộng trồng hoa sát nhà tôi mìn vẫn còn sót lại. Ngày xảy ra tai họa, bà nội và mẹ tôi đang dọn đồng cành cây, cỏ khô ngay sát chân hàng rào chờ đốt. Gặp lửa nóng, trái lựu đạn nổ tức thì đã mang bà nội và mẹ tôi ra đi. Ấy là năm tôi tròn 13 tuổi, đang theo học lớp năm trường của xã. Tan học về tôi còn đang mãi ngẫm mấy con cào cào ngô bà nội bắt được nhốt vào trong vỏ chai nhựa dành cho tôi chơi. Cha tôi từ sáng đã cùng với mấy người hàng xóm đi xe đò mua đọt mía về trồng, lúc ấy không có nhà. Tiếng lựu đạn nổ đanh vẳng óc. Tôi ngã soài xuống sân, nhìn thấy một đám khói bụi bốc cao dưới chân hàng rào. Lúc những người đang làm cỏ ở rẫy kế bên nghe tiếng nổ chạy sang, bà nội tôi, mẹ tôi đã nằm im bất động. Máu thấm đỏ vạt áo ngực mẹ, mặt bà nội bị một mảnh lựu đạn găm vào bay một con mắt. Cả hai đã chết. Không một lời trăng trối. Cha tôi về đến nhà chết lặng nhìn xác mẹ và vợ đang đắp chiếu. Mắt mẹ tôi vẫn mở nhìn lên bầu trời xám xịt. Cha ôm tôi vào lòng. Tôi khóc nức nở.

Đã bao năm giấu sau tấm ảnh thờ của mẹ, tôi vẫn còn giữ cái khay tròn của trái lựu đạn US - loại lựu đạn mìn vệt của Mỹ.

3

NNgôi nhà xây nơi tôi đang ở rộng hơn hai trăm mét vuông, được xây cất từ ngày cha tôi còn sống. Sau mấy vụ trồng hoa trứng lớn, cha tôi dành tiền làm lại ngôi nhà mới. Ngôi nhà gỗ ba gian, nơi cất giữ nhiều kỷ niệm của cha mẹ tôi, của bà nội tôi và tôi ngày thơ trẻ ông không phá đi, biến thành ngôi nhà sau liền kề bên ngôi nhà mới. Sau này tôi cho sửa sang lại, thay những tấm gỗ đã bị mục nát, lán nèn, mở thêm cửa sổ dùng làm phòng đọc sách, nghỉ ngơi. Ở ngôi nhà lớn, tôi cho xây thêm tầng 2, dành hẳn một phòng rộng sáu mươi mét vuông làm phòng thờ. Gian phòng ấy chỉ có tôi và cô Thoa có chìa khóa. Tôi là chân chạy, có công chuyện hay đi nay đây, mai đó, có khi vắng nhà cả tuần lễ. Gian phòng thờ hàng ngày Thoa lên lau chùi thắp nhang, trưng hoa trái. Cả không gian tầng hai được che phủ dưới tán cây vú sữa và dây leo. Đến mùa cây dây leo nở đầy những chùm hoa màu tím.

Trên ban thờ sau bức tượng Phật được chạm khắc tinh xảo bằng gỗ mít là bàn thờ bà nội, ông bà ngoại và cha mẹ tôi. Nhiều khi tôi tự hỏi, sao cha tôi lại chọn tấm ảnh thờ của mẹ từ thời bà còn trẻ. Có lần tôi đã hỏi, ông chỉ cười. “- Cha thích tấm ảnh ấy, khi nào có thời gian cha sẽ kể cho con nghe chuyện của cha mẹ!”.

Thực tình giữa cha và mẹ, tôi yêu cha hơn. Không hẳn tôi được sống với cha tôi lâu hơn, những hai mươi tám năm. Cha tôi mất vào năm 2000. Tôi đã trưởng thành và khôn lớn. Còn một lý do, ngày bé và những ngày đi học tôi hay bị mẹ mắng. Thậm chí mẹ tôi còn quát roi vào đít mỗi khi cuốn vở tập của tôi hoen ố mực hay bị điểm kém. Vào những lúc ấy, tôi chạy đến với cha. Ông ôm tôi vào lòng, xoa lưng, dỗ tôi đừng khóc... Tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh ngày tôi gặp lại cha tôi ở trại Ngân Điền. Tối ấy, đã khuya, cha tôi đi làm ở trại cải tạo mới về. Tôi nhìn thấy ông, trong bộ quần áo kẻ sọc, đẫm mồ hôi. Tôi nhào chạy tới phía ông, òa khóc. Cha bế bổng tôi lên, đi tới bên

bà nội và mẹ tôi...

Chuyện mẹ tôi đánh đòn, ấy là trận đòn năm tôi học lớp 2. Mùa xuân thống nhất thứ sáu đã đi qua. Gia đình tôi đã về sống ở vùng Đầm Vịt. Với mấy chỉ vàng của mẹ tôi còn cất giữ lại được sau hơn hai năm phải vất vả nuôi con, chăm sóc bà nội, buôn bán, năm vài bạn đi thăm nuôi chồng ở trại cải tạo Ngâm Điền.

Ngày được trở về đoàn tụ với gia đình cũng là lúc cha tôi quyết định đưa cả gia đình đi kinh tế mới. Bà nội tôi sau những ngày tháng lang thang, theo như lời nội kể đã có lúc phải đi ăn xin, may nhờ được các chú bộ đội và những người dân tốt bụng dọc đường, bà đã tìm được vào đến Huế... Chuyển vô Nam của bà nội tôi là cả một câu chuyện dài đầy bí ẩn, đau thương.

Đất rừng Tây Nguyên hoang dã, người thưa vắng, bị cày nát bởi bom đạn nhưng lại hào phóng, đãi người. Không hiểu ai xui và mách bảo, cha tôi dắt díu vợ con về vùng Đầm Vịt. Những lúc cực nhọc, vất vả thiếu thốn, mẹ tôi có than phiền, trách móc cha đưa vợ con vào vùng rừng thiêng, nước độc. Cha cười động viên: “- Này em, hơn nửa thế kỷ trước cụ Yessin đã từng đặt chân đến nơi này. Đất vàng đấy em ạ”. Mẹ tôi vặc lại: “- Yessin là ai? Anh khùng à?”. Cha tôi bình thản trả lời: “- Một ông bác sĩ người Tây dám bỏ cả phần hoa đỏ hội của Paris, Thụy Sĩ chọn Việt Nam làm quê hương. Người Tây họ còn dũng cảm vậy, huống chi ta. Em coi thử ruộng rẫy nhà ta có rộng gấp mấy trăm lần căn phòng thuê ở Nha Trang không nào?” Mẹ tôi vẫn không tha: “- Đúng là khùng”.

Như thế trời đất thương, chỉ vài ba vụ thu hoạch sản mía, cha mẹ tôi đã có của ăn của để, dựng được căn nhà gỗ nhỏ. Mẹ tôi lại có nghề may, ngoài công việc trông nom vườn tược, bà may áo quần cho các cô chú cán bộ làm việc ở thị trấn, may áo quần cho mấy cô giáo. Tôi đi học mẹ mua vải mới may áo quần cho tôi đến trường. Ngay từ khi đi học tiểu học, tôi đã là một đứa trẻ nghịch ngợm, hay trêu chọc bạn bè, đám con trai nhiều khi còn bị tôi bắt nạt. Trận đòn của mẹ tôi là kết quả của một cuộc cãi lộn với mấy đứa con trai trong lớp. Tôi đã cầm cây bút bi đâm nát cuốn vở tập của thằng Bin. Giận

quá tôi còn xông vào ôm nó vật lộn. Thầy giáo phạt tôi, đưa lên văn phòng. Ông cho người về tận nhà bắt mẹ tôi lên nhận con và viết bản kiểm điểm. Suốt chặng đường từ trường về nhà, bao nhiêu tội lỗi, những lời quở mắng mẹ trút lên đầu tôi. Cây roi tre mẹ tôi tuốt được ở dọc đường, quất cho tôi đỏ đít. Ban đầu tôi còn khóc mếu. Sau giận mẹ quá, tôi im lặng.

Buổi tối nhân lúc mẹ tôi đi họp tổ phụ nữ ở xóm Đầm Vịt, cha tôi mới ôm tôi vào lòng. Và hỏi: “- Chiều nay có chuyện chi ở trường mà con để thầy phạt, mẹ đánh? Nói cho cha nghe coi!”. Bà nội thương cháu, nghe cha tôi hỏi, có ý giận con dâu, chửi: “- Tiên nhân bố nó, chả hiểu chuyện gì, đánh con bé lần lươn”. Như thế nỗi uất hận bị kìm nén trong lòng bây giờ mới trào ra, tôi mếu máo: “- Thằng Bin chửi con là con lính ngục...!”. Cha tôi nghe xong ăng lạng, rồi cười khùng khục, xoa đầu tôi. Ông lấy chiếc khăn lau mặt cho tôi rồi nói: “- Thằng Bin nói vậy mặc nó con... Cha là ai, con vẫn là con ngoan của cha”.

Bà nội tôi ngồi giấu mình trong khoảng tối bên thềm hè bồm bẻm nhai trầu. Đột nhiên, bà tôi lấy miếng trầu ra khỏi miệng, gặm lên như một con mèo già hung dữ: “ - Lần sau đứa nào nói vậy con tát vào mặt nó và bảo: Bố tao là bộ đội cụ Hồ, bố tao đi đánh Mỹ... nghe chưa cháu!”.

Tôi mở to đôi mắt thỏ non nhìn bà nội rồi nhìn sang cha tôi. Không hiểu... Không thể hiểu. Phải nhiều năm sau nữa khi tôi đã làm chủ một gia đình. Tôi sống đơn độc trong căn phòng ấm áp đầy đủ tiện nghi mới vỡ ra nhiều điều mà ngày còn nhỏ không biết, không hiểu.

Có những ngày tôi đi lang thang trong những cánh rừng đại ngàn của cao nguyên, miên man giữa những thảm hoa hồng, hoa ly, thược dược, cúc vàng, cúc tím... vào mùa thu hái. Những ngày tôi lần mò tìm đường về với làng Lô, làng Vàng, Đông Xá, làng Mây... heo hút nằm lọt thỏm giữa đồng bằng sông Hồng trù phú. Những chiều nắng ngả vàng trên các triền núi phía Tây kinh thành Huế, tôi đứng ngơ ngẩn bên bụi tre ngà ở làng Dương, nghe tiếng chuông nhà thờ ngân lên âm vang khắp mặt sông Bồ, rồi lần mò chui xuống căn hầm trú pháo của ông ngoại tôi được xây cất kín đáo dưới ban thờ, ẩn nấp

“Việt cộng” mỗi khi về đánh đồn Từ Hạ. Suy ngẫm và tìm câu trả lời, tôi mới vỡ dần ra những bí ẩn về những người thân xung quanh tôi. Hết như con lật đật của dân Nga. Cứ mở... cứ mở. Hết con này lại đến con khác xuất hiện. Đi tìm những lời giải về người thân, tôi đi hết chặng này sang chặng khác, gặp hết bất ngờ này sáng cảnh huống khác. Chỉ khác một điều, những hình hài những câu chuyện không giống nhau bao giờ. Công việc tôi làm hết như một điều tra viên hình sự, mầy mò kết nối xâu chuỗi từng sự kiện để khám phá bức tranh gia đình vốn mờ mịt, đầy uẩn khúc.

4

Năm tôi 14 tuổi, tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt điểm ưu.

Cha tôi cùng với mấy người làm công cắt hoa hồng, đóng vô thùng, nhìn thấy tôi cầm tấm bằng không giấu được vẻ vui mừng.

Ông cười, khen: “- Khá lắm! Hè năm nay cha sẽ thưởng”.

- “Thưởng chi cha?” - Tôi hỏi.

- “Bí mật!”. - Cha tôi cười.

Buổi tối cha tôi lặng lẽ lên phòng thờ, cầm theo tấm bằng tốt nghiệp của tôi, thắp hương khấn vái. Như thế ông báo cáo với mẹ tôi rằng: Tôi là một đứa con ngoan, trò giỏi, đã làm được điều hứa với mẹ tôi trước vong linh của người. Sau này tôi cũng nhiễm thói quen ấy của cha tôi. Trong cuộc sống có điều gì phiền muộn, công việc làm ăn không được như ý, thậm chí trong lòng không vui, tôi lại tới bàn thờ thắp nhang, lòng thấy thanh thản. Những lúc ấy tôi lại nhìn ảnh mẹ, ảnh cha, ảnh bà nội. Tôi ngồi trò chuyện tâm sự như thể cha mẹ tôi đang ngồi trước bàn trà nghe tôi kể lể.

Cha tôi quê xứ Bắc. Mẹ tôi ở Huế. Tôi sinh ra ở Nha Trang. Cho đến khi đã trở thành một thiếu nữ bước sang tuổi dậy thì, tôi vẫn chưa bước chân ra khỏi vùng Đầm Vịt. Nghe cha tôi hứa cho về thăm quê, tôi háo hức chờ đợi từng đêm.

Chuyến xe đò khởi hành từ Bảo Lộc lúc trời còn mờ tối. Quá trưa, cha con tôi đã có mặt ở Sài Gòn. Ý niệm về một thành phố lớn nhất phía Nam, đến bây giờ vẫn hằn sâu trong ký ức của tôi là những con đường người xe đi lại đông đúc chen lấn như một đàn kiến. Xe đạp, xe máy, xe ba gác, xe đò như một dòng thác người đổ về trung tâm thành phố... Ga Sài Gòn hơi hám và nhếch nhác. Cha dắt tôi vào một quán cà phê bên đường vừa đặt túi xách, ngồi chưa ấm chỗ đã có hai ba người tới gạ.

“- Bác mua vé đi Đà Nẵng, Huế hay Hà Nội?” - Cô phe vé gạ thêm: “-

Giường nằm, ghế ngồi, cháu có cả. Bác mà chờ mua vé nhà nước thì chẳng có đâu!”.

Cha tôi hỏi: “- Vé đi Hà Nội mắc hơn bao nhiêu?”.

“- Dạ ba chục...”.

Cha tôi đồng ý mua vé ngoài để có thể lên tàu ngay chiều hôm đó. Hai mươi phút sau người đàn bà bán vé mang ra cho cha tôi một cặp vé giường nằm. Tàu Thống Nhất ba. Về đến Hà Nội đi trọn ba ngày ba đêm.

Chuyến tàu xuyên Việt của những năm “tám mươi” vật vã, nặng nề bởi hàng hóa gạo cơm. Miền Bắc thiếu gạo, thiếu thực phẩm và vật dụng thông thường. Trên các toa tàu, giấu kín dưới các băng ghế, trên khoang để hành lí chất đầy các bao gạo, bao xoài, dứa, cá khô, mắm ruốc... Những con tàu chạy ngược vào Nam ngồi lẫn với người là những bao bột mì, áo quần, chăn mền Con Công, vải hoa, đèn pin, bật lửa...của các bà đi buôn đánh hàng lậu từ biên giới Việt Trung, ngày ấy hai “nhà” vẫn còn đang đóng cửa. Nhờ mua được vé chợ đen, cha con tôi có được hai khoang giường nằm ở tầng hai và tầng ba. Tôi nằm ở khoang giữa, thỏa sức ngắm cảnh vật suốt dọc đường. Còn cha tôi hầu như ngủ. Ông nằm bẹp trên khoang thượng áp mái. Chỉ khi nào cần đi vệ sinh, hút thuốc, uống cà phê ông mới xuống. Lần đầu được đi tàu hỏa tôi háo hức. Những tên ga tàu tôi đã thuộc lòng trong cuốn lịch số tay như Sóng Thần, Mừng Mán, Tháp Chàm, Nha Trang, Đại Lãnh...Những địa danh nghe vừa lạ vừa quen luôn gợi trong tôi những suy tưởng kỳ thú về một vùng đất mới. Bây giờ những vùng đất ấy đang lần lượt trôi qua trong mắt tôi. Con tàu trôi trong đêm. Ngọn đèn pha sáng quắc xé tan bóng tối như trôi về cõi vô định. Ga tàu nào cũng hao hao giống nhau. Người lên tàu, người xuống tàu ồn ã huyên náo. Khi tàu dừng, hàng trăm người bán hàng rong từ trong những vùng tối lao ra chìa trước mặt khách đồ ăn thức uống chào mời. Lâu lâu một tiếng la ré lên: “Kẻ cắp!”. “- Tôi bị nó móc mất bóp rồi...”.

Tôi không bận tâm nhiều tới những chuyện vụn vặt mắt thấy tai nghe. Tâm trí tôi mãi dõi theo những cảnh sắc, những khung trời mới cứ lần lượt mở ra theo từng cung đường. Con tàu qua Đèo Cả, Vũng Rô vào khuya.

Trăng rằm vàng vạc soi rõ những ghenh đá, sóng đánh tung bọt trắng xóa. Tàu qua Hải Vân, Lãng Cô giữa buổi bình minh. Mặt trời đỏ như một quả cầu lửa trôi lên ngoài biển. Tàu về tới ga Vinh. Cuộc mua bán giữa người trên tàu và người dưới sân ga hỗn loạn. Những bao gạo, khoai sắn, sọt xoài, cá khô như có cánh bay vọt qua cửa sổ. Chỉ một loáng, những món hàng hóa quý giá ấy đã biến mất vào trong các góc ngách nằm dọc theo con đường sắt dẫn vào ga. Ở khoang tầng 1 là nơi ở và chứa hàng hóa của vợ chồng anh chị nhà giáo, đâu như dạy ở Trường Cao đẳng sư phạm N. Tôi nghe rõ giọng cô giáo co kéo về giá cả với mấy người buôn ở ga Vinh. Chỉ đến khi con tàu hú còi rời ga tôi mới cảm thấy không khí đỡ ngột ngạt, xô bồ. Nằm ở tầng trên, tôi nghe rõ tiếng của cô giáo khoe với chồng: “Này ông, cả gạo, cả xoài với mấy buồng cau lãi hơn hai trăm. Thích không!”. Ông chồng, một thầy giáo dạy môn triết, chính trị găm gù trong cổ họng: “Buôn với chả bán... Hay hớm gì mà cô khoe cho cả làng nghe...”. Giọng chị vợ rin rít: “Á... à... Gần gấp đôi lương của ông đấy nhé...!”. Nghe người lớn cãi nhau, tôi muốn cười. Lại sợ. Đi đường, cha tôi đã dặn: “Thiên hạ nói chi, họ cãi vã, đánh chửi nhau, con mặc họ, nghe con. Mình là con nít, chả biết đâu chuyện người lớn”.

Vài lần, tôi xuống giường đi ra ngoài cửa sổ. Thấy tôi hơi gầy, xanh xao, cô giáo tỏ vẻ ái ngại và bắt chuyện. Tôi trả lời cầm chừng, chiếu lệ. Bữa ăn của thầy cô giáo chẳng khác hơn cha con tôi. Cơm nắm, muối vừng, thêm khoanh giò nạc.

Con tàu về càng gần đến đích, hàng hóa càng nhẹ bớt. Qua các ga Vinh, Thanh Hóa, Nam Định, người đi tàu cũng xuống vãn. Đến ga Quán Hành, cha tôi bảo: “Ngày trước, cha đi bộ đội, tàu vào đến đây rồi dừng. Cha và các chú bộ đội phải đi bộ từ đây để vô Nam”. Tôi nghe, biết vậy chứ không hỏi thêm. Nét mặt cha tôi ưu tư, nghĩ ngợi. Tàu về đến ga Hà Nội vào lúc ba giờ chiều. Cha tôi thuê phòng trọ có chỗ cho tôi nghỉ ngơi, tắm giặt sau mấy ngày đi đường vất vả, bẩn thỉu.

Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay, chỉ đến khi nghe tiếng mở khóa tôi mới chột tỉnh. Cha tôi về, đi theo ông là một thanh niên còn trẻ. Trông qua

cách ăn mặc tôi đoán anh ta là bộ đội. Chỉ nghe cha tôi nói với người thanh niên: “- Cháu cầm tạm ít tiền đi mua xăng. Gần năm giờ cháu đến đây đón chúng tôi”.

Anh thanh niên cầm tiền đút vào túi áo, lén nhìn trộm tôi. Gương mặt anh chàng còn trẻ nhưng răn rỏi, chín chắn. Da ngăm đen, đầu húi cua. Ánh mắt của anh ta liếc nhìn tôi như thể anh ta vẫn xem tôi là một đứa con nít.

Tôi hỏi cha: “- Lát nữa đi đâu cha?”. Cha tôi thu dọn đồ đạc cho vào chiếc ba lô, bảo: “- Về quê thăm mộ ông nội. Cha mua sẵn mấy ổ bánh mì lát nữa con mang theo để ăn dọc đường. Bây giờ cha đưa con đi ăn phở”.

Sau này, khi đã trưởng thành, tôi đi Nam về Bắc, sang cả Paris, Tokyo, Bắc Kinh, Thượng Hải, nhiều lần qua Thái Lan... Mỗi khi chán các bữa ăn Tây Tàu, thèm cơm Việt Nam, món đầu tiên tôi nghĩ đến là phở.

Đã hàng trăm nghìn lần ăn phở nhưng tôi luôn ám ảnh bởi ý nghĩ, bát phở cha tôi cho ăn vào cái buổi chiều đông lạnh đầu tiên ra Hà Nội có lẽ là tô phở ngon nhất, không đâu có cả. Có thể tôi cực đoan, cố chấp, bảo thủ nữa. Không sao! Tôi luôn tin vậy. Cha con tôi ngồi ăn phở ngay trên chiếc ghế băng sắt vỉa hè, cạnh một con hẻm dài sâu hun hút. Cách chỗ tôi ngồi chưa đầy hai mét là đường cống thoát nước chảy ra từ những ngôi nhà chạy dọc theo dãy phố. Nước từ trong các nhà chảy ra đổ vào cống chính thành dòng nước đen đặc, lẫn với nước là các cọng rau muống, hạt cơm, hạt gạo, đầu mẩu xương. Thịnh thoảng từ trong miệng lỗ đen ngòm, một chú chuột cống thò ra, cạp lấy mẩu xương thừa rồi lại chui tọt vào hang. Khách ngồi ăn phở quanh đấy hầu như không ai để ý đến những con chuột và người ngồi ăn cạnh mình là ai. Mọi con mắt đổ dồn vào nồi nước phở đang sôi sùng sục, phía dưới là một bếp than cháy đỏ rực, mùi phở tỏa thơm ngào ngạt. Mỗi bát phở chỉ có ít sợi bánh mềm và mỏng, dăm lát thịt bò, chút cọng hành, hạt tiêu sao mà thơm ngon đến vậy. Có thể là tôi đói. Và lần đầu tiên tôi được ăn phở Bắc, trời lại hơi heo heo rét... Cái ngon và hương vị đặc biệt của tô phở vỉa hè thấm vào tận da thịt và kí ức của tôi đến tận bây giờ.

Cùng ăn với cha con tôi còn có những bác xích lô, xe thồ, một vài anh

công chức mặc áo bốn túi cặp cặp ngồi trên những chiếc ghế gỗ, ghế nhựa xi xụp ăn phở. Nhiều năm sau, có dịp ra Hà Nội lo công chuyện, rảnh rỗi tôi đi tha thân khắp các ngã đường, trở lại ga Hà Nội, sục sạo trong các con phố, tôi có ý tìm người đàn ông với gánh hàng phở ở vỉa hè năm nào nhưng không bao giờ gặp lại.

Đúng giờ hẹn, anh thanh niên lái xe đến nhà trọ bằng chiếc xe Commăng-ca cũ kĩ. Chúng tôi nhanh chóng lên đường. Cha tôi ngồi cạnh anh lái xe chỉ đường. Tôi ngồi ở băng ghế sau rộng rãi.

Cha tôi bảo: “- Khi nào mệt con nằm xuống ghế mà ngủ”. Đường đi vừa xa lại xóc. Tôi ngủ sao nổi! Xe ra khỏi thành phố trời đã nhập nhoạng tối. Một vài hàng quán đã lên đèn. Con đường lộ xuôi về phía Nam hun hút gió, băng qua làng mạc, đồng ruộng. Những ngôi nhà ngói, nhà lá, nhà rạ nằm lẫn khuất giữa những bụi tre, cây rơm đang chìm dần trong ánh hoàng hôn cuối ngày.

Tôi mê đọc văn của Thạch Lam, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao từ nhỏ. Sau này đọc thêm truyện của các ông Nhật Tuấn, Duyên Anh, Vũ Bằng, Tô Hoài, Nguyễn Hồng để hiểu thêm về xứ Bắc, quê nội. Nhưng trong buổi chiều u ám, lạnh lẽo này, tôi càng thấm thía khi được tận mắt nhìn những làng quê, con người nơi cha tôi sinh ra. Một đoạn đường dài chiếc xe như trôi đi trong màn sương khói từ các thôn xóm bên đường loang ra phủ mờ cảnh vật, phảng phất mùi ngô, khoai nướng. Câu chuyện của cha tôi và người lái xe càng lúc càng rôm rả, khiến tôi càng chú ý, xua tôi ra khỏi cảm giác buồn tẻ, cô đơn. Những câu đối thoại của hai người lúc to lúc nhỏ.

“ - Cậu đi lính được mấy năm rồi?”.

“- Dạ một năm ba tháng chú! Chú ở miền Nam sống ở tỉnh nào?”.

“-Lâm Đồng”.

“- Chú làm nghề gì?”.

“- Làm ruộng! Cậu là con thứ mấy trong nhà?”.

“- Dạ thứ hai. Thầy cháu hi sinh. Mẹ cháu đi lấy chồng, cháu còn có thêm hai người em nữa... Nghe nói trong Nam làm ăn dễ phải không chú?”.

“-Cũng tạm tạm... Ở đâu chăm chỉ làm ăn cũng sống được. Cậu học tới lớp mấy rồi? Sao lại đi bộ đội?”.

“- Dạ cháu học hết cấp ba. Gia đình cháu nghèo, cháu xin đi bộ đội. Từ ngày giải phóng đến nay chú về quê mấy lần rồi?”.

“- Đây là lần đầu...”.

Giọng cha tôi hơi nhỏ lại - “Lần này tôi đưa con gái về thăm quê nội!”. Anh lái xe nhìn tôi qua chiếc gương chiếu hậu. Tôi tránh ánh mắt của anh ta.

- Chắc cô bé lần đầu về quê vui lắm”.

Anh lái xe cười. Tôi im lặng, cảm thấy tương tức khi anh ta gọi tôi bằng “cô bé”. Làm như không để ý đến câu chuyện của họ, tôi ngó lơ ra ngoài con đường đang chìm vào bóng tối.

Tôi thức giấc lúc chiếc xe đã dừng lại. Ai đó đã đắp lên người tôi tấm áo bông dày, phảng phất mùi xăng nhớt. Qua tấm kính xe tôi thấy cha tôi và người lái xe đang ngồi uống nước, hút thuốc ở một quán ven đường. Những chiếc xe tải, xe khách, xe con xếp hàng dài đang chờ xuống phà. Những người bán hàng rong bê những mẹt táo, ổi, củ ấu chào mời khách trong quầng sáng của những ngọn đèn điện đỏ quạch hắt ra từ các quán ven đường. Chiếc xe comăngca quân đội được ưu tiên. Khi đã yên vị trên phà tôi mới hỏi: “- Đây là đâu hả cha?”. “- Phà Tân Đệ con ạ. Sông Hồng đấy! Đi một lúc nữa là tới nhà ta”.

Suốt chặng đường về làng, cha tôi và người lái xe không nói chuyện nữa. Gương mặt cha tôi thỉnh thoảng lại hiện lên khi có một chiếc xe chạy ngược chiều hắt đèn pha vào mặt. Ông trầm tư nghĩ ngợi. Nhiều năm sau nghĩ về cha, nhớ lại chuyến thăm quê lần đầu, tôi vẫn không sao cắt nghĩa lí giải nổi tâm trạng của cha tôi đêm ấy. Ông đã nghĩ gì sau gần hai mươi năm xa quê! Không hẳn ông vui. Cũng không thấy ông biểu lộ tâm trạng háo hức hồi hộp của một đứa con biền biệt lâu ngày. Có lúc hình như cha tôi khóc. Không thành tiếng. Dòng nước mắt lăn dài trên gò má, gặp luồng sáng của đèn pha ô tô rọi chiếu ánh lên như một sợi bạc rồi vụt tắt. Trong lúc ấy, người lái xe chăm chú quan sát phía trước, tránh ổ gà và người đi bộ, đi xe đạp sát bên vệ

đường. Họ cũng lặng lẽ, âm thầm như những cái bóng di động. Chiếc xe con rầm rì lao đi trên con đường rải đá. Ánh đèn pha ô tô như bị nuốt gọn trong khoảng tối của hai hàng cây xà cừ cổ thụ.

Có lúc chiếc xe băng qua một ngôi làng nào đó. Đêm chưa khuya nhưng trong các ngôi nhà đều im ắng. Một vài nhà le lói ánh đèn dầu. Bầy chó nghe tiếng máy xe gầm gừ thi nhau sủa. Đi mãi nhưng cha tôi không chỉ cho người lái xe lối rẽ vào làng. Đến một cây đa cổ thụ có ngôi chùa nhỏ giữa cánh đồng ông mới bảo anh ta dừng lại.

“- Nếu cháu vội phải về Hà Nội thì đưa chúng tôi đến đây là được. Còn nếu không ráng chờ chúng tôi có chút việc, khoảng hơn một giờ đồng hồ rồi ta cùng về”. Cha tôi bảo người lái xe như vậy.

Tôi vừa mệt lại vừa buồn ngủ. Niềm háo hức được về quê thăm nhà nội đã tan biến từ lúc nào. Đứng giữa đồng không mông quạnh, lạnh lẽo hoang vắng, nỗi ám ảnh sợ ma, sợ bị cướp giật lớn vờn trong đầu óc tôi.

Cha tôi như thế không nghĩ tới điều đó. Ông khoác ba lô và dắt tôi trong tay làm cho tôi cảm thấy yên tâm.

“- Cha con ta ra mộ thắp cho ông nội nén nhang”.

Ánh trăng hạ tuần bị che phủ bởi bầu trời đầy mây. Tôi nhận ra khu nghĩa địa rộng mênh mông nằm giữa cánh đồng. Ở phía xa, sau bụi tre có ngôi nhà nhỏ leo lét ánh đèn dầu. Sau này tôi mới biết đấy là ngôi nhà của người trông coi nghĩa trang. Cha đưa tôi đi trên con đường đất nhỏ luôn lách giữa các ngôi mộ đất. Thỉnh thoảng có một vài ngôi mộ xây gạch. Như thế đã biết rõ mộ ông nội nằm ở đâu, cha tôi nhắm thẳng tới một bụi cây đen ở giữa khu mộ. Đây là một khóm dứa dại mọc trên một gò đất cao, cành lá rậm rạp, phiến lá có nhiều gai sắc nhọn. Cha tôi đặt chiếc ba lô xuống một vạt cỏ, ông chậm rãi mở ra lấy mấy phong bánh, nắm nhang, giấy vàng mã cùng với một cái đèn pin chỉ nhỏ bằng ngón tay. Một luồng ánh sáng to bằng đầu đũa phát ra từ cây đèn pin, ông lia nhanh qua một vài ngôi mộ nằm quanh bụi dứa dại. Ông bảo nhỏ tôi:

“- Con đọc trên bia đá có tấm nào ghi tên cụ Bùi Văn Đê là mộ ông nội

nhà ta”.

Khi đọc tới ngôi mộ thứ tư tôi đã nhìn thấy tấm bia ghi tên ông nội. Tấm bia đá chỉ vón vụn có mấy chữ: ‘Cụ Bùi Văn Đê. Làng Lô, thôn Đông Xá. Mất ngày tháng Bảy năm Nhâm Mão’. Cha tôi soi đèn pin đọc lại một lần nữa. Ông cẩn trọng đặt lên ngôi mộ mấy phong bánh và chêm hương. Tôi quỳ xuống bên cạnh ông. Trong giây phút tĩnh lặng giữa đêm khuya tôi đã nghe cha tôi khấn ông nội:

“Thầy ơi! Con là đứa con bất hiếu. Được thầy mẹ cho ăn học rồi ra trận đánh giặc. Ai ngờ cuộc đời con gặp bao gian truân, những tưởng chỉ một mình con gánh chịu nỗi oan khuất tui cực nào ngờ con lại giáng họa cho thầy mẹ để thầy chết oan uổng như thế này... Con có chết cũng không rửa hết nỗi nhục của thầy... Thầy ơi!”.

Giọng cha tôi lạc đi. Nghe ông tạ tội với ông nội, tôi chỉ muốn khóc. Tôi mơ hồ hiểu rằng trong quan hệ gia đình nhà tôi, giữa cha tôi và ông nội có uẩn khúc gì đó...nhưng chưa bao giờ tôi thấy cha mẹ tôi kể cho tôi nghe... Cũng như lúc này, khi cha con tôi vượt qua quãng đường cả ngàn cây số, nằm tàu suốt mấy ngày trời, cha đưa tôi về quê chỉ làm mỗi một việc là đưa tôi ra thắp hương ở mộ ông nội giữa đêm đông lạnh giá.

Cũng đêm ấy, giữa bãi tha ma của làng Lô, tôi đã gặp phải một phen kinh hãi. Nỗi sợ hãi ấy e sẽ đeo đẳng tôi đến suốt đời. Vào lúc cha tôi đốt tàn năm giấy tiền, vàng mã, bất ngờ từ sau bụi duối già, một bóng người hiện ra. Tôi không rõ mặt hẳn. Hẳn chụp trên đầu chiếc mũ vải nhàu nát như của anh hàng phở, tấm áo dạ khoác ngoài màu xám, dài đến đầu gối. Cha tôi chưa nhìn thấy người lạ, ông vẫn còn đang chêm lại mấy cây hương chưa cháy hết. Người đàn ông lạ mặt đã quỳ sụp xuống sau lưng cha tôi và lạy:

“- Thưa ông, ông có phải là anh Đê không?”.

Cha tôi giật mình quay lại ngơ ngác nhìn người lạ. Người lạ mặt nói tiếp:

“- Em là thằng Ca ở trung đội 2, đại đội 3, lính KX đây”.

Cha tôi đứng lên. Tôi nắm chặt tay cha. Người đàn ông ngẩng mặt lên nhìn cha tôi rồi nói:

“- Chỉ vì lầm lỡ của em khiến gia đình cụ Đê tan cửa nát nhà... Giờ có mắt ông ạ... Bao năm mới gặp lại ông ở làng này. Vong hồn cụ Đê có linh thiêng chứng giám cho tội lỗi của em... Ông giờ đã quả báo... Con vợ em vì nghe lời em lên xã tố điếu mà rồi bị sét đánh chết ở ngoài Cổng Vàng. Thằng con trai em đi theo mấy người lên rừng buôn gỗ về ngã nước rồi cũng chết... Còn lại thân em giờ đất dày đọa để chịu kiếp nạn này”.

Kẻ lạ mặt nói một thôi một hồi kể lể câu chuyện bi thảm về gia đình hẳn. Có lẽ cha tôi cũng chẳng hiểu sự thế câu chuyện ra sao. Lúc hẳn ôm mặt khóc rưng rức, cha tôi chìa cây đèn pin vào mặt hẳn rồi hỏi:

“- Anh là ai? Tôi không biết! Chắc anh cũng chẳng biết tôi là ai, giữa đêm hôm khuya khoắt này ra đây kể chuyện vợ con anh!”.

Người lạ mặt quỳ sụp xuống dưới đất, tế sống cha tôi, nói như van lơn:

“- Em là thằng Ca ở xóm Chung, cùng làng với ông. Ông không nhận ra em thật sao? Em là lính cùng đơn vị với ông ở đại đội 3 đây... Em có tội... có tội. Ông cứ giết em đi”.

Gương mặt cha tôi dờ dẩn nhìn người đàn ông lạ mặt. Tôi lơ mơ đoán hiểu hình như cha tôi cũng đã biết hẳn là ai. Ông không nói gì, bỏ mặc hẳn nằm úp sấp trên mặt cỏ ướt đầm sương. Đi vài bước, chợt cha tôi quay lại, hỏi:

“- Anh nói là lính trung đội 2, cùng đại đội với anh Đệ, nhưng ở chiến trường nào mới được chứ?”.

“- Dạ, chiến trường Trị Thiên Huế, thưa ông”. Hẳn nói hỗn hển.

“- Sao anh biết anh Đệ, người làng Lôi?”.

“- Dạ thưa, anh Đệ là đại đội phó của đại đội em, người đồng hương với em”.

Cha tôi lại hỏi:

“- Bây giờ anh làm gì ở đây?”.

Người đàn ông lạ mặt đã có vẻ tỉnh tâm, trả lời:

“- Vợ con em chết, cảnh nhà túng đói, các cụ trong làng cho em ra đây trông coi mồ mã!”.

Cha tôi lặng lẽ lấy thuốc hút và chìa ra trước mặt người đàn ông bao

thuốc. Hắn giơ bàn tay ra nhón lấy một điếu nhưng không hút mà lại gài lên vành tai.

“- Tôi ở xa về nhân tiện ghé qua đây thăm mộ, thắp hương cho cụ thân sinh ra anh Đệ, người làng Lôi. Anh Đệ bộ đội cùng đơn vị với anh ngày trước, chết lâu rồi”. Cha tôi bảo người đàn ông lạ mặt.

Dưới ánh trăng mờ ảo, tôi nhìn rõ cha tôi rút ra từ trong túi áo khoác chiếc ví, ông dúm vào tay kẻ lạ mặt một xấp tiền.

Tám năm sau, tôi đã là một kỹ sư ra trường về lại trại Đầm Vịt, mở công ty riêng. Nhiều lần tôi về lại làng Lôi để khảo sát mua hàng mây tre ở vùng này, xuất khẩu sang thị trường Đông Âu. Nhân lúc rảnh rỗi, tôi hỏi thăm người làng mới hay, người có tên là Ca, trông coi nghĩa địa của làng cũng đã chết. Phần việc trông coi mồ mả đã được giao cho một người khác. Gia đình nhà Ca chỉ còn sót lại một người con gái hơn tôi vài tuổi, “hơi dở người”, vẫn chưa có chồng, sống nghèo khó, chuyên đi cấy thuê, cuốc cỏ, đan lát thuê cho cả làng. Tôi đã tìm gặp người con riêng của lão Ca, chính là cô Thoa bây giờ. Ngày trở về Nam, tôi đã dắt theo Thoa. Mười mấy năm nay, cô Thoa đã trở thành một phần trong gia đình nhỏ bé của tôi, chăm lo việc cơm nước, cai quản việc nhà.

Những lúc rảnh rỗi, tôi hay tần mẩn giở từng cuốn sổ của cha tôi để lại. Tình cờ tôi được đọc những dòng này của ông ghi câu chuyện hai cha con ngày về làng Lôi.

“Gần hai mươi năm mới trở về quê. Dòng sông Hồng và bến phà T.Đ còn đó. Chỉ muốn khóc. Sợ cậu lái xe và con gái cười. Lòng đau quặn thắt. Cả đời, Hương Giang ao ước một lần về Hà Nội, về thăm quê vậy mà không được...Có người lính nào như ta, về lại cố hương trong cảnh trở trêu này... Ca nào đây ta? Nhớ ra rồi. Thăng Ca làm lính giữ B40 của trung đội cậu Toan B2. Nó đã gặp ta ở Ninh Hòa vào cái ngày cuối tháng 3 năm 1975. Chỉ một câu nói của mi mà làm ông khổ...Khốn nạn thân thằng Ca sao bây giờ đổ đốn ra nông nổi này!”.

Đoạn viết ấy, cha tôi ghi ở tập sách thứ năm theo cách đánh số thứ tự của

ông. Kẻ mang tên là Ca ấy, tôi còn được đọc một vài lần nữa trong tập ghi chép của cha tôi. Thời điểm ấy, cha tôi bị đưa đi trại cải tạo ở Ngâm Điền. Bà nội tôi ngày còn sống thi thoảng cũng một đôi lần kể chuyện làng quê với mẹ tôi có nhắc đến người tên là Ca. Đã bao năm, tôi vẫn không quên câu chửi của bà. “- Tiên nhân bố nó! Đồ bất nhân bất nghĩa làm đời con trai bà khổ! Ông giời quả báo con ạ”.

Về lão Ca đã có lần tôi hỏi chú Hoài. Nhắc đến tên lão, chú Hoài có biết nhưng xem ra chú không ưa lão Ca. Tôi gắng hỏi, chú Hoài chỉ nói:

“Chú ghét thằng cha ấy. Nó cùng nhập ngũ với chú, ở chung một tiểu đoàn huấn luyện vào Nam. Thằng Ca là lính giữ B40 của trung đội. Trong một lần nó cùng với anh trung đội phó đưa thương bệnh binh lên phễu Nhô ở bờ Bắc sông Bồ. Chỉ vì vô trách nhiệm, sợ bị địch phục kích dọc đường, nó đã bỏ quên một người trong đơn vị, bị sốt rét, nằm lại dọc đường. Cho đến nay, cũng không rõ người lính ấy bị hổ vồ hay bị chết đâu đó trong rừng. Không ai biết. Người lính trẻ ấy là thằng bạn thân của chú, hai đứa cùng học một trường, cùng đi lính một ngày, vào Nam chiến đấu”.

Nghe chú Hoài nói vậy, tôi không dám hỏi thêm gì nữa về lão Ca.

Lúc cha con tôi trở lại, anh lính lái xe comăngca trẻ tuổi vẫn kiên nhẫn chờ ở dưới gốc cây đa già. Trời lạnh anh ta chui vào khu miếu nhỏ tránh rét. Trong lúc đứng dưới gốc đa, cha tôi đã huơ tay chỉ về phía làng, nói với tôi:

“- Con có nhìn thấy cái vạt nhà trắng trắng kia không? Đất nhà ta đấy, ông bà đã sinh ra cha ở đấy. Bây giờ hợp tác xã lấy làm trại chăn nuôi, làm sân phơi lúa”.

Tôi nghe và biết vậy. Không buồn cũng không vui. Chỉ thấy thương cha.

Gió bắc vẫn thổi ào ạt trên cánh đồng. Chúng tôi chui vào xe, lặng lẽ rời làng Lôi. Đã quá nửa đêm. Bầy chó ở trong làng nghe tiếng xe ô tô ngoài đường sủa vu vơ. Có con còn liêu mạng đuổi theo xe ô tô một quãng rồi đứng sững lại giữa đường. Eo óc tiếng gà gáy... Một con trâu nhà ai sống chuồng đứng tha thân gặm cỏ bên mương nước.

Tảng sáng, cha con tôi đã về tới Hà Nội. Người lái xe lặng lẽ chia tay cha

tôi. Anh chàng xoa nhẹ lên đầu tôi. Chỉ nghe anh nói phải đi gấp vào một bệnh viện nào đó trong Hà Đông để đón thủ trưởng. Lúc chiếc xe mất hút trên đường đêm, tôi mới chợt nhận ra vẫn khoác trên mình chiếc áo bông của người lính. Chiếc áo dài tới gần đầu gối, hơi nặng nhưng ấm. Người lái xe tên Khang. “- Chú Khang!”. Tôi nhớ vậy.

5

Trong cuộc sống, điều ân hận nhất của tôi với cha có lẽ là cho đến lúc ông mất, tôi vẫn chưa chịu nghe lời ông lấy chồng. Một đôi lần ông có khuyên bảo tôi về chuyện chồng con, nhưng tính tôi vốn ương bướng, trả lời cha:

“- Con chưa ưng ai! Cũng chẳng ai thích lấy con”.

Cha tôi nghe xong im lặng. Ông nhồi nửa điếu thuốc lá vào tẩu rồi hút, chẳng buồn tranh luận với tôi. Nói mãi, tôi không chịu nghe, hắt ông chán. Chỉ nghĩ đến việc phải sống với một người đàn ông xa lạ, trong một ngôi nhà xa lạ, hàng ngày không được nhìn thấy cha tôi trong mỗi bữa ăn, không được nghe tiếng chân cha bước nhẹ trước cửa phòng mỗi sáng... Tôi phát hoảng. Tôi không lập dị. Cũng chẳng xa lạ với đàn ông. Có thể tôi là đứa ích kỉ. Từ trong tiềm thức sâu xa, tôi muốn được sống quãng đời tự do, chưa muốn lệ thuộc ai. Ngày nhỏ, tôi luôn có mẹ, có bà nội.

Hai người thân yêu mất đi, tôi dành trọn tình yêu cho cha tôi, cho đám bạn bè. Bạn tôi có đứa học với tôi từ thời phổ thông ở những ngôi nhà lợp tôn, tường xây gạch ở Đầm Vặt, cùng tôi vào rừng kiếm củi, kiếm quả rừng. Bốn năm học đại học, tôi có cả một đám bạn như Vân, Thơm, Hằng... Hầu như chúng nó đều đã yên bề chồng con, sự nghiệp. Còn tôi vẫn tự do như con chim sổ lồng. Những năm học đại học, tôi không phải là đứa học xoàng. Ngày tôi nhận tấm bằng tốt nghiệp, thầy Năm Bê khi ấy là hiệu phó của nhà trường khuyên:

“- Nếu em muốn ở lại trường làm trợ giảng, thầy sẽ xin với tổ chức”. Tôi cảm ơn thầy vì lòng tốt và thương học trò.

“- Em phải về nhà, làm việc với cha em” - Tôi thưa với thầy như vậy.

Trong bữa cơm chiều ở trại Đầm Vặt, tôi nhắc lại chuyện các thầy cô giáo muốn giữ tôi lại trường công tác với cha tôi. Ông nghe xong nói:

“- Cho đến giờ cha chỉ còn lại mỗi mình con. Về làm vườn với cha. Đừng vương mang chi nơi đô hội. Hoa thơm cũng có mà răn độc cũng có”.

Tôi cũng nghĩ vậy, chỉ ân hận mẹ không còn nữa để có ngày nhìn thấy tấm bằng tốt nghiệp đại học của tôi. Cũng trong bữa cơm ấy, cha tôi uống rượu và cao hứng. Ông bảo:

“- Cả dòng họ nhà ta con là người học hành, đỗ đạt cao nhất” .

Tôi hỏi chen ngang:

“- Thứ nhì là ai cha?”.

Cha tôi cười:

“- Mẹ con mới qua Văn khoa năm thứ 2, vì yêu cha mà bỏ học. Cha cố lắm cùng chỉ hết tú tài, rồi đi lính. Nội ngoại con các cụ đều ít chữ cả”.

Hai năm đầu tiên học đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, thầy giáo chủ nhiệm bộ môn khoa trồng trọt của tôi là thầy giáo Hàn. Tôi biết thầy quan tâm với riêng tôi, không hẳn vì tôi xinh nhất trong số mười mấy đứa con gái trong khoa. Có thể còn lý do nữa, thầy hiểu hoàn cảnh gia đình tôi, cảnh gà trống nuôi con. Ngay những năm học đầu tiên, thấy tôi học giỏi, thầy giáo Hàn có ý giữ tôi ở lại Sài Gòn. Tôi là trò cưng của thầy. Học giỏi. Một cán bộ Đoàn gương mẫu, không gây mất đoàn kết. Những lần tiếp xúc với thầy, nhìn ánh mắt, cách thầy chăm sóc mỗi lần tôi đến nhà thầy để nghe thầy góp ý trao đổi công việc của lớp, hoặc tình cờ gặp thầy ở văn phòng khoa, tôi biết thầy có cảm tình với tôi. Và trong cái nhìn ấy còn chứa đựng sự tin yêu lớn lao hơn cả tình thầy trò. Tôi nhạy cảm dễ nhận ra điều đó. Nhưng tôi không thể yêu và lấy thầy. Từ trong sâu thẳm, thầy Hàn với tôi chỉ đơn thuần sự kính trọng của cô học trò nhỏ với người thầy có đức độ và trí tuệ hết lòng vì công việc.

Những năm sau giải phóng, đất nước gặp nhiều khó khăn, cuộc sống của các thầy cô giáo đều khổ. Con đường đi du học là cứu cánh cho nhiều thầy cô giáo. Họ sang Liên xô, Đông Âu khi phe xã hội chủ nghĩa còn chưa sụp đổ. Một số nước phương Tây cũng nhận du học sinh. Thầy Hàn là một trong số các thầy cô giáo đi du học ở Úc trở về với tấm bằng tiến sĩ loại ưu. Ngày thầy

trở về, cô vợ xinh đẹp dạy tiếng Anh lại bỏ thầy mà đi. Cô giáo còn trẻ hơn thầy cả chục tuổi, con của một vị quan chức làm việc ở thành phố vốn từ lâu đã chê ông chồng nghèo, cù lần chỉ biết đâm đầu vào sách vở. Cô giáo lại thích giao du kết bạn với mấy cô con nhà giàu, ham đi nhẩy và uống rượu. Cuộc sống của cô không thể thích hợp với lối sống của một nhà khoa học, suốt ngày đi dạy rồi đi họp, còn chút thời gian nào lại chui đầu vào phòng thí nghiệm với đám chai lọ để truy tìm chất dioxin trong đất. Thầy không là nông dân nhưng lúa má đậu bắp, các loại hạt... thầy xếp linh kính trong nhà.

Mỗi lần đi công tác ở Nam bộ, Tây Nguyên, ra Hà Nội dự hội thảo, thầy Hàn tha về hàng chục túi lớn, túi nhỏ các loại giống. Cô giáo trẻ mắng chồng.

“- Đi cho lăm vào rồi lại tha rác về nhà”.

Có lần cô giáo mĩa mai:

“- Việt Nam đã là nước xuất khẩu gạo thứ hai, thứ ba thế giới. Đất nước này còn thiếu gì những ông Lương Định Của mà anh lại lao vào cho nhọc xác”.

Đứa con gái của thầy Hàn năm nay đã gần 10 tuổi. Ngày mẹ nó bỏ đi theo anh chàng Việt kiều từ Mỹ về, con bé mới lên 5. Thầy Hàn kể, ngày nhỏ cứ mỗi lần con bé khóc, ban đêm trở giấc nhõng nhẽo y như rằng cô giáo Anh vẫn lại lôi ông bố chồng ra mà rĩa rói cho hả dạ. Cha thầy Hàn cũng là một sĩ quan của quân đội, có một thời đi bộ đội, Cô vợ của thầy có dịp là móc máy: “Làm ông tướng ông tá oai vệ đâu không biết tha về cái chất độc quái ác để làm khổ con cháu”.

Thầy Hàn đã cố chứng minh rằng: ngày thầy sinh ra trên cõi đời này, ông bố của thầy chưa đi vào Nam đánh Mỹ. Cô vợ cãi chày:

“Thì nó ngửi hơi ông nội nó. Tại ông nội nó bế ẵm cháu, hôn cháu. Anh dạy sinh hóa mà không biết à. Chất độc nó khuếch tán trong không khí, trong nước”.

Những cuộc cãi vã như vậy thầy Hàn luôn là người chịu thua cuộc. Âm thầm nhìn đứa con thương xót. Con bé Tuyền quả là còi cọc, hơi ngơ ngơ. Trí tuệ chậm phát triển hơn so với những đứa trẻ cùng trang lứa. Chậm nói,

nhưng lại có đôi mắt đẹp, tinh anh. Cứ mỗi lần bắt gặp ánh mắt của con Tuyền nhìn, thầy Hàn như thấu hiểu con bé biết cả. Biết từ chuyện cha mẹ nó hay cãi cọ nhau. Biết bố hay ngồi hàng giờ bên tách cà phê, hút thuốc với một nỗi buồn thăm thẳm. Biết được cơn đau của ông nội vào những ngày cuối cùng khi căn bệnh ung thư mang ông đi. Lúc ông chết, một bàn tay ông vẫn nắm chặt lấy bàn tay con bé. Người nhà phải gỡ tay ông nội ra khỏi bàn tay nó. Như thế con bé biết cả chuyện mẹ nó mang những người đàn ông lạ về nhà. Tưởng con bé ngủ say, khóa trái cửa điên cuồng trong những cuộc làm tình. Lúc thị tiền khách về mới nhận ra đứa con gái nhỏ đang ngồi ôm búp bê ở một góc nhà...

Nhưng tôi không thể yêu và lấy thầy Hàn. Tôi chưa có ý định lấy chồng. Tôi cần phải học, trước hết phải có được tấm bằng kỹ sư để thoả ước nguyện của cha tôi, của mẹ tôi. Trong suốt 4 năm học đại học, chưa bao giờ tôi nảy sinh ý nghĩ học xong sẽ tìm đường ở lại trường dù đây là thành phố Hồ Chí Minh hay ở trường đại học Thủy lợi 2 sau này. Ý tưởng ấy của tôi xa lạ với nhiều bạn gái, bạn trai khác trong lớp. Họ luôn tìm cách bám lấy Sài Gòn để hi vọng dễ tìm việc làm, có nhiều mối quan hệ, dễ kiếm chồng hoặc vợ. Hoặc xa hơn nữa là kiếm cơ hội học lên thạc sĩ, tiến sĩ.

“Sài Gòn là một tấm áo choàng lớn, đủ chỗ để che chở cho nhiều số phận nghèo khó cô đơn. Nơi ngập tràn ánh sáng và những niềm vui. Nơi ngự trị những kẻ giàu sang, nơi trú ngụ của những kẻ nghèo hèn. Nơi ẩn náu tuyệt vời cho những tội ác, nơi ươm trồng lòng nhân và gieo rắc những khổ đau”.

Đây là lời nhận xét của cha tôi ghi trong một cuốn sổ nhỏ bìa màu hồng nhạt, cuốn sổ mang kí hiệu số 4 theo cách phân loại của tôi sau này về những trang viết của cha tôi để lại. Đây là một trong số bảy cuốn sổ khá kì dị. Kì dị ở chỗ trong những cuốn sổ này in dấu bút của cả cha và mẹ tôi. Mỗi người viết một đoạn, một khúc. Nét chữ của cha tôi mực thước, nghiêm cẩn. Nét chữ của mẹ tôi tròn, mềm mại, đều tăm tắp. Những câu cha tôi nhận xét về Sài Gòn còn ghi rõ ngày tháng. Đó là ngày 27 tháng 1 năm 1973. Ngày hiệp định Pari được kí kết. Người Mỹ chính thức rút khỏi Việt Nam. Cũng là ngày

tôi ra đời.

Nhưng cả cha tôi và thầy giáo Hàn không ai biết chuyện của tôi và Khang. Cũng có thể cha tôi biết lơ mờ về mối quan hệ này nhưng ông không tỏ rõ chính kiến. Ông muốn cuộc sống tình cảm của tôi phát triển tự nhiên chẳng? Nếu không qua cha tôi, sao Khang có được địa chỉ của tôi ở Sài Gòn?

Khang - người lái chiếc xe commăngca những năm trước đã đưa cha con tôi về quê tìm mộ ông nội. Lúc ra đi Khang đã để quên chiếc áo bông bộ đội. Cha tôi giữ lại chiếc áo bông ấy đem về miền Nam, xem nó như một kỷ niệm khó quên. Vào đầu năm học đại học thứ hai, tình cờ Khang đến tìm tôi ở kí túc xá sinh viên. Thoạt đầu tôi không nhận ra anh. Chỉ hơi bất ngờ. Chiếc loa phóng thanh ở kí túc xá mấy lần kêu tên tôi ra ngoài phòng trực gặp người nhà. Tôi đang ở trong phòng tắm nữ, giặt giũ áo quần, một lúc sau mới ra được. Tôi cứ nghĩ cha tôi lên Sài Gòn lo công chuyện, ghé thăm tôi. Bước vào phòng khách, tôi ngớ người khi đứng trước mặt một người đàn ông xa lạ. Người ấy đã phá tan sự ngỡ ngàng của tôi.

“- Chị là Thủy Tiên phải không? Không nhận ra tôi sao? Tôi là Khang, lái xe đưa bác và chị về quê năm xưa đây”.

Tôi chữa thẹn:

“- Xin lỗi Chú, lâu quá rồi...Chú...à anh có khỏe không? Sao lại lạc vô chốn này”.

Tôi thực sự bối rối. Lúc kêu chú rồi lại gọi anh. Thực tình tôi không thể nào nhận ra được người lái xe năm trước gầy, đen đúa, gương mặt không hấp dẫn tôi. Bây giờ Khang đang ngồi trước mặt tôi trẻ trung, da dẻ trắng hồng, nói năng chững chạc. Anh ta đã không gọi tôi là “cô bé” mà kêu chị! Khang như thể nhận ra sự khó xử của tôi, anh nói luôn:

“- Tôi đang công tác ở một cơ quan hậu cần, biết Thủy Tiên đang học ở đây mạo muội ghé thăm...”.

Tôi đã bình tâm trở lại, vốn là một đứa nhanh nhạy trong ứng xử, giành lại thế chủ động:

“- Mấy năm anh Khang vẫn còn nhớ tới cha con tôi... thật quý”. - Tôi cười

“- Cha tôi vẫn ở trại Đầm Vịt. Nè, Thủy Tiên bây giờ đã là sinh viên năm thứ hai, không còn là con nít nữa đâu nghe”.

Khang và tôi đều cười. Bữa ấy vì không có thời gian rảnh, Khang và tôi chỉ đả nhau ly cà phê vỉa hè rồi chia tay nhau.

Từ đó, cứ cách vài tuần, Khang lại ra thành phố và dành thời gian ghé thăm tôi. Mỗi lần trò chuyện với Khang, tôi hiểu anh hơn. Cha Khang - một người lính công binh, ở binh đoàn Trường Sơn năm 59. Mùa xuân năm 1968, ông hi sinh ở một cánh rừng nào đấy trên cung đường A So, A Lưới. Nghe Khang kể ông gặp lính Mỹ phục kích khi chúng càn ra ngoài đường tuyến, đánh vào binh trạm nơi cha Khang đang công tác. Mẹ Khang ôm con ra thành phố, nhờ người quen xin vào làm ở nhà máy cơ khí xe lửa Gia Lâm. Vài năm sau nữa, mẹ Khang đi lấy chồng, một anh cán bộ miền Nam tập kết. Nối tiếp những đứa em cùng mẹ khác cha ra đời, cảnh nhà nheo nhóc, học hết cấp 3 Khang xin với cha mẹ đi bộ đội. Khang là con liệt sĩ được đơn vị tạo điều kiện cho đi học lái xe, rồi đi học sĩ quan hậu cần. Ngày Khang đưa cha con tôi về làng Lôi giữa đêm khuya, khi ấy anh đang lái xe cho một vị chỉ huy đơn vị. Một thời gian quen Khang, tôi có cảm tình với anh. Mỗi lần anh ra kí túc xá tìm tôi trò chuyện, thời gian tôi dành cho anh không nhiều. Chúng tôi thường hẹn nhau ở một quán cà phê nào đó. Tôi tặng anh một vài cuốn truyện mua ở cửa hàng sách tư nhân dọc theo con đường Nguyễn Thị Minh Khai... Rồi chia tay. Quan hệ giữa tôi và Khang bảo là yêu thì chưa phải... Đơn giản, tôi còn trẻ, chưa muốn sa vào chuyện yêu đương. Mối quan hệ quen biết giữa tôi và Khang, không một người bạn nào ở lớp tôi biết. Kể cả Vân và Thơm. Có lần, Vân hỏi tôi:

“- Mi đi gặp ai vậy?”.

“- Người nhà tao ở trại Đầm Vịt lên, đưa tiền”.

Tôi giấu kín Khang như giấu suy nghĩ của mình trước những điều chưa thật hài lòng, khi chưa có điều kiện bộc lộ. Giấu kín niềm vui nho nhỏ của mình mỗi khi về nhà được nằm dài trên thảm cỏ, dưới tán thông nghe cây lá trò chuyện. Lắng nghe dòng nước chảy trong khe đá rí rách như một khúc

nhạc buồn suốt đêm ngày. Môi trường lính của anh, tôi xa lạ. Tôi càng ít tò mò để hỏi công việc hàng ngày của anh là gì. Tôi cũng không muốn kể cho anh chuyện học hành, thi cử, chuyện cây cối mùa màng mà ngành học bắt tôi phải nghiên ngẫm.

Một hôm, Khang đến tìm tôi và thông báo, khoảng 10 ngày nữa, anh và đơn vị phải đi.

“- Các anh đi đâu?”.

Khang nói không úp mở:

“- Sang Campuchia giúp bạn”.

“- Em tưởng bên ấy hòa bình rồi ...? Chính quyền Pôn Pốt đã sụp đổ”.

“- Bọn anh sang giúp bạn rà phá bom mìn, thay quân...Tàn quân Pôn Pốt vẫn còn...”.

Nghe tới chuyện mìn, ngực tôi nhói đau. Nhưng tôi im lặng. Lúc chia tay Khang, tôi hỏi:

“- Anh sắp đi xa, chiều chủ nhật em muốn mời anh ăn cơm. Anh rảnh chứ?”.

Khang vui vẻ nhận lời.

Tôi chọn một quán ăn ở gần Đầm Sen. Cơm sinh viên đãi lính ra trận cũng đơn giản, cơm canh và một trã cá kho tộ. Ăn xong, chúng tôi đi uống cà phê rồi vào tản bộ trong vườn hoa. Sau trận mưa rào, những con đường nhỏ trong công viên bị tán cây che phủ, ẩm ướt. Râm rì tiếng ve. Thực tình tôi không biết nói chuyện gì với Khang. Tôi chẳng có tư cách gì để an ủi, động viên anh. Càng không thể buông ra những lời sáo rỗng sướt mướt chia tay một người lính lớn tuổi và từng trải như Khang trước giờ ra trận.

Campuchia là đâu? Vui buồn ở xứ người, tôi đâu có biết. Thêm một lần Khang ra đi, một chuyến đi giống như lần anh chia tay cha con tôi.

“- Có lẽ ta chia tay”. - Khang bảo vậy “- Anh phải về đơn vị chuẩn bị vài thứ”.

“- Dạ, anh về đi!”.

Chợt Khang bảo tôi:

“- Anh muốn bắt tay em...!”.

Tôi chìa bàn tay ra. Bàn tay to ấm của anh ôm gọn bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại của tôi. Chợt Khang bảo: “- Anh muốn hôn tạm biệt em... chỉ một lần”.

Chẳng hiểu sao, tôi lại gật đầu đồng ý. Tôi không còn nhận ra mình. Như mê mụ, như trôi nổi bồng bềnh trong một giấc mơ. Nhập nhòa dưới ánh điện mờ ảo, tôi vẫn nhận ra gương mặt anh. Khang hôn lên má tôi, lên mắt tôi. Tôi như một kẻ mơ ngủ đắm chìm trong một xúc cảm lạ lần đầu tiên có được của người trinh nữ. Đôi môi anh lướt nhẹ trên bờ môi tôi, như có một luồng điện giật nhẹ lan tỏa trên khắp cơ thể tôi.

Tôi không gặp lại Khang nữa. Bốn ngày sau anh lên đường sang Campuchia. Một tháng qua đi, rồi hai tháng. Sáu tháng. Tôi không nhận được một lá thư, một cuộc điện thoại nào của Khang. Anh biến mất tăm như như hòn sỏi nhỏ ném trên mặt hồ.

Bước sang năm học thứ ba, theo lời khuyên của cha và của thầy Năm Bê, tôi chuyển trường về học ở Phan Rang cho gần nhà. Và tôi cũng muốn xóa đi những ký ức buồn không mấy vui vẻ trong những tháng ngày sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vào năm học thứ 4, tôi và một nhóm bạn được phân công đi thực tập ở Tây Nguyên. Tôi không về Lâm Đồng, đi Đắk Lắk, Kon Tum mà chọn Pleicu, lấy cây cao su làm đề tài cho bài thực hành trong chuyến đi điền dã. Mấy tháng trời tôi và đám bạn cùng lớp lăn lộn với những người lính, những công nhân, nông dân ở nông trường 72, 74, 75 thuộc binh đoàn 15. Ngày rảnh rỗi chúng tôi vào các buôn của người Giarai, Bana, Êđê... thăm thú tìm hiểu cuộc sống của họ. Lợi dọc ngang các cánh rừng bạt ngàn trồng cao su, cà phê, hồ tiêu, nghiên cứu đất đai cây trồng thu được nhiều kết quả. Các anh kĩ sư nông trường hướng dẫn chúng tôi thực tập thấy đám sinh viên đại học làm việc chăm chỉ, sử dụng thành thạo vi tính, nói thạo tiếng Anh có vẻ khoái, gạ.

“- Ra trường các em có muốn về nông trường công tác, các anh ở đây sẽ nhận”.

Một vài bạn trai trong lớp tôi, phần lớn quê miền Bắc, vui vẻ nhận lời. Tôi

là trưởng nhóm thực tập đành nói nước đôi cho vừa lòng thầy.

“- Chúng em rất cảm ơn các bác các chú lãnh đạo nông trường, các thầy cô hướng dẫn. Chúng em xin ghi nhận để về báo cáo lại với tổ chức nhà trường”.

Vào những ngày cuối cùng của đợt thực tập, nông trường tổ chức cho nhóm sinh viên đi thăm quan công trường nhà máy thủy điện Ialy, lên Đức Cơ thăm vùng cửa khẩu biên giới. Buổi trưa, người dẫn đường đưa chúng tôi vào thắp nhang ở nghĩa trang liệt sĩ đã hi sinh ở chiến trường Campuchia. Giữa một khu nghĩa trang rộng mênh mông, hàng trăm, hàng ngàn ngôi mộ xếp ngay hàng thẳng lối, đều tằm tắp. Cánh sinh viên chia nhau đi cắm hương trên những ngôi mộ có tên tuổi liệt sĩ, nhiều ngôi mộ vô danh. Đến hàng mộ thứ 10, tôi sững người lại khi đọc hàng chữ trên một ngôi mộ: “ Liệt sĩ Nguyễn Khang, trung úy, chính trị viên đại đội, sinh ngày 30/04/1965. Quê quán xã X, huyện Kim Động, Hải Hưng. Hy sinh ngày 25 tháng 6 năm 1989 tại Xiêm Riệp, Campuchia”.

Chuyên Khang hy sinh ở chiến trường Campuchia, tôi giấu kín. Song, tôi không dấu nổi con mắt của cha tôi. Một lần, tôi về trại Đầm Vịt thăm cha, tự nhiên ông hỏi:

- Lâu nay con có nhận được tin tức gì của cậu Khang?

Tôi đành thú thật với cha:

- Anh Khang hy sinh rồi cha ơi! Con nhìn thấy mộ của anh ấy ở nghĩa trang Đức Cơ...

Tôi ứa nước mắt. Cha tôi hiểu tâm trạng của tôi. Ông chỉ nói:

- Thiệt tội nghiệp thằng Khang. Nó là một thanh niên tốt...

Một lần chú Hoài ở Sài Gòn lên thăm cha con tôi ở trại Đầm Vịt. Tôi thăm dò hỏi chú:

- Chú Hoài ơi! Cháu đọc sách, coi mạng nghe nói bộ đội ta chiến đấu ở chiến trường Campuchia gian khổ, hy sinh nhiều, có phải không chú?

Chú Hoài đang ngồi uống cà phê, nghe hỏi nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Cháu muốn biết chuyện gì ở cái xứ Chùa Tháp?

- Cháu muốn tìm hiểu vậy thôi. - Tôi đáp tránh chớ. - Nghe cha biểu chú đã có thời kỳ đi viết báo ở Campuchia.

Chú Hoài rí rả:

- Bộ đội ta ở bên ấy cực lắm. Nắng mưa đã khổ. Khổ nhất vẫn là đụng đầu với lính Pôn Pốt. Chúng cũng là người như ta, học theo cách đánh của ta. Súng đạn do người Mỹ để lại, bây giờ lại có Trung Quốc tiếp tay vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men. Chúng len lỏi trong núi, trong rừng, đánh nhau theo lối du kích. Bộ đội ta hy sinh vì bom mìn, vì phục kích nhiều lắm cháu à... Có lần cả một đoàn xe của bộ đội đi cứu dân ở các vùng địch chiếm đóng, chúng đặt mìn chống tăng, phục kích bộ đội bằng B40, B41... Cả một đoàn xe chở quân mất quá nửa. Đêm tối, quân Pôn Pốt mật tập vào nơi bộ đội đóng quân đánh tập kích. Chú đây cũng bị chết hụt mấy lần. So với đánh Mỹ ngày trước, bộ đội ta đánh Pôn Pốt vất vả hơn nhiều.

Tôi nghe biết vậy, không hỏi thêm. Và nghĩ, Khang và đồng đội của anh hẳn cũng là nạn nhân của những trận phục kích bằng mìn của lính Pôn Pốt.

Xiêm Riệp, Biển Hồ ở đâu tôi không biết!

Có một mùa hè, tôi đã tìm về làng Hành Lạc, quê Khang. Người làng chỉ đường cho tôi đến nhà anh. Bà cô ruột của Khang thấy có khách lạ từ miền Nam ra thăm, đến nhà thắp nhang cho cháu, không khỏi xúc động. Nhiều ánh mắt tò mò như dò hỏi xem tôi là ai. Tôi im lặng, đặt hoa quả lên ban thờ và trả lời quấy quạ: “- Người cùng đơn vị với anh Khang, đi công tác Hải Hưng ghé thăm nhà thắp hương cho đồng đội”.

Trên ban thờ, tôi gặp lại ánh mắt Khang đang chăm chú nhìn tôi. Tấm ảnh của anh đã được tôi chụp kỷ niệm bằng chiếc máy Nikon, quà tặng của cha ngày tôi vào đại học.

Hình ảnh thành phố Nha Trang nhạt nhòa dần trong ký ức của tôi những năm thơ trẻ. Chỉ đến khi tôi vào đại học, về lại Phan Rang, vào những ngày nghỉ tôi mới theo bạn bè học chung một lớp về chơi Nha Trang.

Thành phố đã có nhiều đổi thay. Đường Duy Tân chạy dọc ven biển nay đổi tên thành đường Trần Phú. Đường Phước Hải dưới chân nhà thờ Đá thành

đường Nguyễn Trãi. Đường Nguyễn Hoàng xưa nay mang tên đường Ngô Gia Tự. Đường Hoàng Tử Cảnh đổi tên thành đường Lý Tự Trọng. Chỉ có chợ Đầm, chợ Mới là vẫn vậy. Những sạp hàng vẫn ngổn ngang bày đủ món hàng quen thuộc ở một vùng ven biển sẵn tôm, cá... Tôi tìm về ngôi nhà cũ của bác Đạo ở chân núi Đá Chẹt, tìm lên Hương Sơn Tự... Gia đình bác Đạo cũng đã chuyển đi vùng kinh tế mới Cổ Chi. Chị Thi đã là cô hiệu phó của một trường phổ thông cơ sở ở Suối Dầu. Sư cô Oanh trụ trì chùa Hưng Nguyên cũng đã sang Tokyo lập chùa, tụng kinh niệm Phật.

Cái muôn thuở của Nha Trang tôi gặp lại ở đây là những gốc cây xà cừ cổ thụ có u, có khúc trên các con đường rợp bóng áo trắng học trò trước cửa trường Huyền Trân và trường Võ Tánh. Đó còn là những con sóng biển sớm chiều vỗ vào bờ cát. Đám trẻ nít và người dân Nha Trang vẫn giữ thói quen đổ ra biển vào mỗi buổi sáng.

Tôi đi vợ vẫn trong lòng thành phố như đang thức tỉnh hồi sinh. Chỉ có những cửa hàng bách hóa, cửa hàng ăn uống của nhà nước thì ở đâu cũng giống hệt nhau. Những dãy nhà với những gian bán hàng có ô cửa vuông, bên trong là các cô gái bán hàng trao cho khách từng tô phở, từng ly cà phê và dăm ba điếu thuốc lá lẻ... Trên các con đường, các quán xá vỉa hè những quán cà phê cóc, quán bán vé số kèm theo bán lẻ thuốc lá, bán xăng nhưng phải bán lén, bán chui sợ bị bắt...

Tôi còn tìm về xóm nhà lá, nơi mẹ tôi đã thuê ở trong những ngày cha tôi bị bắt đưa đi học tập, cải tạo ở trại Ngăn Điền. Một vài người bạn đồng lứa với tôi nay đã là chủ gia đình. Họ có chồng có con buôn bán lặt vặt ngoài chợ xếp gần nhà, chẳng nhận ra tôi. Xóm “nhà lá” trên đường Nguyễn Thiện Thuật, theo cách gọi của những người từng ngụ cư trong xóm cũng đã có nhiều đổi thay. Xưa kia đây vốn là bãi đất hoang, nơi chõ ĩa, xả rác hàng ngày. Một số người nghèo không nhà cửa, một số thương phế binh từ các nơi tìm về kiếm kế sinh nhai. Mỗi gia đình chiếm một khoảnh dựng nhà, dựng chòi che mưa nắng. Ngày trước, chẳng chính quyền nào dám đụng vào đám thương phế binh... Lâu dần nên xóm, nên phố. Vài năm trở lại đây, thành phố

quy hoạch lại, những ngôi nhà của dân đều phải di dời chuyển tới những chung cư mới xây, khu định cư mới... Xóm “nhà lá” được nhà nước phân lô, xây nhà cấp bốn, phân cho cán bộ, công chức. Con đường chạy ngang qua trước cửa nhà tôi ngày trước vốn nhỏ hẹp, lầy lội sau những cơn mưa nay đã được mở rộng, trải nhựa, lát vỉa hè. Một phần của xóm “lá nhà binh” nằm ở phía bên kia đường, nhiều gia đình cũng đã thay tên đổi chủ. Những chủ nhà mới là cán bộ, công chức ở tứ xứ về đây mua đất mua nhà, xây lên những ngôi nhà cao 3, 4 tầng. Có nhà đất rộng xây 7, 8 tầng cho thuê làm khách sạn, nhà nghỉ. Căn nhà xưa cũ của cha mẹ tôi nằm sát bên đường đã bị san phẳng, không để lại dấu tích. Bây giờ, chỗ ấy người ta trồng cây xanh, đặt ghế đá dành cho người đi bộ. Tôi như kẻ xa lạ ngơ ngác nhìn những người cán bộ, công nhân viên đi làm về phóng xe máy, đi xe đạp lướt qua với dáng vẻ vội vã, tất bật. Tôi ngồi ở chiếc ghế đá ngay trên nền nhà cũ. Ngôi nhà nơi tôi từng sống là một căn nhà gỗ, bề ngang hẹp, bề dài chạy thẳng ra hướng bãi rác, có nhiều phòng được ngăn cách bằng tấm gỗ ép. Mái nhà được lợp bằng tôn Mỹ, trần thấp. Mặt trước ngôi nhà sát với con đường xây gạch. Mặt sau của ngôi nhà tường vách được thương bằng tôn, gỗ ván đứng vững trên những trụ bê tông.

Tiệm may đồ của mẹ nằm ở gian ngoài, có một bộ salon gỗ dành cho khách đến may quần áo. Cạnh đấy là chiếc máy may hiệu Sinco. Gian kế là phòng ngủ, phòng bếp rộng rãi vừa để nấu nướng vừa kê chiếc bàn ăn hình tròn, còn có chỗ phơi quần áo ngoài hiên.

Cha tôi ngày về Nha Trang đi làm công cho một tiệm quay roneo, đánh máy trên phố. Mẹ tôi, một thời gian sau không làm nghề may vá thuê nữa mà chuyển sang buôn bán dưa cà ở chợ Đầm.

Sau ngày cả gia đình ly tán vào 30 tháng Tư năm 1975, mẹ con tôi phải về sống nhờ ở nhà bác Đạo. Ngày bác Đạo bán nhà đi kinh tế mới, mẹ con tôi thêm một lần dời nhà. Sư cô Oanh đã cho ở nhờ trong gian nhà kho ở chùa Hưng Sơn, gần chân núi Sạn.

Bao năm rồi tôi vẫn không quên ngày đầu tiên được gặp mặt bà nội. Bữa

ấy, mẹ tôi đi bán hàng ngoài chợ. Tôi đang tha thân với con chó vàng của nhà chùa Sư cô Oanh dẫn theo một bà già lạ lẫm, đeo chiếc tay nải màu nâu. Sư cô đến gần bên tôi và bảo:

- Bông này! Đây là bà nội con, từ ngoài Bắc vô tìm con đó.

Tôi mở to đôi mắt nhìn người đàn bà xa lạ nhưng không hề cảm thấy e sợ. Bà ôm tôi vào lòng và bảo:

- Cháu bà đây ư? Đúng là con thằng Đệ rồi...! Ôi, cháu tôi xinh quá.

Tôi ngoan ngoãn ngồi yên trong vòng tay của bà nội.

Bà nội mở chiếc tay nải lấy ra đưa cho tôi phong kẹo mè xừng và bảo:

- Quà ông ngoại ngoài Huế gửi cho con...

Tôi cầm phong kẹo mè xừng trong tay, không ăn. Bà nội lại lấy ra cho tôi tấm bánh đa vừng và tự tay bẻ ra cho tôi một miếng. Sư cô Oanh đã trở lên chùa. Tôi ăn hết nửa tấm bánh đa vừng và thiếp ngủ trong vòng tay bà tôi tự khi nào không biết.

Từ ngày có bà nội sống trong nhà, tôi có được chỗ dựa tinh thần, không còn lo sợ bị mẹ tôi la mắng. Mẹ tôi hàng ngày đi chợ cũng yên tâm không lo phải để tôi ở nhà một mình.

Suốt ngày tôi quanh quẩn bên bà. Tôi theo bà đi chợ xép gần nhà mua rau, thịt, cá, đậu; ngồi coi bà đong rượu cho khách...

Bà nội tôi có nghề nấu rượu gạo. Từ ngày có bà, mẹ tôi không còn phải đi mua cất rượu gạo của mấy người nấu rượu lậu ở Ba Làng nữa. Gian nhà bếp phía sau trở thành nơi nấu rượu. Để tránh người ngoài nhòm ngó, bà tôi quây bếp ra một ô riêng, che kín bằng những tấm cót. Rượu chỉ nấu vào ban đêm, tảng sáng mẻ rượu nấu xong được đóng kín trong những can nhựa, giao cho mẹ tôi đem bán ngoài chợ Đầm. Bà tôi để lại một ít bán cất cho mấy tiệm bán lẻ, một vài can bà tôi giấu trong nhà bán cho khách quen. Tôi không biết bà tôi có thuật gì, dùng loại men đặc biệt nào... Chỉ biết rằng rượu của bà nấu nhiều người đến mua, có khi không có rượu để bán. Cùng với việc nấu rượu, bà tôi nhờ người mua về cặp heo con, giống của Mỹ. Gian bếp phía sau nhà được coi nói mở rộng, thêm mấy tấm ghi sắt, tấm tôn, gia đình tôi có một

chuồng heo. Lũ heo Mỹ được ăn no, lớn nhanh như thổi.

Trong một bữa cơm chiều, ngắm nghía cặp heo lớn phổng phao, bà tôi vui vẻ bảo.

“- Khi nào bán heo, có tiền. Cả nhà ta đi thăm cha con”.

Bà nội vào ở với gia đình tôi đã được hơn chín tháng. Mẹ tôi vẫn chưa xin được giấy phép để đưa bà đi thăm cha. Trong một lá thư gửi về, cha tôi cũng khuyên mẹ chưa nên để cho bà nội và tôi đi thăm cha. Nghe bảo chỗ ở của cha cũng chưa ổn định. Sức khỏe cha tôi vẫn ổn, ông được người ta sắp xếp cho công việc nhàn nhã. Trong một tấm ảnh đen trắng gửi về cho gia đình, tôi nhận ra cha tôi đứng cạnh một người đàn ông, tuổi đã cao. Hai người đang cầm cuốc trồng khoai lang hay cây sắn gì đó. Trong một tấm ảnh khác, cha tôi đang ngồi trên cỗ xe ngựa đi chợ, tôi còn đọc được cả một câu khẩu hiệu treo bên đường. “Toàn dân tích cực hăng hái tham gia phòng trào hợp tác hoá nông nghiệp”.

Tuổi thơ của tôi lặng lẽ trôi đi, sống những ngày vui vẻ bên cạnh bà nội và mẹ. Trên tấm phản gỗ rộng kê ở góc nhà cạnh cửa sổ ngó mặt ra khoảng vườn phía sau chùa. Vào những đêm hè oi bức, bà cầm cây quạt nan phe phẩy xua đi nóng bức và đàn muỗi đói vo ve từ ngoài vườn bay vào. Bà quạt cho tôi ngủ, miệng bồm bẻm nhai trầu thuốc. Lâu lâu bà nhổ nước trầu vào chiếc ống nhổ bằng đồng để ở góc phản. Tôi lơ mơ trong giấc ngủ, ghé đầu lên đùi bà nội, cảm nhận rõ mùi cau trầu, mùi thuốc Lào, mùi mồ hôi quyện vào quần áo của bà. Một tay bà xoa nhẹ lên lưng tôi, thỉnh thoảng thấy tôi quậy cựa, khó ngủ bà dỗ:

“- Cháu yêu, ngủ ngoan, mai sớm đi chợ bà mua quà cho nhé!”.

Món quà ở chợ của bà tôi cũng đơn giản. Khi thì vài củ khoai lang, bắp ngô luộc, có hôm bà mua bánh bèo, bánh hỏi, tảng bánh đúc to tướng về cả nhà ngồi chấm tương. Đi chợ, bà cầm theo cái rổ, không quên tấm vỉ cói to đúng bằng miệng rổ. Rau cỏ, thịt cá, quà bánh mua ở chợ bà cho hết vào rổ đập kín bằng tấm vỉ cói. Hàng xóm chả ai biết được nhà tôi hôm ấy ăn gì.

Mỗi lần bà tôi đi chợ về, tôi lại hỏi giống: “- Bà ơi, chừng nào đi thăm

cha... ?"- Bà nội vừa nhặt rau vừa âm ừ trả lời: "- Sắp đi rồi con... Con phải ngoan, học giỏi để báo công với bố mày!". "- Bữa nay con được điểm 10, bà ạ!". Tôi khoe. Tôi lại chạy ra hỏi mẹ: "- Chừng nào đi hả mẹ?". Mẹ tôi chiều ấy có vẻ không vui, gầm gừ quát, tay bà vẫn không quên nhặt từng đồng tiền lẻ cũ nát đổ ra từ trong chiếc giỏ sau buổi đi chợ về. "- Trẻ con biết gì mà hỏi. Đi ra ngoài chơi cho tôi nhờ!".

Tôi giận mẹ, ứa nước mắt, chạy ra dưới gốc cây đại trước sân nhà, khóc. Tôi nghe được cả tiếng bà nội trách mẹ: "- Nó là con nít, nhớ cha... Sao con trách con...!".

Hai mươi năm năm sau, tôi mới được đọc những dòng cha tôi viết về cái buổi chiều cha tôi gặp lại bà tôi trong một tập vở ghi chép của ông. Những dòng ghi chép của cha tôi từ trang 68 đến trang 76, ở tập sách mang kí hiệu số 5.

Cha tôi viết:

“Vừa đúng 12 năm, y mới gặp mẹ. Chỉ muốn khóc và ôm lấy mẹ, nhưng y lại xấu hổ với vợ và con gái. Y xấu hổ cả với cô cán bộ quản giáo đang trực ở nhà khách đang để mắt đôi nhìn y và vợ con. Nước mắt vẫn chảy ra. Mẹ y già đi và tiêu tụy, tóc bạc từng mảng. Đã có bao nhiêu sợi bạc vì tội lỗi của y gây ra khiến bà phải lo lắng, vất vả. Mẹ y đấy, có thời từng là cán bộ phụ nữ thôn, đi từng nhà động viên bà con làng xóm có người thân đi bộ đội. Ngày y đi B, bà cùng với mấy người bạn lên tận đơn vị động viên, dặn mỗi một điều: “Khổ mấy cũng cố mà chịu con nhé. Đừng nghĩ đại mà đảo ngũ. Về làng nhục với bà con làng nước”. Tâm thức y chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện đảo ngũ. Thăng Thăng, thăng Nuôi, thăng Hiến, thăng Thành, thăng Nam, Tý Bẹp... đều nghĩ vậy. Chẳng thế mà cả bọn từng lấy máu để kí vào tờ đơn ngày nhập ngũ.

Y không thể hiểu nổi, sao mẹ lại có đủ sức lực để đi bộ cả ngàn cây số vào đây tìm y, chỉ vì một câu nói của thằng Ca? Mẹ bảo với y: “Mẹ không tin con chết. Con không thể là một đứa đảo ngũ, đầu hàng giặc... Mẹ nói với thằng Ca vậy, con ơi!”.

Y đăng họng. Mẹ thương y nhưng mẹ đâu có biết hết được bộ mặt thật của chiến tranh. Chiến tranh là bom đạn. Là chết chóc. Là những trận bom pháo dội trên đầu. Rừng cây núi đồi bị đảo lộn trở cảnh bạt gốc sau những trận B52, pháo bầy hủy diệt cứ điễm. Những căn cứ pháo ở Đồng Lâm, Từ Hạ, Am Cây Sen, Hòn Vượn, Chóp Nón, 367 mỗi khi nã vào chốt ở điễm cao 360, Động Tre, Khe Trái, Đức Mẹ...thì thật khủng khiếp. Một tiếng đê pa nổ đầu đó rất xa, chỉ vài giây sau tiếng đạn bay xé gió trút xuống đầu. Lửa chớp sáng lòa. Căn hầm chao nghiêng. Đổ sập. Khói bụi mù mịt. Mùi thuốc pháo tanh hăng phảng phất mùi tỏi lẫn với mùi của tử khí....Chẳng có trang sách nào mô tả cho y đầy đủ những chuyện thảm khốc đó. Những anh cán bộ đưa quân đi B cũng chỉ nói được cho đám lính trẻ nghe những điều người ta kể lại và động viên người lính vào trận bằng những câu khẩu hiệu quen thuộc. Khi vào đến đất lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh, vượt sông Bến Hải tới được Dốc Miếu, Cồn Tiên, Rừng Thông... Lần đầu tiên, những anh lính tân binh nhìn thấy những vệt khói trắng của B52 đi thả bom. Được tận mắt nhìn thấy hàng trăm trái bom từ máy bay B57 cày xới đỉnh đèo Dốc Mèo, A Vao, truyền đơn chiêu hồi máy bay địch thả trắng rừng, lính ta lấy làm giấy chùi đít. Bom đánh vào binh trạm giấu quân, lều trại, tăng võng bị bom hất tung, người hy sinh, kẻ bị thương giữa khói bụi.

Những người lính giải phóng hiểu được sự nghiệt ngã, khốc liệt của chiến tranh. Có nhiều chuyện chẳng giống chút nào như lời anh cán bộ đưa quân, hay anh cán bộ tuyên huấn trung đoàn xuống nói chuyện hôm nào.

Mẹ y sẽ không bao giờ hình dung ra được sẽ có một ngày, y chỉ mặc độc chiếc quần đùi, lết bò lên bãi Mỹ, vừa bám địch vừa lo kiếm từng bao gạo sấy, lon hộp của lính Mỹ vớt lại để đem về góp vào nồi cháo của tiểu đội, trung đội ăn cho khỏi đứt bữa. Đại đội bộ binh của y cả tháng trời bám quanh vùng giáp ranh để giữ đất, vừa kiếm môn thực, môn vót, măng rừng, bắt từng con ốc đá ăn qua ngày... Sống chết vì câu nói của anh chính trị viên tiểu đoàn Lê Văn Duy “Dù có thành vượn, thành duộc những người lính bộ binh KX cũng phải bám giáp ranh, trở về với dân”.

Nhưng mẹ ơi! Nỗi cực khổ của y nào có thắm gì với nỗi đau của mẹ? Y muốn hét lên như vậy... mà không được. Mẹ y sẽ không hiểu. Vợ y dù có yêu y cũng không hiểu. Còn con Thủy Tiên, đôi mắt nó ngây thơ, y càng không thể nào gieo rắc trong lòng nó nỗi buồn. Những khuyết tật của người lớn, những sai lầm của người lớn. Và cả chuyện vui buồn của y... Trẻ con vô can. Chúng không hiểu và chưa cần hiểu. Y bất ngờ khi mẹ nói:

“- Con à, gặp được con như thế này là mẹ mừng rồi. Mẹ có nhắm mắt xuôi tay cũng yên lòng. Biết con trai của mẹ là người tử tế. Cha con đâu có chết cũng mát lòng. Giới Phật còn thương nhà ta”.

Những ngày về làng Lôi, tôi quen được cụ Sự, một người có họ hàng xa với ông bà nội tôi. Chú Bảo, con trai cả của cụ Sự cùng tuổi với cha tôi. Theo thứ bậc họ hàng chú Bảo phải gọi cha tôi bằng anh. Chú có một cô con gái tên Hòa, làm việc ở văn phòng Ủy ban nhân dân huyện. Chị Hòa hơn tôi bốn tuổi. Gặp nhau vài lần tôi rất có cảm tình với Hòa. Mỗi khi về làng Lôi tôi về nhà chị Hòa nghỉ lại. Chị Hòa đã có chồng, sinh được hai cô con gái. Chồng chị lái xe tải Nam Bắc, bị tai nạn mất. Chỗ chị em gái với nhau, chúng tôi dễ hòa hợp. Lúc rảnh rỗi chị Hòa thường đưa tôi đi chơi mấy chợ vùng quê, vào làng nghề thủ công xem các mặt hàng mây, tre, dẹt lụa, dẹt chiếu. Vùng quê tôi có nhiều làng nổi tiếng với nghề chạm bạc, đan lát. Sau khi thăm dò thị trường, gửi mẫu mã, tôi thấy các mặt hàng thủ công ở đây có thể xuất khẩu được. Tôi gợi ý cho chị Hòa, dồn vốn để chị đứng ra làm đầu mối thu gom hàng thủ công xuất khẩu. Bây giờ, hàng mây tre ở làng Lôi, làng Vàng, làng Mây, An Xá, đồ mỹ nghệ đã trở thành một mặt hàng xuất khẩu quan trọng của công ty Hoa Hồng, thu hút hàng ngàn nhân công lao động nhàn rỗi ở làng quê. Tôi còn mời thầy vào mở xưởng, dạy thợ cho chị em người làng Lôi theo cha tôi vào xây dựng khu kinh tế Đồng Tiến mới quanh vùng Đầm Vịt.

Tôi trở thành người thân của gia đình chị Hòa. Cụ Sự xem tôi như con cháu trong nhà. Cụ đã ngoài tuổi 80 nhưng vẫn còn khỏe mạnh, đi đứng nhanh nhẹn. Ngày còn trai trẻ cụ đi cắt tóc dạo quanh các làng trong vùng. Vài năm trở lại đây, cụ lấy ngay gốc cây si trước cổng nhà làm nơi cắt tóc.

Cụ biết nhiều chuyện ở làng quê. Anh Bảo ví cụ như một pho sử sống của làng Lôi. Và cũng qua câu chuyện của cụ dần dà tôi hiểu được cuộc đời của ông bà nội tôi ngày trước, chuyện của cha tôi ngày bé sống ở làng.

PHẦN 2
Bà Mẹ Làng Lôi

I

Trong cuốn biên niên sử của huyện miền duyên hải, xã Đồng Tiến là một xã anh hùng. Danh hiệu anh hùng không chỉ vì có nhiều thành tích trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ mà dòng máu nghĩa liệt ấy còn là mạch nguồn của cả ngàn năm trước. Các cuốn sách cổ như Đại Việt sử kí toàn thư, hay như cuốn Việt sử lược, cổ giáo sư họ Trần khi nghiên cứu về dải đất này luôn xem đây là một vùng đất cổ. Cổ là phải vì vài trăm năm trước, trong kí ức của người già làng Lôi, làng Muộn, làng Kẹo đời này truyền qua đời khác vẫn còn kể về câu chuyện của những người ngư dân sống dọc theo các triền sông Hồng, sông Luộc, vùng đầm bãi ven biển hàng năm vẫn bắt được thường luồng, cá sấu, rồng đất, rồng vàng, rắn xanh, rắn trắng... Vào mùa mưa lũ, nước trên nguồn đổ về, cây rừng to như một tòa nhà bị đánh bật gốc, kết bè, kéo mảng mang theo cả những con cạp, báo còn sống trên rừng. Những ông vua, chúa của rừng xanh bị lũ cuốn, đứng chình ình trên phần thân cây cành nổi lập lờ mặt nước, giương đôi mắt sáng quắc nhìn đám người làng chạy lụt đổ cả lên bờ đê tránh nước. Thú dữ nhưng những vị thần rừng không làm hại ai cả, chỉ thương bị lũ cuốn về xuôi, trôi ra biển. Còn chuyện cá ông, cá kình, cá mập bị bão tố ngoài khơi theo sóng biển đánh dạt vào nằm trên bờ cát như những trái núi. Theo lệnh của quan nha, các làng tổ chức tang lễ cho “đức Ông”, nhiều nơi lập miếu thờ. Chuyện khinh động cả một vùng.

Còn trai đình các làng quanh vùng từng theo Bồ Cái Đại Vương, Triệu Quang Phục, Trần Lãm, Đinh Bộ Lĩnh dựng cờ chống giặc ngoại xâm thì đã đi vào sử sách. Hơn 700 năm trước vùng đất này còn là quê hương của vua tôi nhà Trần, mấy lần giặc Nguyên Mông sang cướp nước ta, nhiều lần người trong hoàng tộc cùng với vua cha về Sơn Nam lánh giặc. Người viết những dòng này, cứ mỗi lần về quê, nếu có dịp lại tìm về làng Gạo, cố hình dung ra

những bãi sình lầy ven bờ con sông Hóa, mừng tượng ra con đường hành quân của đức thánh Trần khi người mang quân đi diệt Ô Mã Nhi. Và tự huyền hoặc mình những bờ đất, bãi lầy nơi con voi trận của Ngài gửi lại dưới lòng sông. Nơi ấy bây giờ bát ngát một màu xanh của dâu, ngô trải dài tới tận chân đê.

Thời chống Pháp, cánh trai làng của vùng này nổi tiếng về nghệ thuật đánh du kích. Ban ngày khi không có giặc, họ là những anh dân quê, gái làng vác cày, vác cuốc, dắt trâu, gánh mạ ra đồng tát nước, làm cỏ. Nhưng mỗi khi nghe tin lính Pháp từ bột Bo, bột Cao, Đống Năm về càn, họ biến hình thoát ẩn, thoát hiện như ma, len lỏi giữa những rặng tre ngà dụ địch vào những hầm chông tre, vạt nhọn. Đòn xóc, mã tấu, kiếm, dao găm vung lên, đầu Tây lìa khỏi cổ. Thời chống Mỹ, trung đội dân quân gái của xã đã từng được đài báo loan tin hạ máy bay F4 của Mỹ bổ nhào vào ném bom thị xã. Không rõ thực hư những viên đạn K44, CKC, trung liên cánh dân quân đặt súng ở mả Bà Tạ bên sông có bắn trúng máy bay phản lực Mỹ thật hay không, nhưng cả xã cả huyện làm cỗ mừng công vì nhận được thư của cấp trên khen. Phần thưởng là một con lợn nặng ngót tạ của phòng thương nghiệp huyện bán theo giá phân phối đem về khao cán bộ, dân quân du kích. Nhưng điều này là có thật. Đồng Tiến là một trong những xã của tỉnh có nhiều con em tham gia đi bộ đội vào Nam. Thương binh liệt sĩ đông nhất. Hợp tác xã Đồng Tiến cũng có lúc được nhận cờ thi đua xuất sắc trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, giỏi về nuôi bò hoa dâu, làm phân xanh, năng suất lúa năm nào cũng đạt trên 5 tấn. Đây là vào những năm “70” lúc phong trào “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào, giải phóng miền Nam”, “mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” đang dâng cao. Rồi từ đó phong trào thi đua, khí thế ở Đồng Tiến tự nhiên sút giảm hẳn. Có năm chi bộ thôn Lôi bị kỷ luật cảnh cáo. Đảng ủy xã bị khiển trách. Lý do không hoàn thành nhiệm vụ, làm thất thoát tài sản hợp tác xã. Đảng viên đánh nhau vì chia công điểm thiếu công bằng. Tuyển quân không đạt chỉ tiêu. Chủ nhiệm hợp tác xã ngủ với kế toán trưởng bị nhân dân tóm được. Vân vân và vân vân. Trong các cuộc họp của

huyện, cái tên Đồng Tiến ít được nhắc đến. Hoặc nếu có được nêu gương, toàn rơi vào mục khuyết điểm, yếu kém. Hai kỳ đại hội, cả xã không ai trúng vào huyện ủy. Thế thì tệ quá!

Trong một vài kỳ họp Đảng bộ xã, thắng hoặc có một vài ý kiến, chủ yếu của các cụ lão thành, cựu chiến binh nêu ra câu hỏi chất vấn bí thư Đảng bộ về sự sút kém trong các phong trào thi đua của xã. Song dường như những ý kiến ấy ít được trả lời một cách đầy đủ, thuyết phục và bị lọt thỏm trong những cánh tay giơ lên biểu quyết những chỉ tiêu, con số. Nào là diện tích sản xuất vụ Đông, sản lượng lúa mùa, chỉ tiêu tuyển quân, xây làng văn hóa, cải tạo kênh mương, đường sá... Chuyện ấy cấp bách hơn nhiều ở một xã, một huyện vào thời kỳ đất nước vừa đi qua những cơn binh lửa ở miền biên giới Tây Nam và cả vùng biên giới phía Bắc. Nghị quyết quan trọng với một cấp ủy Đảng lúc này là phải lo cái ăn, cái mặc, lo cho sự học hành, công ăn việc làm cho con cái. Những câu chuyện cũ của làng Lôi chỉ còn nằm lại trong kí ức của vài người quanh bàn trà, điếu thuốc. Hoặc ở một vài người già, buổi trưa trời nóng không ngủ được, các cụ ra ngồi quanh gốc si già cạnh quán cắt tóc của cụ Sự, nói chuyện vãn.

Và theo cái lý của cụ Sự, phong trào thi đua của Đồng Tiến thật lụi còn liên quan tới vụ cháy làng Lôi năm 1975, khiến cho 16 ngôi nhà tranh phát hỏa.

Trận cháy làng Lôi đến nay nhiều người cũng đã quên. Quên vì làng quê nay đã đổi khác. Đố ai tìm ra được những ngôi nhà tranh vách đất thấp bé lụp xụp mọc như nấm trong làng ngày trước. Cả làng bây giờ bói không còn nhà nào có đồng rơm, chuồng trồ (nhà xí) thối um. Ở làng Lôi không còn hình ảnh những đứa trẻ, người già mỗi khi đi đại tiện ngồi chênh vênh trên những đoạn tre bắc cầu, bất kể mưa nắng. Con đường làng ngày trước sau cơn mưa lầy lội, nhoe nhoét vết chân người, chân trâu, cứt chó. Bây giờ đường làng bê tông hóa, vào tận cửa. Nhà nghèo nhất cũng đã xây gạch, lợp ngói. Nhà có tiềm lực kinh tế khá hơn nay đã có nhà xây 2 tầng, 3 tầng. Gia đình thuộc diện chính sách, hộ nghèo đã có nhà tình nghĩa. Điện thắp sáng cả làng. Sáng

cũng như đêm tiếng loa phóng thanh của xã, tiếng tivi chen lấn tiếng nhạc xập xình của vài quán karaoke, nghe đau cả đầu.

Về sự cố cháy làng Lôi, theo cụ Sự, làng ít nhất có ba vụ cháy lớn. Trận cháy thứ nhất xảy ra vào những năm “50” khi giặc Pháp càn vào vùng tự do liên khu III. Để tiêu diệt cán bộ du kích, chúng đốt sạch các làng. Vụ cháy thứ hai xảy ra vào năm 1967. Máy bay Mỹ vào ném bom Nam Định, Thái Bình, lúc bay ra biển qua làng Lôi chúng trút bom thừa, thiêu cháy quá nửa làng. Trận cháy thứ ba ở làng Lôi không do bom đạn địch nào gây ra cả. Nửa đêm, cả làng hoảng loạn vì cháy nhà. Một nhà cháy loang ra cả xóm, lan tới cả kho xăng của chính phủ. Kho xăng nổ to như bom, làm chết bốn người, trong đó có con trai của ông Bí thư huyện ủy đang ngồi đánh bài, uống bia mừng ngày giải phóng.

Cuốn sử biên niên của xã Đồng Tiến do mấy anh tuyên giáo của tỉnh về chấp bút, khi viết về làng Lôi không ai ghi lại chuyện ấy. Đám thanh niên trai tráng ở làng, mỗi khi nghe những người già ngồi nhắc chuyện cũ, có đứa tỏ ra khinh thị “Các cụ già sắp gần đất xa trời để làm nhi đồng ngoài nghĩa địa hay hoài vọng quá khứ”.

Đám cháy sau cùng của làng Lôi bắt đầu từ nhà ông Đệ. Đệ là gọi theo tên anh con trai đầu, tên thật của ông là Đê. Vợ là bà Mít. Đây là kết luận của mấy anh công an huyện cùng với cán bộ xã sau khi điều tra hiện trường ghi trong tờ biên bản gửi lên cho cấp trên: “Lửa bén từ mái nhà tranh vách đất của ông bà Đệ, cháy lan sang đồng rơm hợp tác xã, gặp gió, đồng rơm bén lửa cháy sang đám cây ngô dựa quanh bờ rào, bén vào dây điện. Điện chập nổ, cháy sang nhà ông Kha, ông Hoạt, bà Bèo, nhà ông Dĩnh, ông Mẹo...rồi lan sang kho xăng. Trạm xăng nổ. Lửa bắn tung tóe, cháy thêm 9 ngôi nhà dân quanh xóm”. Đây là những dòng được trích nguyên văn từ tờ giấy vở học trò được xé ra làm biên bản ghi lại vụ hỏa hoạn ở làng Lôi. Còn chuyện bốn người cán bộ “hi sinh” trong vụ hỏa hoạn, trong đó có anh con trai của đồng chí Bí thư huyện ủy chết oan được ghi vẫn tắt: “Hi sinh trong lúc làm nhiệm vụ”. Theo dân làng kể lại, người ghi biên bản không ghi chuyện họ sát phạt

đỏ đen, đánh chén mà được thay bằng hình ảnh họ ngồi “trực cơ quan” và đang bàn luận tin tức thời sự miền Nam giải phóng. Thủ phạm gây ra vụ cháy nhà ở làng Lôi theo kết luận điều tra là do bà Mít “đánh đồng dấm, lửa bén vào bức vách rồi bốc cháy”.

Sau đêm cháy nhà, dân quân du kích, công an, cán bộ xã chia nhau đi truy tìm thủ phạm suốt mấy ngày trời. Dò hỏi tin tức khắp nơi. Họ như muốn đào tung cả đất làng Lôi để đưa bằng được bà Mít về tổng giam, nhưng chẳng ai nhìn thấy bà già ở đâu. Giả thuyết cho rằng bà Mít, người gây ra vụ cháy đã chết cháy. Trong một báo cáo của xã gửi lên huyện cũng ghi rằng bà Mít, người gây ra vụ cháy đã chết cháy. Nhưng những người hay chuyện lại bàn, chết cháy thì còn xương cốt. Đám tro tàn của ngôi nhà tranh hai gian ba mái người ta chỉ đào bới được vài mảnh chum, mảnh bát vỡ vụn. Chiếc mâm đồng bị lửa uốn cong nằm lẫn lóc giữa ba ông đồ rau bằng đất, lửa nung rắn như gạch. Vậy bà Mít đi đâu? Không rõ!

Nửa tháng sau, một cô bé đi cắt cỏ dọc bờ sông Cọi tình cờ tìm được một chiếc quần nái đen, tấm áo cánh nâu đã cũ giấu trong lỗ chuột dưới gốc một bụi dứa dại. Cô bé tưởng vợ được của, giấu vội mớ quần áo vào trong gánh cỏ đem về khoe với mẹ. Bà mẹ trẻ đang là phó chủ nhiệm hợp tác xã nhận ra đây là bộ quần áo của bà Mít. Tại cuộc họp của Đảng ủy xã, đồng chí công an xã kết luận: “Bà Mít sợ tội nhảy xuống sông tự tử!”.

Thêm một lí do thứ hai ông Sự cho rằng làng Lôi phong trào đi xuống còn có một nguyên nhân là anh con trai của cụ Đê, bà Mít chiêu hồi theo giặc. Vết nơ này, khởi nguồn từ sau cái ngày thắng Ca, con ông Cà ở làng trở về thăm gia đình vào một ngày đầu tháng 10 năm 1975.

Làng Lôi có 78 anh con trai nhập ngũ vào Nam đánh giặc. Ca là người thứ ba mới trở về quê sau ngày giải phóng, lại từ Sài Gòn ra. Đây thực sự là niềm vui, niềm tự hào của cả làng, cả xã. Ca béo tốt hồng hào, tươi tắn, trông có già đi so với ngày còn ở đội sản xuất. Nhưng thế mới ra anh bộ đội giải phóng vượt qua bao gian khổ, chết chóc hiểm nguy, có ngày trở lại quê hương. Ca không đeo sao, đeo lon nhưng cả xã biết anh ta đã là thượng sĩ,

trung đội trưởng một đại đội của một sư đoàn đánh vào Sài Gòn. Như ngàn vạn những người lính được về phép thăm cha mẹ, làng xóm sau chiến tranh, Ca nhận được 45 đồng tiền cửa rừng, một ruột tượng gạo, gói mỳ chính, chút ruốc bông mặn chát... đủ để hăn có lương thực ăn đường, mua ít gói kẹo và một vài thứ quà về thăm quê. Theo lời khuyên của một vài anh có kinh nghiệm, Ca chọn mua cái khung xe đạp, một con búp bê nhựa, vài ba cái khăn voan về làm quà cho gia đình. Thế đã là oách. Con búp bê nhựa của Ca mua ở chợ Bến Thành to bằng đứa trẻ lên 2, mặc áo váy hồng, mở mắt, nhắm mắt được. Máy trăm đứa trẻ con ở làng Lôi chưa đứa nào có được con búp bê to và đẹp như vậy. Con búp bê đặt ở giữa sân, trẻ con, người lớn quanh xóm đến xem con búp bê vòng trong vòng ngoài vì lạ. Nhân tiện họ hỏi chuyện thằng Ca về những người con, người em của họ cũng đi Nam xem còn sống hay chết. Một vài người có con em cùng nhập ngũ với Ca một ngày, biết tin người thân hi sinh thì buồn, nhìn Ca mà thương con nhớ cháu. Nhiều người đến nghe Ca kể chuyện ngày giải phóng Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn. Chuyện người Sài Gòn ăn ở ra sao, mặt thằng lính Ngụy ngang dọc thế nào. Những ngày tháng Năm năm 75, ở làng Lôi cũng vui như Tết. Tin giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất, non sông liền một dải như ngọn gió lành xua đi những tháng năm mong ngóng chờ đợi. Hết rồi bom đạn chiến tranh, hết rồi giặc giã. Con em họ sau bao năm xa nhà nay đang trên đường trở về quê hương.

Vào cái đêm thứ 4, khách đã vãn, ông Đê tìm đến nhà Ca. Bà Mít cẩn thận nhét vào tay chồng nải chuối để làm quà cho cháu. Chưa uống xong bát nước chè xanh, Ca nhìn ông Đê dẫn đo.

“- Cháu báo để bác biết tin này nhé. Anh Đê nhà bác chưa chết! Anh Đê còn sống...Cháu nhìn thấy anh ấy còn sống”.

Nghe Ca nói vậy, ông Đê bủn rủn cả chân tay, bát nước chè xanh đang cầm trên tay rơi xuống đất. Ông Đê nói như người mất hồn:

“- Có thật không cháu? Có thật cháu bảo anh Đê nhà bác còn sống? Ông Đê lặp bập hỏi lại”.

Cây gậy đuôi chó tựa ở mép bàn bị một bàn tay của ông gạt rơi xuống đất. Chỉ nói được đến đây, ông Đê tự nhiên thấy hoa mắt, loáng choáng. Ngọn đèn điện treo lủng lẳng trên đầu quay cuồng, mắt nổ đom đóm. Ông ngã lăn xuống đất, bất tỉnh nhân sự...

2

Chuyện kể rằng:

Những người già cả ở làng Lôi vẫn còn nhớ mùa đông năm 1970, làng Lôi, làng Muộn, làng Kẹo, làng Tằm có một ngày buồn. Trời rét căm căm, theo lịch của đội sản xuất, hôm ấy cả làng phải ra đồng đổ ải. Đột nhiên buổi sáng ấy chiếc loa phóng thanh treo trên ngọn cây gạo đầu làng phát đi bản tin của xã yêu cầu một số gia đình xã viên không ra đồng, lên tập trung ở trụ sở xã... Giọng cô Na, một phát thanh viên của xã vừa chua, vừa nói ngọng, trang trọng mời bảy gia đình ở làng Lôi, hai gia đình làng Muộn, năm gia đình bên làng Kẹo, mười một gia đình bên làng Tằm lên xã để nhận tin báo tử và làm lễ truy điệu cho con em liệt sĩ.

Hai mươi năm cái tang cho một xã vùng duyên hải. Hai mươi năm người con của quê hương đã bỏ mình vì nước trong chiến dịch Tổng tấn công Mùa xuân năm 1968, một số hi sinh năm 1969. Trong số ấy, có Đệ - anh con trai duy nhất của ông Đê. Nhưng còn một trăm bốn mươi một gia đình của xã Đồng Tiến lo lắng hơn. Những gia đình này đều có con vào Nam, phần đông con cái họ từ ngày đi B không có tin tức, thư từ gì gửi về cho gia đình. Miền Nam xa xôi cách trở. Nghe đài báo tin Mỹ ném bom khu IV, Vĩnh Linh, Quảng Bình, Thanh Hóa,... Cầu Hàm Rồng bị bom Mỹ ném đêm ngày. Đường Trường Sơn bị máy bay bắn phá. Nhưng khi hỏi Hàm Rồng ở đâu, Đồng Lộc ở chỗ nào chả mấy người dân làng Lôi biết chính xác. Ngoại trừ một vài người dân làng đi thoát ly làm công nhân, cán bộ, số đông thanh niên đi bộ đội, thanh niên xung phong còn người trong làng chả mấy ai đi xa khỏi lũy tre làng...

Lễ báo tử cho những người con của làng Lôi diễn ra trang trọng, gọn nhẹ thích hợp với thời chiến. Và chẳng, việc xã báo tử cho con em của người trong xã cũng đã quen rồi. Năm nào chả có những cuộc báo tử như vậy. Các

gia đình, người thân có con em hi sinh được mời lên trụ sở của xã, hợp tác xã để nghe thông báo. Không kèn đám ma. Không cỗ bàn rình rang. Không dựng rạp. Không lợn kê eng éc. Và thậm chí vắng cả tiếng khóc than, kêu gào của những người mẹ, người vợ, người chị. Người thân yêu chết thì cũng đã chết rồi. Chết ở phương trời nào, trong chiến trận hay chết vì sốt rét. Chết vì dính mìn, chết vì vào làng gặp đám bảo an, dân vệ phục kích khi đi lấy gạo. Chết vì đánh cá. Chết vì cây đổ trong giông bão, sập hầm vì pháo... Tất cả được gói gọn trong mấy chữ “hi sinh tại mặt trận phía Nam”. Đơn giản và dễ hiểu biết bao. Những đứa con của làng Lôi hi sinh vì nghĩa lớn, vì đất nước và dân tộc. Giọng đọc của ông bí thư Đảng ủy xã thật thống thiết trước mặt các gia đình liệt sĩ và đại diện của các cơ quan quân dân chính đảng. Từng người, từng người một hết làng này sang làng khác. Tên những người liệt sĩ được nêu danh giống như những cuộc điểm danh một ngày không xa, anh cán bộ tuyển quân kêu từng người đi nhập ngũ. Từng gia đình cha mẹ con cháu dặn nhau, nhớ lấy cái ngày người thân hi sinh để mà làm giỗ. Có nhà có ảnh để thờ con. Nhiều nhà không có ảnh con để thờ. May mắn thay những tấm ảnh thờ liệt sĩ ở làng Lôi, anh nào cũng trẻ đẹp. Thanh niên trai tráng tuổi 18, đôi mươi. Những ngày luyện quân ở Hà Bắc, Yên Tử, ngày nghỉ, chủ nhật cố ra đến thị trấn huyện để ăn lấy một tô phở bò và chụp lấy một tấm ảnh làm kỉ niệm. Chao ôi! Những tấm ảnh thời chiến chỉ to bằng ba đầu ngón tay. Ảnh đen trắng. Anh nào cũng quân phục sáng láng. Các nghệ sĩ nhiếp ảnh của phố huyện lấy bút chì cu lơ tô xanh, tô hồng. Anh lính nào cũng vui và tự hào có được một tấm hình để gửi về cho cha mẹ, anh chị, người yêu.

Việc Ca được về làng thăm gia đình vào cuối năm 1973 là một sự kiện chấn động cả một vùng. Ngày ấy Đông Hà đã giải phóng và trở thành một địa điểm quan trọng của mặt trận giải phóng và chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đây là thời điểm sau hiệp định Pari đã được kí kết. Mặt trận Trị Thiên Huế, quân ta và quân Ngụy đang ở thế “hòa hợp”, cài răng lược, cắm cờ giữ chốt, giữ các vùng đất đã chiếm đóng được. Thị

trấn Đông Hà được cánh lính giải phóng Trị Thiên gọi đùa là Thủ đô kháng chiến. Trong khi đó cách Đông Hà hơn chục cây số đã là sông Thạch Hãn, thành cổ Quảng Trị, các đơn vị quân giải phóng chủ lực và địa phương đang căng ra giữ chốt, phía đối diện là các sư đoàn chủ lực của Ngụy. Thị trấn Đông Hà tấp nập các sắc áo lính. Chợ Đông Hà lại tiếp tục mở cửa bán cả hàng của ta và đồ của Ngụy. Có lương khô, bột trứng, mì chính bán cả thùng. Ở một vài quán tạp hóa bán cả khăn voan, xà bông cục của Mỹ, bật lửa zippo...Lạ mắt nhất có lẽ là những cuốn album có hình các cô gái đẹp, ăn mặc hở hang. “Đúng là đồ văn hóa tư bản!”. “Tiên sư nó, thế này thì đánh đấm gì”. Một anh lính chửi tục nhưng mắt vẫn còn ngơ ngác vì có lẽ là lần đầu tiên trong đời anh được chiêm ngưỡng vật lạ của người phụ nữ.

Khốn khổ cho thằng Ca, trong đáy ba lô bản thủ hồi hám của nó ngoài mấy phong lương khô, lạng mì chính mang về cho mẹ, cụ cậu có được một cuốn album nhấp nháy, mua với giá 12 đồng ở chợ Đông Hà. Cô em gái lục túi ba lô để giặt giũ quần áo cho anh, vô tình nhìn thấy cuốn album có hình cô gái khỏa thân, cô bé rú lên như cháy nhà. Cha Ca đang ngồi hút thuốc lào vặt ở ngoài hè, tưởng có chuyện gì chạy vào, nhìn thấy cuốn album, biết chắc đây là “sản phẩm của lũ đế quốc Việt gian bán nước”, đầu độc con trai ông, giận quá ông thuận tay xé cái roạt cuốn album ra làm đôi và vặt tấm ảnh vào lửa. Thằng Ca đang ngủ chột thức dậy, biết chuyện vừa ngượng vừa xấu hổ với cha và cô em gái. Nó đường đường là một anh cán bộ tiểu đội phó, đảng viên lại đi mua cái thứ sản phẩm độc hại của Mỹ Ngụy tha về làng. Ca ngậm tăm, ngồi phì phèo điếu thuốc lá, mặt đưỡn ra như một đĩa đi ăn cắp vật bị bắt tận tay.

Nhưng vốn là một đứa tháo hoạt, những lúc bà con cô bác hàng xóm láng giềng sang thăm hỏi chuyện chiến trường, Ca trở thành một nhân vật quan trọng trong các câu chuyện kể về những anh lính giải phóng cùng đơn vị. Những câu chuyện bộ đội lần đầu tiên được nhìn thấy những tên lính Mỹ, nhảy xuống từ những chiếc trực thăng chiếm cứ điểm, đến những chuyện lính Mỹ cời trường nhảy múa trên đỉnh đồi để tầm tập thể. Nước như những cái

vòi rồng phun ra từ những chiếc trực thăng H34 to như tòa nhà treo trên lưng trời. Đến chuyện thăng Ca bò vào chốt Mỹ để lượm hộp, cà phê thuốc lá và nhặt được cả những con đàn bà bằng cao su to như người thật lính Mỹ mang theo khi hành quân... (Không biết những chi tiết này thăng Ca kể cho thêm phần hấp dẫn hay hấn bịa bởi hấn chưa bao giờ làm lính trinh sát, đặc công!). Khổ nỗi người làng Lôi vốn thật thà tin người, nghe một người lính bằng xương bằng thịt từ chiến trường ra, từng là đồng đội với con cái họ, ai chả tin? Thầy mẹ Ca tự hào vì có một cậu con trai đã trưởng thành sau những năm được quân giải phóng đào luyện. Người nghe những câu chuyện của Ca cũng không ai biết thực đâu là Dốc Miếu, hay Dốc Mèo, A Vao, A Sầu, A Lưới. Nhưng nghe chuyện ta thăng Mỹ thua, quân Ngụy bị bắt hàng xâu hàng xốc, nghe chuyện bộ đội “cắm cờ, giành đất giành dân”, nghe chuyện bộ đội giải phóng cãi nhau tay đôi với tụi tâm lý chiến của sư đoàn thủy quân lục chiến, lính dù ở Phong Sơn, Hiền Sĩ về những điều khoản trong hiệp định Pari, tụi tâm lý chiến chịu thua đã là sướng lắm rồi. Những người nông dân ở làng Lôi chưa bao giờ được nghe những chuyện ấy, báo đài càng không thấy nói, hoặc có nói họ cũng chả được nghe... Câu chuyện của Ca kể về chiến trường một đồn mười, mười thành trăm, lên đến cả huyện ủy, huyện đội. Anh bí thư đoàn huyện, vốn là một thương binh ở khu IV, tìm về tận làng Lôi mời bằng được Ca về huyện nói chuyện cho thanh niên nghe một buổi cho đã thèm.

Thăng Ca có lúc cười thầm, tự thấy mình là một nhân vật quan trọng trong những ngày về phép. Hấn chỉ là một anh quản lý đại đội, về làng oai ra phết. Chuyện đánh đấm ở Quảng Trị, Thừa Thiên, ở khu V, Ca nghe kể từ miệng những người lính, thiếu gì? Ba tháng Ca nằm an dưỡng ở Mường Lòong, một tháng chữa vết thương ở viện 94 đủ cung cấp cho hấn cả một kho chuyện của chiến sĩ ta ở chiến trường. Những ngày bám giáp ranh ở Hương Trà, Phong Quảng, dù không phải đi bám địch, đi chốt gác hàng ngày như những anh lính bộ binh thứ thiệt nhưng Ca cũng thấm thía cuộc sống đích thực của một người lính bộ binh. Hấn cũng đã từng ăn cơm nắm, chấm muối đậu phộng.

Từng đi gùi đạn gùi gạo, từ đường tuyến về kho của tiểu đoàn bên kia sông Bồ. Nhiều lần hẳn về làng mua gạo thực phẩm cùng với cánh du kích địa phương... Những ngày chạy địch càn dưới chân đồi Chối, đồi Chóp Nón, những đêm ngồi chịu trận nghe pháo Tứ Hạ, pháo Đồng Lâm bắn vào hậu cứ, đếm xác những đứa chết, đứa bị thương... Ca đều chứng kiến cả. Câu chuyện của Ca kể cho dân làng Lôi nghe tươi rói, không cần thêu dệt. Nhưng thằng Ca không biết điều này. Những người dân làng Lôi đến thăm hẳn, nghe kể chuyện chiến trường, với họ chẳng quan trọng gì. Họ đến chủ yếu để được nhìn tận mắt một anh lính giải phóng đích thị là người làng Lôi còn sống trở về. Nhìn Ca để nhận lại hình hài con cháu họ, người còn, kẻ mất ở đâu đó chưa về.

Chỉ riêng việc thằng Ca trời xui đất khiến thế nào mà vào đến chiến trường Trị Thiên được phân công về cùng một đại đội với Đệ, con cụ Đê, đã là chuyện hi hữu. Ca đi bộ đội năm 1968. Còn anh Đệ nhập ngũ đi chiến trường từ những năm 1963. Khi Ca về đơn vị bộ binh, KX, công trường V, Đệ đã là đại đội phó đại đội 3. Thằng Ca nhờ có trình độ văn hóa hết lớp 9 nên được phân công làm công tác quản lý đại đội. Chuyện Đệ hi sinh ở một làng ven đô Huế nhiều người trong tiểu đoàn biết. Thậm chí đại đội 3 và tiểu đoàn bộ đã làm lễ truy điệu cho Đệ sau trận đánh về xóm mới Bầu Tháp, gần thôn Triệu Sơn, đại đội 3 tiêu diệt đại đội Hắc Báo của Ngụy về đóng dã ngoại ở làng. Ca nhớ thuộc lòng cái tên làng Triệu Sơn và ít nhất hẳn cũng có đôi ba lần về Triệu Sơn mua gạo, đậu phộng. Cả vùng Hương Trà vào mùa dỡ đậu phộng (quê hẳn gọi là củ lạc), nhà nào cũng có hàng vài chục bao đậu phộng để bán. Bán đậu phộng cho nhà buôn lãi một, bán cho “việt công” lãi gấp đôi, gấp ba. Bộ đội du kích về làng không gặp địch vào được dân đã là sự may mắn. Lại còn mua được gạo, đậu phộng, đường, kẹo nuga, mè xứng, mì chính, dầu đậu nành của Mỹ còn ao ước gì hơn. Trong kí ức của Ca vẫn còn nhớ tới hình ảnh cây bông đồng ở đầu làng xóm Mới, Bầu Tháp như là một điểm để bộ đội, du kích định hướng trong đêm tối. Thằng Ca nhớ thuộc lòng lời dặn của o Lành, một cán bộ xã thường đưa bộ đội về mua gạo trong dân:

“- Em nhớ, ngọn đèn đỏ phía tê là Huế. Còn ngọn núi nhọn nhô lên như núp vú của chị em là đỉnh hòn Vượn. Một núp vú thấp hơn là hòn Chóp Nón. Dải đồi cao cao kia giống hình người đàn bà nằm là hòn Dài. Có đánh nhau, gặp phục kích chạy lạc đường, “đồng chí” cứ chạy vào giữa hai núp vú là gặp đường trục để về hậu cứ, nghe rõ chưa?”.

O Lành nhỏ người, đôi mắt lanh lợi, có nụ cười duyên, gương mặt hiền hậu, trông vậy nhưng o đã là bí thư xã. Lần đầu tiên thằng Ca về đồng bằng để mua lương thực, nghe chuyện hay gặp phục kích của đám lính bảo an, dân vệ, lại nghe những phương án tác chiến tưởng như sắp có đánh nhau đến nơi, hăn hơi hoảng. Hoảng cũng phải đi. Quân lệnh như sơn! Cả đại đội hăn phải đi. Lẽ nào hăn là người quản lí, giữ tiền để xuống đồng bằng mua thực phẩm lại không có mặt. Bắt đầu từ hậu cứ dốc Tranh, cánh quân đi đồng bằng cuốc bộ ròn rã ba tiếng mới tới cửa rừng. Lính trinh sát đi trước bám đường, bộ đội, du kích, cán bộ xã ròn rã bám đuôi theo nhau. Trời sẩm tối, đoàn người phải đi thêm ba tiếng nữa mới tới được con đường sắt, nếu không có địch, vượt quốc lộ số 1 để vào làng.

Biết Ca là người cùng làng với anh Đệ, o Lành đã có lần nói với hăn:

“- Ấp tối qua mình vô mua gạo là ấp chiến lược Triệu Sơn. Ấp ấy năm trước anh Đệ, chỉ huy đại đội 3, người cùng làng với em về đánh tụi Hắc Báo bị hi sinh ở đó”.

Nghe o Lành nói, Ca khẽ thở dài.

“- Tội nghiệp anh Đệ, con cụ Đê. Có dịp nào về lại làng em sẽ kể lại cho gia đình nghe”.

Câu hứa vu vơ với o Lành năm nào, ai ngờ giờ đã thành sự thực. Đêm nay, thằng Ca đang ngồi giữa làng Lôi kể chuyện chiến trường cho cả làng nghe. Mãi tới khuya, khách vãn. Con chó mực sủa gầm gừ ngoài đầu cổng rồi lát sau thấy cụ Đê lọc cọc chống cây gậy vào nhà. Cụ đặt lên bàn chục trứng và hai nải chuối ngự. Cụ nói như phân bua với thầy mệ Ca:

“- Bà lão nhà tôi nhất quyết bắt tôi sang biếu ông bà chục trứng để tẩm bổ cho cháu. Còn đây là bánh thuốc Lào bác cho, mai mốt cháu mang vào làm

quà cho anh em”.

Mẹ Ca nguây nguây:

“- Hai bác làm vậy là chúng tôi không vui đâu... Cháu ở xa về, bác sang thăm là quý rồi”.

Cụ Đê ngồi xuống chiếc ghế đầu nhìn Ca:

“- Bác sang thăm cháu, thấy cháu khỏe là bác mừng. Nhân thể hỏi cho rõ ngọn ngành về anh Đệ nhà bác. Nghe nói cháu với anh Đệ cùng đơn vị”.

Thằng Ca nghe nhắc đến Đệ, thực sự xúc động. Hắn im lặng một lát rồi nói.

“- Anh Đệ nhà bác là cấp trên của cháu. Lúc cháu vào đơn vị, anh Đệ đã hi sinh rồi. Các anh chị cán bộ, du kích biệt động huyện kể chuyện cho cháu nghe về trường hợp anh Đệ hi sinh trong trận đánh với tụi lính “Hắc Báo” ở xóm Mới Bầu Tháp thôn Triệu Sơn. Anh Đệ bị trúng mìn của địch gài, đơn vị không tìm thấy xác”.

Nghe Ca kể cụ Đê chết lặng. Cha mẹ Ca cũng cúi đầu im lặng. Một lúc lâu sau cụ Đê nói:

“- Xã cũng đã báo tử anh Đệ nhà bác rồi. Cả làng đều biết. Bác sang đây chỉ để nghe chính cháu nói cho rõ ngọn ngành... Cũng là để cho bác và bác gái yên lòng. Từ ngày anh Đệ mất, đêm nào bà ấy cũng ngồi cầu kinh niệm Phật. Đi cúng hết chùa này sang chùa khác. Tội nghiệp bà ấy, chỉ vì thương con...”.

Cụ Đê đứng dậy chào cha mẹ Ca, cầm cây gậy xua chó, lững thững đi ra cổng. Đây là vào một đêm đông giá rét. Chỉ vài ngày nữa là đêm giáng sinh. Cụ Đê nhắm tít, vậy là Đệ, anh con trai duy nhất của cụ mất đã hơn ba năm... "Nó chết mất xác... Không biết hồn phách giờ nằm ở nơi đâu... !". Nghĩ vậy mà cụ ứa nước mắt.

3

Nghe tin động trời, Đệ - anh con trai còn sống, ông Đê gật xiu. Tưởng ông chỉ bị trúng gió nhẹ mà hóa nặng. Ca và mấy thanh niên khiêng ông Đê về được tới nhà, người ông nóng hôi hổi như lên cơn sốt, chân tay co giật đùng đùng, sùi bọt mép. Bà Mít nghe chuyện Ca kể, biết con trai còn sống, nửa tin nửa ngờ. Bà càng hoảng loạn khi nhìn thấy ông chồng già bất tỉnh nhân sự. Bà cùng với cô cháu gái ở nhà kể bên ra vườn hái ngải cứu, rang cám nóng đánh gió cho chồng. Lúc ông Đê đã nằm yên, hơi thở khò khè, bà Mít mới tranh thủ ra bàn thờ thắp vôi tuần nhang, len lén nhìn lên tấm ảnh con trai. Bà không quên khấn thầm trong bụng.

“- Con khấu đầu lạy tạ Đức Ngọc Hoàng thượng đế, cùng các vị thần hai bên tả hữu. Khấu lạy Đức Phật Tổ Như Lai, Đức Phật Bà Quan Âm Bồ Tát đại từ đại bi. Khấu lạy hương hồn liệt tổ liệt tông hai bên nội ngoại... cầu cho chồng con là Bùi Văn Đê tai qua nạn khỏi... cầu cho cái tin chú Ca về báo con trai con còn sống là sự thật. Thằng Đệ nhà con có là người, hay là ma cũng xin cho mẹ con còn có ngày gặp nhau. Đức trời Phật cao sâu xin soi thấu lòng con”.

Quá nửa đêm, ông Đê hơi tỉnh mở hé hé mắt. Bàn tay ông khua nhẹ, ra ý đòi uống nước. Bà Mít nâng đầu chồng dậy ghé bát nước cháo vào miệng chồng. Hớp nước chưa nuốt trôi, ông Đê bỗng hộc lên một tiếng. Máu mũi, máu mồm ộc ra thấm đầy vạt áo. Bà Mít cuống cuống không biết kêu ai. Cô cháu gái đã về bên nhà. Bà quơ vôi lấy cây đèn chai chạy sang nhà hàng xóm tìm người cứu giúp.

Ba thanh niên trai làng và bà Mít đưa được ông Đê lên tới bệnh viện huyện đã hơn bốn giờ sáng. Một người cầm đuốc đi trước, tắt qua cánh đồng làng Vàng, dọc theo bờ con mương để ra thị trấn huyện. Những người thầy thuốc thật tốt bụng, thấy ca cấp cứu giữa đêm hôm khuya khoắt, gọi nhau trở

dậy chung tay cứu chữa. Người đo mạch, người lo kim tiêm, ống thở ôxi... Ông Đê vẫn nằm yên bất động. Người ta biết ông vẫn còn sống qua mạch đập yếu ớt và miếng bông đặt trên mũi ông lay động nhẹ.

Bà Mít bán đi tạ thóc được hợp tác xã chia cho sau vụ gặt, chạy thuốc thang, cơm cháo cho ông Đê. Thuốc men, cơm cháo nuôi người ốm ở bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh cũng chỉ cầm cự được đúng hai mươi một ngày, họ trả ông Đê về. Ông chưa chết nhưng bệnh tình không thuyên giảm. Lúc mê lúc tỉnh. Ông Đê không ngồi dậy được nữa. Uống chút nước cháo, nước gạo rang đều phải nằm, hoặc có người đỡ lưng mới tựa được vào chiếc thành giường nhưng cũng chỉ được chốc lát. Đôi mắt ông vẫn mở, nhìn cảnh vật lơ đãng, mờ ảo. Cũng chỉ tỉnh được một lúc rồi như thể ông trôi vào thế giới mộng mị hoang tưởng. Những lúc tỉnh ông Đê không nói được, muốn điều gì hay gọi người nhà chỉ thấy ngón tay khua nhẹ ra dấu. Rõ thật tội.

Tất cả mọi việc đồng áng, đi chăn con bò khoán của hợp tác xã lấy công, chợ búa cơm nước cho đến việc chăm sóc người ốm tất cả một tay trông vào bà Mít. Vài đứa cháu họ ở quanh trong làng rảnh rỗi lúc nào chạy sang đỡ đần người ốm. Việc nhà nông ai cũng bận cả. Nhà nào cũng còn có con cái, gia đình, sớm chiều ngong ngóng tiếng keng hợp tác xã để đi làm lấy công điểm. Đêm đêm bà Mít ngồi nhặt từng gốc tre già, cành củi khô vơ ngoài vườn sắc thuốc lá cho chồng. Ngồi trầm ngâm bên bếp lửa, chốc chốc bà lại nhìn ông nằm đắp chiếu ở một góc nhà coi thức hay ngủ, lòng thầm khẩn nguyện trời Phật cho ông tai qua nạn khỏi. Những giọt nước mắt âm thầm chảy khi nghĩ tới chồng, nghĩ tới con. Nhiều lúc bà nhìn tấm ảnh Đệ trên bàn thờ, đầu óc nghĩ mông lung không biết Đệ còn sống thật hay đã chết. Điều thằng Ca nói về số phận của đứa con trai không biết thật hay giả? Bà cất nên lời ai oán.

“- Con ơi! Con sống khôn chết thiêng. Con sống thật hay chết giả mà chỉ một lời của thằng Ca để cha mẹ con chịu nỗi khổ này?”.

Lời cầu khẩn và cả tiếng khóc của bà Mít chìm đi trong tiếng mưa rơi nặng hạt ở ngoài sân. Trời đêm, chớp sáng xanh lè. Một tiếng sét nổ đing tai

đâu như ngả miếu Cây Duối ngoài cánh đồng.

Bà Mít, ông Đê hẳn không biết điều này. Chuyện anh Đệ, “con ông Đê, bà Mít ở xóm Đình làng Lôi còn sống!” từ cửa miệng thằng Ca chỉ ít hôm đã loang ra cả vùng. Một vài gia đình ở các làng có con đi bộ đội vào Nam, người hi sinh, người chưa có tin tức nhiều năm nay kéo về làng Lôi để tìm gặp Ca dò hỏi tin tức về con cái họ. Ai cũng mong con cái họ có được sự may mắn như anh Đệ. Rằng còn sống, dù đui què mẻ sứt, bị thương tật nhưng miễn là còn sống để trở về gặp vợ con, cha mẹ thế là mừng. Có người ghé qua nhà bà Mít vừa để chia vui với bà, vừa chia buồn khi nhìn thấy ông Đê nằm bất động trên giường.

4

Nhiều năm sau, thằng Ca sẽ không bao giờ quên được sự kiện này. Một câu chuyện hi hữu mà chỉ một mình nó trong xã được biết. Ca đã giữ đúng lời hứa với “một anh cán bộ cấp trên”. Anh ta sau buổi làm việc với Ca đã dặn lại rằng: “- Những gì cậu báo cáo với tôi và viết ra ở đây nhớ là “sống để bụng, chết mang theo”, rõ chưa? Cậu là trung sĩ, đảng viên hử? Tốt! Tôi là đại úy, cấp trên của cậu. Quân lệnh như sơn. Nhớ nghe đồng chí trung sĩ!”. Giọng anh cán bộ lơ lơ, người miền trong. Thằng Ca không biết tên anh đại úy, cũng chả rõ ở đơn vị nào nhưng biết chắc là người của quân đội. Có vậy mới đeo lon đại úy.

Một buổi tối, có hai người mặc đồ dân sự đi cùng ông Ảnh, bí thư kiêm chủ tịch xã tìm đến nhà thằng Ca. Làng Lôi đêm ấy mất điện. Gia đình Ca đang ngồi ở vạt sân trước cửa nhà chuẩn bị ăn cơm tối. Mùi rau rút nấu canh cua đồng bốc khói, tỏa thơm. Thằng Ca cời trần, vằn hòn đá nén dưa cà ở góc sân để lấy cà ăn canh cua. Cha Ca, ông phó Đợi mới đi bữa về, áo quần chưa kịp thay bùn đất còn dính cả lên tóc. Ông ngồi trên thềm hè bê chiếc điều bát rít thuốc lào khoan khoái. Mẹ Ca và hai cô em gái mới đi cấy lúa ở đồng về, đang gột quần, rửa tay chân dưới cầu ao.

Thoạt nhìn thấy ông chủ tịch xã, phó Đợi tỏ ra luống cuống, ngại ngùng.

“- Chào bác Đợi!” - Ông chủ tịch xã chủ động lên tiếng - Gia đình ta đang chuẩn bị ăn cơm chiều?”.

“- Vâng, chào bác Hoạt... Chào hai ông! Có việc gì mà các bác ghé thăm lại không cho gia đình chúng tôi biết trước thế này?”.

Ông chủ tịch và hai người khách lạ chủ động ngồi xuống bậc hè.

“- Bác mới đi bữa về, chúng tôi ghé thăm, nhân tiện thăm cậu Ca luôn”. Ông chủ tịch thân mật đỡ lấy cái điều bát từ tay ông Đợi, rồi nói “- Đây là hai đồng chí ở huyện đội...”.

“- Quý hóa quá... Các bác quan tâm đến cháu Ca”. Ông Đợi quay ra góc sân gọi với - “Ca ơi! Có mấy anh bên huyện đội vào chơi”.

Thằng Ca nghe có khách, đặt bát cà nén vào thành bể. Nó vội rửa tay. Nước cà muối mặn chua loét, ngấm vào tay ngứa ngứa.

Ca vừa ngó mặt ra chào khách, một trong hai người cán bộ huyện đội đã nói vui:

“- Chào anh bộ đội giải phóng anh hùng! Oanh liệt quá! Những con người đã làm nên trận chiến thắng 30 tháng 4 của làng ta đây rồi. Thật vinh dự cho Đồng Tiến, làng Lôi có một người con từ chiến trường trở về”.

Thằng Ca nghe một đoạn diễn văn rồn rảng của anh cán bộ huyện đội, vánh cả mặt mũi. Cu cậu xấu hổ đỏ mặt nhưng ngấm ngấm chút tự hào của kẻ chiến thắng. Dù đơn vị của hắn có là thê đội 2, không phải nổ phát súng nào từ sau chiến dịch giải phóng Trị Thiên, Quảng Đà, vào Sài Gòn sau cả chục ngày thì hắn cũng là người có được vinh dự góp mặt trong lễ duyệt binh ngày 15 tháng 5 giữa Sài Gòn hoa lệ. Trong lúc khách chủ đang tíu tít nói năng, hút thuốc ở hiên nhà, mẹ Ca và hai cô con gái ngượng ngùng với khách lạ vì quần áo ăn mặc lôi thôi, ống cao, ống thấp, tanh mùi bùn ruộng, len lén luồn vào trong bếp, thập thò nhìn ra.

Ông chủ tịch xã nói với ông Đợi:

“- Chắc cậu Ca chưa kịp ăn cơm với ông bà! Thôi khỏi! Hôm nay có cấp trên về, xã mời cơm khách và mời luôn cậu Ca đi ăn tối với chúng tôi cho vui”. Ông chủ tịch nói với vẻ quan trọng: “- Sau bữa cơm, cấp trên muốn trao đổi với cậu Ca vài việc”.

Chiếc xe Commăngca đít vuông đậu sẵn ở trước cửa ủy ban xã, chở gọn ông chủ tịch xã, hai anh cán bộ và Ca đi một mạch về huyện. Cũng chẳng có bữa cơm khách nào của xã. Cả đám kéo nhau vào một quán thịt cày bảy món. Gần một tiếng đánh chén no say, ông chủ tịch xã sau vài ly rượu mặt đỏ như gà chọi. Thằng Ca cũng cầm ly nâng lên đặt xuống cho phải phép, hắn không dám uống rượu trước mặt cấp trên mà biết chắc đấy là những người của quân đội. Hai anh cán bộ chỉ ăn, rượu uống cầm chừng. Có lúc một anh cán bộ mà

sau này Ca biết mang quân hàm đại úy hỏi hấn:

“- Rượu uống được không đồng chí Ca?”.

“- Xoàng chú ạ!”. Ca bảo thẳng “- Nhà cháu nấu rượu. Hôm nào cháu xách lên cho chú vài lít rượu nếp cái hoa vàng làng Lôi, mẹ cháu nấu để chú ngâm thuốc”.

Đã hơn 7 giờ tối, chiếc xe commăngca chở mọi người vào một khu nhà có vọng gác bên ngoài. Căn phòng khách rộng nhưng chỉ có một bóng đèn tròn treo lơ lửng giữa nhà. Ca và ông chủ tịch xã ngồi ở một bên bàn, đối diện với hai người cán bộ quân đội. Anh đại úy bảo:

“- Giờ ta làm việc để hai đồng chí còn về”. Anh ta quay sang bảo người cán bộ đi theo “- Hợp! Cậu lấy giấy bút ghi biên bản”. Anh đại úy nói với ông chủ tịch xã và Ca. “- Câu chuyện thế này bác Hoạt và đồng chí Ca ạ. Chúng tôi nghe tin từ làng báo lên, trong chuyến về phép thăm nhà vừa qua, đồng chí Ca cho biết: anh Đệ - con trai của ông Bùi Văn Đê và bà Lê Thị Mít ở làng Lôi còn sống. Hư thực thế nào, yêu cầu anh Ca cho chúng tôi biết cụ thể. Việc này hệ trọng vì nó liên quan tới gia đình chính sách của huyện ta. Anh Đệ đã được báo tử từ năm 1971, xã đã làm lễ truy điệu, gia đình đã có bằng liệt sĩ, có phải không bác Ảnh nhỉ?”.

Ông chủ tịch xã đã ngà ngà say, ngúc ngắc cái đầu.

“- Đúng! Đúng, đồng chí đại úy ạ. Gia đình ông Đê, bà Mít là liệt sĩ”.

Hơn hai giờ đồng hồ, thằng Ca phải đánh vật với bốn trang giấy có dòng kẻ và những hàng chữ vừa thiếu nét vừa xấu như gà bới, kể lại sự việc hấn đã gặp Đệ ra sao. Hấn vốn chẳng giỏi giang về môn văn, học ngang tới lớp 7 rồi bỏ về nhà đi theo những người thợ mộc cửa xẻ, gặp dịp rồi đi bộ đội nên hấn phải đánh vật với từng con chữ. Chỉ có điều chuyện thằng Ca tình cờ gặp lại anh Đệ trong một ngày buổi sáng cuối tháng 3 năm 1975 thì hấn không quên. Cuối năm 1973, chả hiểu trời xui đất khiến thế nào, hấn bị thương nhẹ. Một mảnh cối cá nhân của tui ngụy ở dãy đồi 165 trên tuyến chốt ở bờ Bắc sông Bồ đã đưa hấn đi viện. Tại quân y viện 68 Mường Lòong, thằng Ca gặp được một người làng, phó chính ủy của một trung đoàn thuộc sư 10. Ông phó chính

ủy trung đoàn đã nhận thẳng Ca về đơn vị. Thằng Ca đang là lính của trung đoàn 4, thuộc quân khu Trị Thiên nghiêm nhiên thành quân số của sư 10, chuyển vùng vào Tây Nguyên, tham gia vào cuộc Tổng tấn công Xuân 1975, giải phóng Buôn Mê Thuột.

Những ngày cuối tháng 3. Cả khu vực Tây Nguyên và dải đất Nam Trung Bộ cực kỳ hỗn loạn. Mặt trận Buôn Mê Thuột tan vỡ. Cả một tuyến phòng thủ của Vùng 2 chiến thuật, theo lệnh của tướng Nguyễn Văn Phú tháo chạy. Trên các trục đường 19, đường 21 và cả con đường tỉnh lộ từ Play cu xuống Phú Yên, dọc theo bờ bắc sông Ba đều trở thành con đường máu rút chạy của tàn quân ngụy chạy về biển. Hàng ngàn xe tải, xe pháo, xe tăng thiết giáp M13 xô đạp cùng các đơn vị lính của sư 22, sư 23 và Bộ chỉ huy vùng 2 tháo chạy tìm đường về các cảng Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang... Ngã ba Ninh Hòa, tuyến đường lên Tây Nguyên, qua đèo Phụng Hoàng cũng rơi vào cảnh hỗn loạn.

Chính trong cái ngày hỗn loạn ấy, thằng Ca đã nhận ra Đệ mặc bộ quần áo dân sự, tay ôm theo chiếc máy chữ lẫn lộn với đám sĩ quan của sư 22, bị bộ đội ta bắt được và nhốt trong một căn phòng của khuôn viên trường trung học Trần Bình Trọng. Điều làm hấn ngạc nhiên, tự hỏi : “Sao anh Đệ gia đình đã nhận giấy báo tử, nay lại còn sống?” Thoạt nhìn thấy anh Đệ, thằng Ca không kìm giữ được bật kêu to:

“- Đệ! Anh Đệ ở làng Lôi phải không?”.

Người thanh niên nghe gọi giật mình, thoáng nhìn Ca. Đôi môi anh ta mấp máy rồi cúi nhanh xuống, vẻ bối rối. Thằng Ca mạnh dạn bước tới, vỗ nhẹ vào vai người thanh niên.

“- Anh cho tôi hỏi, có phải anh tên là Đệ, con ông Đê, người làng Lôi?”.

Lần này, người thanh niên ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt Ca, nói giọng lai lái như những người Bắc di cư, quả quyết:

“- Chú nhầm tôi với ai chẳng? Tôi tên là Mai Văn Hoàng...”

Thằng Ca ngỡ ngàng, chừa thẹn:

“- Xin lỗi! Tôi trông anh giống một người ở đơn vị cũ của tôi quá... Anh

ấy tên Đệ, cán bộ của đại đội tôi, hi sinh ở ngoại ô Huế cuối năm 1969”.

Người thanh niên cười khẩy.

“- Đời người thiếu gì kẻ giống nhau. Tôi là Hoàng, Mai Văn Hoàng...”.

Thằng Ca nghe nói vậy chưng hửng. Nhưng hăn đâu ngờ rằng, tiếng gọi và câu chuyện của nó không lọt qua ánh mắt của một sĩ quan quân giải phóng. Sau hăn mới biết tên người cán bộ ấy là Tháo, một sĩ quan chính trị của Trung đoàn, mới từ Bắc chuyển vào. Tháo, người thấp đậm, gương mặt vuông, sáng bóng, tóc húi cao, đeo quân hàm thiếu tá. Anh ta gọi Ca đến và đưa vào căn phòng có tấm biển hiệu đề: “Phòng hiệu trưởng!”. Anh thiếu tá sĩ quan rút ra bao thuốc lá Thăng Long, một loại thuốc chỉ dành cho cán bộ cao cấp thời bấy giờ, hào phóng rút ra một điếu cho Ca.

“- Cậu hút thuốc đi! Rồi tôi hỏi cậu vài câu”.

Thằng Ca vừa sợ, vừa ngại ngần nhưng nhanh tay cầm lấy điếu thuốc. Mấy năm ở chiến trường dù làm hậu cần hăn cũng chỉ được xài thuốc lá Tam Thanh, Tam Đảo, Trường Sơn... Ai cho hăn hút Thăng Long, Sông Hương bao bạc bao giờ?

“- Này, cậu vừa gọi tay lính Ngụy kia tên gì nhỉ? Tôi nghe không rõ!”. Anh thiếu tá sĩ quan hỏi Ca.

“- Dạ thưa thủ trưởng! Tên Đệ... nhưng tôi sợ mình lằm”.

“- Anh Đệ là thế nào với cậu?”.

“- Dạ thưa, anh Đệ nghe nói là cán bộ cũ của đại đội tôi hồi còn ở Trị Thiên, anh ấy người cùng làng với tôi. Tôi nhìn thấy anh ta giống với anh Đệ quá, nên tôi gọi. Anh ta nói với tôi tên là Hoàng”.

Tất cả những câu trả lời của Ca đã được anh sĩ quan ghi không sót một chữ vào sổ tay. Rồi anh ta bảo Ca.

“- Không rõ hư thực ra sao nhưng cậu kí vô đây. Ghi rõ họ tên, chức vụ đơn vị”.

Thằng Ca không dám kể lại cho ai câu chuyện của nó với người sĩ quan về sự nhầm lẫn giữa một người đã quá cố với một anh lính Ngụy ở Sài Gòn. Trong thâm tâm, hăn định ninh một điều. “Biết đâu anh Đệ, con cụ Đê còn

sống thật. Gương mặt của người lính Ngụy giống hệt anh Đê, lúc anh Đê về phép để đi B”.

Thằng Ca càng không ngờ rằng câu chuyện ở chiến trường làm quà cho ông Đê, bà Mít đêm nay đã bắt hẵn phải ngồi viết bản tường trình dài dằng dặc. Vừa viết thằng Ca liên tục đốt thuốc lá. Ở một băng ghế dài kê sát với cửa sổ, ông chủ tịch xã sau bữa cơm rượu thịt chó, ngà ngà say, trong lúc ngồi chờ Ca làm việc, đã lăn ra ngủ. Bữa bún thịt chó cùng với nửa lít rượu gạo đã làm ông khoái khẩu, lâu lắm mới được một bữa no say như vậy. Ông chủ tịch xã ngủ ngáy như kéo gỗ. Ở một chiếc bàn khác, hai anh cán bộ cũng đã giở bàn cờ tướng ra gõ chan chát, giết thời gian trong lúc chờ đợi Ca viết bản tường trình.

Hơn 10 giờ đêm, chiếc xe commăngca mới chở Ca và ông chủ tịch xã về lại làng Lôi. Tiếng chó sủa râm ran. Làng xóm đã ngủ say sau một ngày dài rộn rã vất vả với chuyện đồng áng. Cha Ca vẫn còn ngồi hút thuốc lào chờ con. Bát canh cua đồng và phần cơm dành cho Ca được đẩy bằng một cái sàng, ngụy ngắt ngụy ngơ. Cơm rượu vào, lại phải căng đầu óc ra để nghĩ và viết, thằng Ca khát nước. Chỉ một vài hơi, Ca húp sạch bát canh rau đay mồng tơi.

Thằng Ca sẽ không bao giờ được chứng kiến cái ngày tang thương của gia đình bà Mít. Bốn tháng sau, Ca trở về đơn vị và tham gia vào đội quân gỡ mìn, trồng cao su ở Tây Nguyên. Một đoàn cán bộ huyện xã tới nhà ông Đê, bà Mít. Ông Đê bán thân bất toại đã mấy tháng nằm thoi thóp trên giường. Buổi sáng ấy, bà Mít chặt được nải chuối ở góc vườn mang ra chợ Tổng bán, chỉ có cô cháu gái ở nhà trông nom người ốm. Không biết họ nói gì với cô cháu gái chỉ thấy cô lên gỡ tấm bảng “Tổ quốc ghi công” treo ở trên tường và trao lại cho họ. Lúc bà Mít về đến nhà, những người cán bộ đã đi. Cô cháu gái cũng bỏ đi đâu mất. Còn ông Đê nằm trên giường, bất động, nước mắt ứa ra trên gò má. Như thế, ông biết hết mọi chuyện xảy ra trong nhà. Quá nửa đêm, bà Mít trở dậy cho chồng uống thuốc. Không thấy ông động cựa. Từ chỗ ông nằm, mùi phân bốc lên khăm lăm. Vẫn còn thấy ông thoi thóp thở.

Bà lặng lẽ lau rửa cho ông, thay áo quần.

Bốn giờ sáng, ông Đê trút hơi thở cuối cùng.

Ở vào những năm “76” ấy, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp còn đang rầm rộ, miền Nam bắt đầu đi vào công cuộc cải tạo tư bản tư doanh. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp của miền Bắc xã hội chủ nghĩa đang là kiểu mẫu cho cả nước noi theo. Các hủ tục trong đám cưới, đám ma rườm rà theo lệ cũ bị phá bỏ. Đám ma của ông Đê diễn ra lặng lẽ, gọn nhẹ, không kèn, không trống. Chiếc xe đò của hợp tác xã được những người bà con làng Lôi đưa ông ra đồng. Máy người thân thiết, ruột rà trong họ mặc đeo khăn tang. Không người chống gậy, bưng ảnh. Tháng chạp, ruộng làng Lôi đang vụ trồng màu lấp ló những luống cải vàng xen kẽ những mảnh ruộng trồng rau lang, ngô, đỗ... Từng đàn ruồi bay à à ra ngoài bãi tha ma, đánh hơi người thấy mùi cơm rượu và cả hơi người chết. Máy chục người đưa tang ông Đê lặng lẽ đi trên con đường bờ mương còn ướt sương đêm. Cây cờ tang được một đứa cháu trong họ vác đi trước.

Bà Mít đầu trùm chiếc khăn trắng theo sau quan tài. Những tháng ngày bà cạn kiệt sức lực để chăm sóc chồng đau ốm, thêm sự căng thẳng và nỗi đau dồn nén đổ xuống đầu người đàn bà vừa bước sang tuổi 62, khiến bà Mít không còn sức để khóc chồng. Máy bà chị họ, máy đứa cháu cố gào lên lúc những người khiêng quan tài chuyển linh cữu ông Đê xuống hố đất sâu. Đôi mắt của bà Mít vẫn ráo hoảnh, chỉ hơi tối lại. Gương mặt bà hằn sâu những nếp nhăn... Không ai biết rằng từ lúc ông Đê nằm liệt giường, bà đã phải mang ra những đồng bạc cuối cùng để lo thuốc thang và tang ma cho chồng. Tính ra từ ngày Đê đi B cho đến ngày anh báo tử, mỗi tháng ông bà nhận được 12 đồng. Tằn tiện lắm ông bà chỉ dám tiêu vào suất tiền của người con đi B mỗi tháng 5 đồng để mua gạo, mắm, đóng góp việc họ, việc làng. Bấy đồng còn lại bà tích góp quyết giữ cho đứa con trai ngày về có chút tiền để cưới vợ. Một trận ốm thập tử nhất sinh của ông Đê và một đám tang. Vốn liếng dành dụm cho con trai bao năm hết cả.

Mọi người đã ra về theo xe tang, bà Mít còn ngồi lại bên mộ chồng một

hồi lâu, đập những vớ cỏ lên ngôi mộ đất còn in dấu chân người. Ngọn gió tươi thổi phóng tưng trên cánh đồng như mang đi hết những đau buồn, uất ức, nhớ thương trong lòng người đàn bà suốt những ngày tháng qua căn rặng phải chịu đựng. Giá như bà chết được theo chồng? Có lẽ bà sẽ nhẹ nhàng hơn nhiều. Nhưng từ trong cõi thăm sâu, bà Mít hiểu rằng bà không thể chết vào lúc này được. Bà chết ai sẽ là người đi giải nỗi oan khuất này. “Thằng Đệ là một đứa đảo ngũ, chiêu hồi?! Chao ôi là nhục!”. Bà còn mặt mũi nào mà nhìn bà con chòm xóm. Trong đám ma ông Đê chiều nay bà đã nghe loáng thoáng những điều ong tiếng ve của những kẻ thói mồm. Rằng “ông Đê ngã bệnh rồi chết bất đắc kỳ tử vì có đứa con phản quốc...”. “Nghe bảo ông lão chết học máu mồm, không nhắm mắt được”.

Bà Mít và mấy người chị em trong họ ngậm tằm. Không ai dám hé răng cãi lại một lời. Họ biết được tấm bằng liệt sĩ của Đệ đã bị thu hồi. Nhà có tang nhưng chẳng có một ai trong chính quyền, đoàn thể, hội cựu chiến binh đến viếng. Anh thôn trưởng có mặt cùng với anh đội trưởng đội sản xuất nhưng đều là người có họ xa với ông Đê. Họ đến cho phải phép...

Trời đã nhá nhem, không rõ mặt người. Bà Mít rời khỏi ngôi mộ chồng vác chiếc cuốc lằm lũi đi về làng.

5

Gió thổi mạnh. Ngọn lửa càng bốc dữ dội.

Lưỡi lửa đỏ tím hung dữ như một cái đầu rồng, lúc loang rộng, lúc vươn dài, khi gặp gió bốc lên cao vượt khỏi ngọn tre. Tiếng luồng, nửa nổ lốp bốp như tiếng pháo. Tàn than kéo theo hàng ngàn vụn bông hoa lửa tạo thành dòng khói đen cuộn cuộn bốc lên trời. Tiếng trống Ngũ Liên, tiếng keng hợp tác xã treo ở cửa đình, tiếng phèng la khua vang khắp làng trên xóm dưới hòa lẫn trong tiếng hò hét, quát tháo của người đi cứu hỏa. Trời về khuya không rõ mặt người. Chỉ thấy bóng người chạy qua chạy lại nhập nhòa trong ánh lửa lúc sáng lúc tối. Một chiếc xe công nông đèn pha bật sáng quắc chạy đi chạy lại trên con đường làng. Chiếc xe lúc ẩn lúc hiện sau những khóm tre, vườn chuối giữa chỗ nhà cháy và cái ao đình cách nhau hơn 300 mét để tiếp nước cho thanh niên dập lửa.

Ngồi nép sau một bụi dứa dại, bà Mít lặng lẽ nhìn về phía làng. Run rẩy và sợ hãi. Bà không lường hết những hậu quả gây ra. Cái lùm rơm và đồng trâu chỉ một loáng đã thui rụi gian bếp và cái chuồng lợn kế bên. Lửa tạt hất mạnh bén cháy vào ngôi nhà ba gian, hai chái lợn rạ của bà. Một cơn gió to cuốn phăng tấm liếp cửa ken bằng lá gồi bay sang nhà ông Quới. Nhà ông Quới bốc cháy. Lửa từ nhà Quới truyền sang nhà Toàn, nhà Quát. Từ nhà Quát lửa bén cháy nhà lão Vinh mù rồi nhà Học... Ngồi chui lủi giữa những bụi dứa dại ngoài đám mồ mả giữa đồng, bà biết mình là người gây ra hỏa hoạn. Phen này chắc chết. Không chết cũng đi tù một gông... Bà càng kinh khiếp hơn nữa khi chạy được tới con đường đất bám dọc theo bờ mương nghe một tiếng nổ to như trái bom kèm theo một quầng lửa vọt lên giữa bầu trời tối đen. Ánh sáng chiếu rộng cả một vùng. Kho xăng bén lửa và phát nổ. Bà Mít ngồi thụp xuống rệ cổ cất lên thành tiếng. “Lạy trời, lạy Phật... tội lỗi này do con gây ra... con là kẻ có tội! Có tội. Con xin lấy cái chết để tạ lỗi này...”.

Bà Mít vừa chạy gần trên con đường tắt đồng đi ra chợ Tổng, vừa lắng tai nghe ngóng. Thình thoảng bà lại ngoái nhìn về phía làng, nơi ấy lửa vẫn bốc cao. Bà càng hoảng sợ khi nghe tiếng còi xe cứu hỏa hú giật thột chạy về hướng kho xăng. Ngọn lửa bốc cao, khói đen cuồn cuộn sáng cả một vùng. “Phen này mình mắc tội to rồi... Họ bắt được chỉ có đi tù!”. Nhìn đám cháy ở làng Lôi và kho xăng, bà Mít thấy giống như một buổi chiều nào, bom Mỹ ném xuống làng Lai, làng Cựu mùa đông năm 66. Vùng quê của bà chẳng có nhà máy, chẳng có cầu cống, chẳng là nơi đóng quân ấy vậy mà cũng bị bom Mỹ đào xới. Về sau bà hiểu rằng làng Lôi nằm dọc theo sông Hồng, ra cửa bể không xa. Tàu bay Mỹ từ hạm đội ngoài biển bay vào, ở đấy có các ụ pháo cao xạ, tên lửa của bộ đội, các ụ súng của dân quân du kích nằm phục sẵn. Máy bay Mỹ đem bom ném vào Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định không hết về đến đây chúng mặc sức thả xuống các làng trước khi rút ra biển. Dân làng Lai bị một phen chết oan. Một chùm bom sáu trái, thiêu rụi một phần ba làng. Ngày đó bà Mít là chi hội phó phụ nữ thôn. Nghe bom nổ, nhà cháy, bà không cảm thấy sợ hãi gọi thêm mấy người bạn mang câu liêm, thùng, chậu hò nhau đi dập lửa. Hơn hai chục người già, trẻ, lớn bé của làng Lai chết cùng một giờ, một ngày bởi bom Mỹ. Hơn nửa ngày trời, phải vất vả lắm dân quân du kích mới nhặt hết xác trong đám tro than cháy đen. Nhìn cảnh bom ném, nhà cháy, người chết, bà Mít lại nghĩ tới con. Không biết giờ này ở chiến trường thẳng Đệ sống chết ra sao. Từ ngày con ra đi, về phép được dăm ngày trước khi đi B, gia đình chẳng nhận được lá thư nào. Bà chỉ ân hận một điều, thằng Đệ đang học dở lớp 10, chỉ còn nửa học kỳ nữa là thi tốt nghiệp ùng ùng viết đơn xin đi bộ đội. Ngày Đệ nhập ngũ, bà Mít không khóc lấy một tiếng. Chồng bà trầm tính càng ít nói hơn. Thương con trai đứt ruột nhưng từ trong sâu thẳm bà không dấu giếm niềm tự hào của một người mẹ thời chiến. Bà phải cứng rắn vừa để yên lòng con, vừa động viên đám thanh niên trai làng măng tở nhập ngũ. Bây giờ nhìn đám cháy ở làng Lôi, bà Mít sợ hãi thực sự. Bà vừa trốn chạy, vừa nuốt nước mắt. Hơn một trăm ngày kể từ lúc chồng nằm sâu trong lòng đất, bà chờ đợi từng đêm, mong ngày ra đi.

Bà không thể ở lại cái làng này, hàng ngày nhìn thấy mặt người quen trong nỗi tủi nhục. Không phải không có người đồng cảm chia sẻ những nỗi đau của bà. Cũng có không ít kẻ nhìn bà với con mắt soi mói, khinh thị. Để xảy ra cơ sự cháy làng, bà Mít không ngờ hậu họa lớn đến vậy.

Bà Mít chạy dọc theo con đường xuyên đồng lúc chạy gần, lúc đi chậm lại để lấy sức. Không dám dừng lấy một lúc. Khát quá, bà vục tay xuống con mương, uống tạm hộp nước lạnh tanh nồng mùi đất. Trời chưa sáng rõ, bà Mít đã đến được bến đò sang bên kia đã là đất Nam Định. Bà trùm kín trên đầu cái khăn, che bớt khuôn mặt và ngồi vào con đò ngang sang sông. Đò sớm chở người đi chợ, mấy cô gái ở làng Thuận mang rau sang bán cất cho các sạp buôn ở chợ Ròng. Bà Mít ngồi lẫn với đám rau dưa, tay ôm chặt chiếc túi vải nâu chỉ độc có hai bộ quần áo, chiếc áo bông và tấm ảnh thờ của con. Bà có một giấy chứng minh thư, định cầm theo nhưng lúc ở bên bờ sông Hồng chả hiểu nghĩ sao, bà vất xuống sông. Mấy đồng bạc mang theo phòng thân bà giấu kín trong cặp quần. Mấy nắm cơm vắt chặt từ chiều qua bà gói kĩ trong lá chuối hơ lửa cùng với chai muối vừng để ăn dần vài ba ngày. Trước khi rời căn nhà lần cuối, bà Mít đã đến bàn thờ thắp nhang cho chồng, cho con. Bà vái lạy tổ tiên và lặng lẽ gỡ tấm ảnh của Đệ mang theo. Ngôi nhà tranh vách đất đã gắn bó cuộc đời bà hơn bốn mươi năm năm. Bây giờ là lúc bà rời xa, xa mãi mãi. Bà không cảm thấy hối tiếc. Cũng không cảm thấy quyến luyến với người chồng gắn bó với bà đang nằm lại với đất này. Ông Đê vốn hiền lành nhưng cục tính. Có lần trong cơn giận dữ, đang ăn cơm ông quăng cả bát đĩa ra sân. Nhiều phen bà cũng khổ vì ông. Những ngày cuối cùng chăm sóc ông Đê, nhìn ông bà biết bệnh tật đổ ụp xuống đầu ông không phải không có nguyên nhân. Ông lão không phải là cán bộ, không phải đảng viên, chỉ là một anh dân cày ở làng. Nhưng ông ngấm ngấm tự hào vì có một anh con trai học giỏi nhất vùng. Đệ đã từng có tên trong đội thi học sinh giỏi toán của tỉnh, mỗi lần giật giải các thầy cô đều khen. Mỗi buổi trưa, buổi tối nhìn Đệ đi học về ngồi ăn bát cơm độn khoai với vài gắp rau muống luộc, đĩa tép kho lá chanh ông chồng cất được ở con mương ngoài đồng, bà Mít không

dám nghĩ sao mình lại đẻ ra được một đứa con như thế. Vợ chồng bà hiếm muộn đường con cái. Bốn lần sinh nở chỉ đậu được hai. Người chị của Đệ cách cậu em 9 tuổi. Lúc Đệ nhập ngũ vào chiến trường đến năm thứ 2, chị Đệ chỉ sau một trận cảm hàn rồi mất. Năm sau đến lượt Đệ báo tử. Nỗi đau gậm nhấm hai vợ chồng già đến nỗi nghe tin con chết ông Đê ngã bệnh. Bà Mít gan góc hơn nhưng trái tim bà tan nát. Từ ngày thằng Ca trở về làng loan tin Đệ còn sống, chiêu hồi giặc. Và xả cho người xuống thu lại bằng Tổ quốc ghi công, bà Mít càng buồn tủi hơn. Thêm những lời soi móc của vài kẻ hay ngồi lê đôi mách rỉ tai nhau “thằng Đệ đảo ngũ, chiêu hồi...”, bà càng đau đớn hơn. Như thế có lưỡi dao sắc nhọn chọc đúng tim bà. Đã có lúc nghĩ quẩn, bà Mít muốn đi theo chồng. Có những buổi chiều đi làm về ngồi hàng giờ bên bờ sông Cọi, để gánh cỏ một bên, dắt con bò tha thẩn, bà Mít đã định nhảy xuống sông. Ấy vậy mà bà không chết được. Như thế giới bắt bà phải sống, phải chịu đựng sự nguyên rủa của những kẻ độc mồm độc miệng. Sau ngày chồng chết bà Mít hiểu rằng không thể cam lòng sống nốt những ngày tàn, chờ chết ở cái làng này. “Đi! Phải đi!”. Ý nghĩ ấy lóe sáng trong đầu bà sau ngày bà làm mấy mâm cơm cúng ông Đê trăm ngày. Đêm ấy bát chân nhang bày trước linh vị chồng tự nhiên bốc cháy. Giữa ánh lửa chập chờn, đôi mắt của Đệ trên tấm ảnh lóe sáng như đồng lõa với ý nghĩ của mẹ. Biết đi đâu? Bà con họ hàng không có ai. Chẳng lẽ bà sang làng Vồng ở nhờ nhà thông gia. Con gái của bà cũng đã mất. Anh con rể sau ngày vợ chết chưa tới 2 năm đã ngược rừng đi làm công nhân lâm nghiệp và lấy vợ mới ở Tuyên Quang... Ngày trước nghe thằng Ca kể, nó với anh Đệ ở cùng một đơn vị chiến đấu tại mặt trận Huế... Sao giờ về phép nó lại khoe gặp Đệ ở Ninh Hòa? Ninh Hòa, Nha Trang là đâu? Bà không biết. Con trai bà nghe nói chiến đấu ở Huế kia mà! Trong một lá thư của Đệ gửi về năm nào năm nào lúc qua Hà Tĩnh kể rằng, mỗi ngày con bà phải đi bộ từ 25 đến 30 cây số, qua binh trạm này đến binh trạm khác, mang vác ba lô, súng đạn, gạo, muối mắm để có cái ăn dọc đường. Vậy bà cũng đi bộ. Đi tới đâu, hỏi đường tới đó. Ngày trước bom đạn, con bà còn đi được vô Nam. Bây giờ giặc già đã tan, bà cũng sẽ đi bộ tìm

đường vô Nam. Bà nghĩ đơn giản, giá có chết đập, chết dùi ở dọc đường cũng không ai biết bà là ai, quê quán không có. Nhưng thà vậy còn hơn là sống và chết những ngày tàn lụi ở làng Lôi trong nỗi tủi nhục.

Không ai biết bà Mít đã đi bộ được bao nhiêu ngày. Bà cứ bám dọc theo con đường quốc lộ số 1, hướng vào Nam. Suốt ngày xe tải, xe khách chạy ngược xuôi trên đường. Lần đầu tiên bà Mít được nhìn tận mắt những chiếc xe ca chở khách mang tên Phi Long, xe sơn xanh, sơn đỏ lòe loẹt. Ban đêm xe chạy đèn pha bật sáng quắc chiếu sáng con đường. Đi trong nhiều ngày nhưng không có một cái xe nào chịu cho một bà lão ăn mày không tiền, ăn mặc rách rưới, bần thiu xin đi nhờ xe.

Cho đến một buổi chiều bà Mít vào được đến đất Tĩnh Gia. Trong lúc dừng lại bên đường xin nước uống bà gặp được một đoàn xe bộ đội. Các chú bộ đội còn trẻ cả, nhìn thấy một bà lão nghèo khổ, lấm láp bụi đường chìa tay xin lương khô. Một anh lính đã vui vẻ hỏi.

“- Mẹ đi đâu thế này? Con cái mẹ ở đâu sao không chăm sóc lại để cho mẹ đi ăn xin?”.

Bà Mít nhìn anh lính khẽ lắc đầu:

“- Mẹ không đi ăn xin đâu chú! Mẹ đi tìm con”.

Anh bộ đội lại hỏi:

“- Con mẹ ở đâu mà phải đi tìm?”

“- Con mẹ cũng đi bộ đội như mấy chú. Nó đi từ năm 63 cơ. Người bảo nó chết, xã cũng đã báo tử cho mẹ. Người bảo nó còn sống! Nếu còn sống thì nó phải về với mẹ chứ, phải không chú? Hòa bình đã cả năm nay rồi mà chưa thấy con mẹ về”.

Anh bộ đội cầm tay bà Mít, giọng bùi ngùi.

“- Tội nghiệp mẹ, mẹ ơi!”.

Bà Mít nhìn anh bộ đội bằng ánh mắt quyết liệt.

“- Mẹ phải đi tìm con mẹ chú ạ!”.

Anh bộ đội mở chiếc túi vải của bà Mít, đỡ bức ảnh lồng trong khung kính có hình của Đệ. Chiếc khung kính đã vỡ một góc trong lúc bà chạy tháo thân

thoát khỏi làng Lôi.

Lúc đoàn xe chở bộ đội lên đường, những người lính đã lặng lẽ giấu bà Mít trong một thùng xe phủ bạt. Bà Mít ngồi nhấm nháp miếng lương khô. Khi nào khát, bà đã có sẵn bi đông nước của người lính tốt bụng đưa cho bà lúc lên xe. Chỉ nghe họ nói. “- Mẹ là mẹ của chúng con. Chúng con đi đánh giặc ở biên giới đây!”.

6

Những năm học đại học ở Huế, vào ngày nghỉ, Hoài thường theo xe đò về huyện Hương Trà chơi thăm lại đám bạn bè cũ. Mới chỉ một vài năm sau ngày giải phóng, cuộc sống thời chiến tưởng như đã lùi vào trong quá khứ... Những ngày hoà bình đầu tiên công việc bộn bề, cuốn hút mọi người. Trăm thứ việc cần giải quyết. Việc nào cũng mới mẻ, phức tạp trong đời sống dân sự hàng ngày. Ở đây, Hoài có nhiều bạn bè quen biết trong chiến tranh, sống chết với nhau một thuở, vậy mà anh đi tìm gặp lại những người quen cũ thật khó. Đến công sở, Hoài như kẻ đi lạc vào một phiên chợ quê, ngơ ngác giữa đám bàn ghế lổng chổng trong lều chợ.

Cả một đội quân cán bộ huyện xã ngày trước đông là vậy, cứ mỗi buổi chiều về làng đi mua gạo, đậu phộng, không gặp địch chốt ở cửa rừng là mọi người đã có thể gặp nhau trò chuyện ở một địa điểm gọi là Miếu Trâu, chờ đến đêm tối thì kéo nhau về làng. Bây giờ hoà bình rồi, không thể còn tụ tập đông vui như vậy nữa. Từ anh cán bộ huyện cho đến chị du kích đều có vai có vế trong bộ máy chính quyền cách mạng. Một số người đóng vai trò chủ chốt trong huyện uỷ, Ủy ban Nhân dân huyện, huyện đội. Một số về làm bí thư, chủ tịch các xã. Một số khác được cấp trên rút về công tác ở tỉnh, thành phố. Các lớp học bổ túc về chính trị, về chính sách của Nhà nước cách mạng được mở ra để bồi dưỡng cấp tốc cho cán bộ, đảng viên. Một số khác được cử đi học bổ túc văn hóa cho đủ trình độ phổ cập cấp 1, cấp 2, cấp 3. Một bộ phận cán bộ được trung ương điều động về thành phố đi cải tạo công thương nghiệp tư bản, tư doanh trong vùng Mỹ, nguy hiểm soát trước đây. Một số khác đi tập huấn chuẩn bị cho việc xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn. Hầu hết những sĩ quan nguy, cán bộ trong chính quyền cũ đã có lệnh đi học tập cải tạo. Không khí trong các làng xã oi bức, căng tức. Người dân lắng tai nghe ngóng những lệnh mới được ban ra từ chính quyền cách mạng. Ở

những cơ quan chính quyền cách mạng, cán bộ họp tối ngày. Các bàn máy chữ khua vang để kịp cho ra đời những văn bản, chỉ thị mới.

Hoài rời quân ngũ về làm anh học trò đi học xem ra lạc lõng giữa đám bạn bè là cán bộ huyện, xã trước đây. Nhiều khi gặp được họ cũng khó. Anh vẫn còn nhớ cậu Kỳ, một thanh niên mới rút lên núi trong đợt bộ đội KX phối hợp với đội biệt động xã Hương Thạnh về đánh ấp La Chử năm 73 rút lên núi. Sau khi được huấn luyện vài tháng, bây giờ về làng, Kỳ đã là anh xã đội trưởng. Anh Có, anh Đoàn, những cán bộ biệt động nổi tiếng của thành phố nay được điều về công tác tại thành phố. Ngọc Anh, một anh bạn từng chết hụt với Hoài ở dốc Đất Đỏ, sau bốn năm học trường An ninh nay đã là trưởng công an huyện. Vào những năm 1976, đất nước thống nhất, chủ trương của trên cho hai, ba tỉnh nhập một; vài ba huyện thành một huyện lớn hơn, dân số hàng chục vạn người. Cái ý chí sắt đá, quyết tâm xây dựng cả nước thành 500 pháo đài để bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang dần trở thành hiện thực.

Thủ trưởng Bậu của Hoài vốn là tiểu đoàn trưởng KX ngày trước sau được điều động sang công tác tại Ban tham mưu Thành đội. Theo yêu cầu của cấp trên, ông được điều về giữ chức huyện đội trưởng. Ông Bậu bao năm xa KX nhưng vẫn không quên Hoài. Anh vốn là người lính trinh sát của tiểu đoàn thường đi bảo vệ ông mỗi lần vượt sông Bồ hoặc vượt đường 12 sang cơ quan tỉnh đội để họp. Nhiều lần, cánh lính trinh sát cùng ông Bậu bò vào bám các căn cứ Chóp Nón, đồi Chối, Tứ Hạ..., đưa đường cho ông về làng La Chử, Phú Ổ, Văn Xá đuổi đánh tụi dân vệ nghĩa quân. Mỗi lần về ấp Văn Xá Làng, nếu không gặp địch, thế nào ông cũng tạt qua làng Thanh Lương thăm mẹ già và bà con cô bác. Cũng bởi ông đi theo cách mạng từ những năm chống Pháp, gia đình là cơ sở cách mạng nên bà mẹ và bà con họ mạc luôn bị chính quyền nguy gây phiền hà. Có lần, bà mẹ bị bắt đưa về quận tra khảo. Năm 1954, ông Bậu theo bộ đội tập kết ra Bắc. Năm 1962, ông được cấp trên bí mật đưa về Nam. Sau ngày giải phóng, gia đình ông mới được đoàn tụ. Mặc dù gia đình ông có nhà ở Huế, hàng ngày ông Bậu vẫn ở lại huyện, ăn

ngủ tại cơ quan huyện đội. Một cậu công vụ lo cơm nước giặt giũ áo quần cho thủ trưởng. Chỉ khi nào có việc họp hành ở thành phố, ông Bậu mới về thăm vợ con.

Nhà khách của huyện đội thành nơi trú ẩn của Hoài để trốn những bữa cơm sinh viên trong cư xá Đội Cung. Về chơi với ông Bậu, anh được ông cho ăn cơm cùng mâm, ở cùng nhà. Lâu lâu ông lại sai Hoài phóng xe máy ra chợ An Hoà hoặc về Hiền Sĩ mua rượu, mực, thịt chó về nhậu. Bao năm ở rừng, ông Bậu vẫn không quên thói quen nằm võng. Chiếc võng may bằng vải simily pha ni lông hai lớp. Tối ngủ, trời lạnh ông trùm thêm tấm dù hoa, ghé đầu lên mép võng nằm nghe đài Hà Nội và đài BBC. Nếu không, ông lại tấu lên bốn kịch cũ. Ấy là ông kể cho Hoài nghe chuyện những ngày ông ra miền Bắc tập kết, đi học trường quân chính. Chuyện ông đi hái sấu, hái trộm dưa của người dân ở ngoài bãi sông Hồng. Rồi chuyện ông đi tán các cô gái ở Hà Nội. Chuyện ông Bậu lấy vợ. Nhưng có lẽ say sưa nhất vẫn là chuyện những ngày ông làm đại đội trưởng rồi lên cán bộ tiểu đoàn của KX đưa bộ đội về đánh giải phóng Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc. Hai mươi sáu ngày đêm chốt giữ cố đô Huế, chặn đánh tàu địch trên sông Hương... Rồi ông kể cho Hoài nghe về làng Thanh Lương của ông với những kỉ niệm ấu thơ êm đềm, ngọt ngào của tuổi hoa niên. Đã có lần đại đội của Hoài đi theo ông về diệt đại đội bảo an ở Văn Xá Làng. Bữa ấy không có địch. Được thế, cả đại đội xộc thẳng về làng Thanh Lương đánh nghĩa quân diệt ác, trừ gian, rải truyền đơn của Mặt trận. Trung đội địch chốt ở chợ mới nghe thấy tiếng B40 nổ, biết có chủ lực quân giải phóng về làng chúng đã bỏ chạy. Bộ đội, du kích vào được dân mua gạo, mì chay, đường sữa, kẹo muga, thuốc lá xả lảng.

Trong vòng ba tiếng làm chủ làng Thanh Lương, Hoài đã có dịp quan sát toàn cảnh ngôi làng. Làng Thanh Lương nằm dọc bên sông Bồ, làng đẹp, rợp bóng tre xanh và dừa. Ở các Phe Nhất, Phe Nhì, Phe Ba được bao bọc bởi những vườn cây ăn trái men theo con đường làng ra ngoài cánh đồng. Thoang thoang mùi hoa cau, hoa nhài toả ra từ những ngôi nhà vườn ngập tràn ánh trăng hạ tuần. Biết có bộ đội về làng nhưng địch vẫn không bắn pháo. Chỉ

thình thoảng, chúng bắn ít đạn cối lên chặn phía ngã rừng. Ở căn cứ Từ Hạ, lâu lâu, địch lại bắn lên trời những trái pháo sáng.

Thủ trưởng Bậ say sưa kể chuyện KX và chuyện làng Thanh Lương của ông. Lâu lâu ông lại dụ khị Hoài rằng:

“- Bữa mô về Huế, mi ghé nhà qua chơi. Mi ưng con gái qua ta gả cho một đứa!”.

Câu chuyện của ông Bậ chỉ kết thúc khi nào Hoài nghe thấy tiếng ông ngáy. Anh nhìn sang, thấy điều thuốc rubi ông vẫn cầm trên tay, tàn rơi trắng dưới đất.

Cũng trong một buổi tối như vậy, Hoài về thăm ông Bậ. Cơm chiều xong, ông kéo anh ra chiếc bàn đá đặt ngay dưới gốc cây phượng. Cậu cần vụ đã chuẩn bị sẵn cho thủ trưởng một ấm trà. Ông nghiện trà nhưng chỉ uống độc 2 thứ: trà Hồng Đào bao bạc dành cho cán bộ cao cấp hoặc trà B’Lao của Bảo Lộc. Sau một li trà đậm, ông Bậ rút bao rubi và cho Hoài một điều. Đang uống nước, hút thuốc, chợt ông Bậ hỏi Hoài:

“- Này, mi còn nhớ thằng Đệ, đại đội phó C3 không hí?”. Hoài ngó ra. “- Anh Đệ chết rồi, hi sinh ở Bầu Tháp, thủ trưởng không nhớ sao?”.

Ông Bậ nhìn Hoài. “- Sao qua lại không nhớ thằng Đệ! Tao là người giới thiệu nó vô Đảng và đề nghị với trung đoàn đề bạt nó chớ ai”.

Hoài sợ ông Bậ quên, anh nhắc lại cho ông Bậ nhớ. “- Sau trận ấy, đại đội 3 đã làm lễ truy điệu cho anh Đệ dưới chân dốc Đoác, có cả thủ trưởng và thủ trưởng Ngạn chính trị viên tiêu biểu dự. Hôm sau, tiểu đoàn bộ hợp quân chính, bị tụi thám báo Mỹ phát hiện, gọi máy bay ném bom vào hậu cứ. Thằng Nam, lính công vụ cho thủ trưởng bị bom chết mất xác. Thủ trưởng có nhớ không?”.

Giọng ông Bậ trầm đục:

“- Sao qua lại không nhớ được! Nhưng là chuyện như ri mi ơi. Bữa hôm rày, qua tình cờ gặp được một bà cụ từ ngoài Bắc vô. Bà cụ ăn mặc rách rưới lắm, lại đói nữa. Bà được mấy anh bộ đội cho đi nhờ xe, đến ngang huyện thì bà cụ xin xuống và hỏi đường về cơ quan huyện đội. Qua hỏi chuyện thì mới

biết, bà cụ là mẹ đẻ của cậu Đệ, đại đội phó C3. Trong cái tay nải đựng quần áo của bà qua nhìn thấy cả tấm ảnh và giấy tờ báo tử của cậu Đệ”.

Ông Bậu ngừng kể nhìn Hoài. Ánh mắt ông vẫn ánh lên vẻ tinh anh của vị tiểu đoàn trưởng ngày nào mỗi khi nghe cánh trinh sát báo cáo tình hình địch. Nhìn ánh mắt ông, đồ anh trinh sát nào nói dối được. Trước mặt ông Bậu, những anh trinh sát hèn nhát và lười biếng không thể có chuyện dối trá. Mỗi khi bò vào căn cứ địch, có mấy lớp hàng rào, hoả lực của địch nằm ở đâu, loại súng gì phải về báo cáo thật với ông Bậu. Nói dối sẽ bị ông trị thẳng cánh. Và cánh trinh sát hãy coi chừng. Chính những anh lính trinh sát sẽ phải cùng ông bò vào cứ điểm tối hôm ấy.

Nhả khói thuốc rubi, ông Bậu bảo Hoài:

“- Hoá ra, đại đội 3 và tiểu đoàn ta có khuyết điểm thật cậu ạ. Khuyết điểm nặng. Trận đánh về xóm mới Bầu Tháp, cậu Đệ đâu có chết. Sau khi trái mìn clâymo của địch cài trên đường sắt nổ, ta tưởng cậu Hoàn, cậu Khoản và cậu Đệ hi sinh. Cánh trinh sát đã đi tìm lại nhưng không thấy xác Đệ, tưởng cậu ấy mất xác nhưng không phải”.

“- Sao thủ trưởng tin chắc anh Đệ vẫn còn sống?”

Hoài ú ớ hỏi và thấy có sự lắt léo trong câu chuyện cũ về người chỉ huy đại đội 3 đã hi sinh từ bấy năm nay.

“- Vậy mới có chuyện ...”. Và ông Bậu tặc lưỡi: “- Vậy mới là cuộc đời... chớ đâu có phải thẳng đuột như mỗi lần tôi lên giảng nghị quyết để các cậu ngồi nghe cho sướng lỗ tai rồi vỗ tay”.

Trong cái buổi chiều chạng vạng ấy, ông Bậu đã kể cho Hoài nghe chuyện hành hương hơn 600 cây số của bà Mít ở làng Lôi đánh đường vào Huế tìm con. Trong túi bà cụ không có một hào, chỉ một vài vắt cơm nắm, cục lương khô của những anh bộ đội và một vài người dân tốt bụng gặp được ở dọc đường. Bà mẹ làng Lôi đi tìm con trong nỗi tuyệt vọng khôn cùng chỉ với một lí lẽ: coi thử anh con trai của bà đã chết thật hay sống giả? Lời cầu khẩn trời Phật đêm đêm của bà Mít là: con trai bà dù có phải chịu cảnh đui què mé sứt, miễn sao vẫn còn sống để mẹ con còn có dịp gặp nhau. Con trai bà dù ở

hoàn cảnh nào đi chăng nữa bà cũng sẵn sàng chịu đựng. Bà chết cũng an lòng.

Đấy là câu chuyện ông tiểu đoàn trưởng Bậu kể cho Hoài nghe vào một ngày thu năm 1976. Chính ông cũng không nghĩ rằng, có lúc, ông lại trở thành một anh lính trinh sát bất đắc dĩ, đơn độc một mình suốt mấy tháng trời đi quanh các xã Hương Thạnh, Hương Vân, Hương Thái, Hương Xuân, Hương Vinh, những dải làng ven sông Bồ để truy tìm cho ra tung tích của anh Đệ. Trong những chuyến đi ấy, ông Bậu lạng lẽ đi một mình, chẳng có anh trinh sát tiểu đoàn nào đi theo ông cả. Bữa ông đi xe Uóat của cơ quan huyện đội, có ngày ông cưỡi xe honda. Mỗi lần về huyện uỷ họp ông đều tìm gặp anh Có, anh Đoản, anh Diên, anh Sửu, Ngọc Anh, Lành... và có lần hỏi cả chú Sáu Thọ Hường - một thành uỷ viên lâu năm năm chốt ở đất Hương Trà truy tìm cho ra tung tích Đệ. Chỉ đến khi ông Bậu tìm về quán Mụ Tr. - một cơ sở mật của đường dây thành uỷ - người trong gia đình mới cho hay một vài tin không chắc chắn. Đã nhiều lần, vào lúc rảnh rỗi, ông Bậu dừng lại ở bãi mồ mả có rặng thông phía sau làng xóm mới Bầu Tháp quan sát lại địa hình. Cái ấp Tân Sinh do chính quyền Ngụy lập ra nằm sát ven đường, đưa dân các thôn làng sát chân núi về ở, nay đã trở thành một xóm ấp đông vui. Dấu tích còn lại của một ấp chiến lược là dãy nhà lợp tôn Mỹ sáng loáng. Các lá cờ Ngụy vẽ trên tường ngày trước đã bị người dân xoá đi. Lốp rào kẽm gai bao quanh ấp cũng được gỡ, bán phế liệu. Chỉ còn lại cây bông đồng cao, toả bóng mát nơi đầu cổng ấp. Phấp phới trên ngọn cây có treo lá cờ giải phóng nửa xanh, nửa đỏ.

Ông Bậu đi lại hàng chục lần trên đoạn đường quốc lộ chạy song song phía trước mặt làng Bầu Tháp để giả định những ngã đường có thể sau lúc bị thương, Đệ trú ẩn. Ông ngắm soi từng bờ ruộng, từng bụi cây, cảnh vật thay đổi hẳn. Cây cỏ, bờ mương, những bãi mồ mả nằm lẫn khuất sau các bụi dứa dại như thể đánh đổ ông.

Những ngày tháng ấy, bà Mít trở thành người phục vụ không chính thức của cơ quan quân sự huyện đội. Bà vốn là người đảm đang, hay lam hay làm,

dầu không ai phân công cắt việc nhưng hàng ngày bà tham gia vào tổ phục vụ nuôi quân. Bà nhặt rau, vo gạo, trông củi lửa cho chiếc bếp Hoàng Cầm. Mọi người ăn xong, bà lại rửa chén đĩa, xoong nồi cho bếp ăn huyện đội. Mấy cô bộ đội mới nhập ngũ sau ngày 30/4 suốt ngày kêu bà Mít bằng mẹ. Các cô gái còn trẻ đáng tuổi con cháu nhưng biết hoàn cảnh của bà đầy éo le, trắc trở, các cô ra chợ trời Tây Lộc mua vải về may áo quần cho mẹ Mít. Cứ quăng 4 giờ sáng, khi tiếng chuông nhà thờ ở làng Dương từ xa vọng tới, những anh bộ đội gác đêm đã thấy bà Mít trở dậy, nhóm lửa nấu cơm sáng cho cả đơn vị.

Câu chuyện về người con trai của bà Mít, một chỉ huy cũ của KX hi sinh trong trận đánh về Bầu Tháp, huyện nhiều người biết. Song việc anh Đệ còn sống, lại trở thành sỹ quan Ngụy ra trình diện ở Nha Trang, thằng Ca đưa chuyện về làng và gia đình bà Mít bị tước bằng liệt sỹ thì chỉ có mình ông Bậu hay. Ông vốn là người nhạy cảm chính trị, sống lâu năm trong vùng tranh chấp giữa ta và địch, ông luôn lấy chữ thận trọng đặt lên hàng đầu. Thực sự, hình ảnh của Đệ đã nhờ nhọt trong tâm trí ông. Sau này sang công tác ở cánh nam qua nhiều đơn vị, ông không thể nhớ hết được những người cán bộ, chiến sỹ của KIV, KX ở công trường V đã cùng tham gia với ông đánh hàng trăm trận giải phóng vùng cát Phong Quảng, Phú Vang từ những năm 1963. Hai đợt ông chỉ huy KX về đánh trong chiến dịch Mậu Thân ở Huế, bộ đội hi sinh biết mấy. Về sau, anh Có, anh Đoàn, những cán bộ cũ của Hương Trà nhắc chuyện của Đệ ông mới nhớ đến anh đại đội phó đại đội 3 đã có lần dìu ông vượt phá Tam Giang, phá vây để lên rừng sau lần tổng công kích về Huế lần thứ 2 không thành. Và lần cuối cùng ông gặp Đệ là lúc tiểu đoàn sắp nhận lệnh giải thể để bổ sung cho huyện xã. Trận đại đội 3 đánh tụi bảo an ở Bầu Tháp. Trận ấy, Đệ đã không trở về.

Cho đến một ngày, có người mách ông Bậu tìm về làng Dương để gặp ông Sáu Đến. Ông Sáu Đến ngày trước cũng đã từng là ấp phó trong chính quyền Ngụy, nhưng ông lại là cơ sở mật của một đầu mối trong cơ quan thành uỷ cắm ở vùng sâu. Ông Sáu không phải là nhân vật chủ chốt và cũng không

tham gia công tác cách mạng liên tục cho đến ngày giải phóng nên ít người nhớ. Làng Dương có nhà thờ. Cả làng theo đạo, một pháo đài bất khả xâm phạm của Việt cộng từ thời Ngô Đình Diệm. Việc ông Sáu Đến là cơ sở ở vùng sâu lại nằm trong chính quyền của nguy, địch không ngờ tới. Công việc của ông là lâu lâu về Huế, ghé một tiệm cà phê gặp người của ta cung cấp thông tin, tình hình hoạt động của các đơn vị địa phương quân đóng trong vùng và những âm mưu thủ đoạn của địch tại các xã đồng bằng. Sau ngày giải phóng, ông Sáu Đến cũng bị triệu tập đi học tập cải tạo vài ngày. Ông đã khai báo cụ thể, có người xác nhận, ông được cho về. Ông Sáu Đến tuổi đã cao, sức yếu, lại là người có đạo, sau cách mạng, ông cũng không tham gia vào chính quyền của ta. Chỉ có điều, chuyện tình của cô con gái với Đệ, ông dấu biệt. Có thể, ông Sáu Đến cũng không mấy hài lòng cho mối lương duyên bất cập ấy nhưng mọi sự đã rồi. Ông không thể thuyết phục được cô con gái. Và chẳng, Hương Giang đã trót có bầu với Đệ. Ấu cũng là do Chúa sắp đặt. Ngẫm nghĩ cuộc đời ông, Sáu Đến cũng thông cảm cho đôi trẻ. Thân phận ông, một anh con trai có đạo, trót đem lòng yêu cô gái làng bên theo đạo Phật. Hương Giang, con gái ông, có tính cách quyết liệt hệt như ông ngày còn trẻ... Ông Sáu Đến cũng dấu luôn cả chuyện mua giấy tờ giả thay tên, cải họ cho Đệ để đôi vợ chồng trẻ, không cưới xin, bí mật đưa nhau vào Nam tránh tai mắt của tụi tề nguy ở làng.

Ông Bậ tìm đến nhà ông Sáu Đến. Cũng phải mất một vài lần, ông Sáu mới có đủ độ tin cậy để bộc bạch tâm can. Vào những ngày đầu giải phóng, vui thì có vui, nhưng những người dân lành quen sống trong vùng “phía bên kia” có phần e sợ cộng sản. Bài học những năm “Mậu Thân” vẫn còn nhõn tiền ra đó. Cười vui nở như sấm rền. Cờ nửa xanh, nửa đỏ phấp phới trong đại nội, trên những đình làng vừa giải phóng. Dân các làng đổ xô ra đón bộ đội giải phóng về làng, vất cơm, đùm gạo nuôi bộ đội. Ấy vậy mà mấy ngày sau súng lại nổ dữ dội. Các sư đoàn lính thiện chiến của quân đội Mỹ, nguy Sài Gòn sau đòn đánh phủ đầu kịp bưng tỉnh, hồi sức chống trả quyết liệt. Bom dội vào thành nội, khu Mang Cá. Lính Mỹ của sư đoàn kỵ binh bay số 1 nổi

tiếng kêu hùng phối hợp cùng sư đoàn I tấn công vào tuyến phòng thủ của bộ đội giải phóng ở mặt trận Huế. Các ông lãnh đạo tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ và cả ông Bậu cay đắng nhìn hàng chục cơ sở mật cài cắm ở các nơi suốt mười mấy năm qua bị lộ. Người bị bắt, kẻ bắt lên xanh. Đại đội 1, đại đội 2, đại đội 3, đại đội 4 của tiểu đoàn KX sau những ngày căng sức chống trả địch giữ từng căn nhà, góc phố, từng bờ tre, bãi mồ mả ở Huế, ở Phú Vang,... Khi không còn đủ sức nữa, đành vượt Phá Tam Giang trở lại với rừng.

Vào những năm “68, 69” ấy, các làng, xã ven đô Huế căng như một sợi dây đàn. Suốt ngày lính bảo an, dân vệ chà xát, dồn dân lập “ấp Tân sinh”. Đến đêm, “lính mũ nồi xanh” kết hợp với lính địa phương quân gài mìn, giăng bẫy đón lõng bộ đội, du kích về làng. Chúng thừa biết bộ đội, du kích đang bị đói. Lính Mỹ đang càn mạnh ở miền Tây ra cả đường tuyến, thọc cả vào các kho gạo, kho đạn đập phá. Tiểu đoàn 439 của công trường V, sau những ngày đánh chống càn, bộ đội bị thương, hi sinh, một số sốt rét, chết đói nằm trên vông dọc đường.

Cả tiểu đoàn X. chỉ có hơn 200 tay súng. Ban chỉ huy tiểu đoàn lo kiếm gạo nuôi quân không đủ ăn. Bộ đội chịu đói khát, tật bệnh. Điều cốt tử lúc ày là thực hiện cho được nhiệm vụ của quân khu, của tỉnh giao cho là giữ cho được lòng tin của người lính đứng trên vùng giáp ranh không ngã lòng buông xuôi. Đã có lúc, đại úy Lê Văn Duy, chính trị viên tiểu đoàn X đã phải khóc trước hàng quân mà nói rằng: “Dù còn một người thì chúng ta cũng phải giữ cho được giáp ranh. Còn đứng chân được ở đây là còn đường về với dân. Máu của mỗi đồng chí ta đổ ra trong cuộc chiến đấu này không hề uổng phí, tô thắm ngọn quân kì của Tổ quốc. Máu của ngày hôm nay, anh em ta đổ ra ở Thành Nội, ở Phú Vang, Phong Quảng, Hương Trà, Hương Thủy... làm nên chiến thắng ngày mai”.

Đã bao năm, trong mỗi chuyến đi về Thanh, Nghệ, Hoài luôn dò hỏi tìm tông tích ông Duy coi thử ông còn sống hay đã mất. Ông Bậu, dù nay đã là người thiên cổ, trong cái đêm ngồi kể chuyện cho Hoài nghe về bà mẹ làng Lôi đi tìm con, cũng không biết tin tức của ông Duy. Có người bảo ông Duy

đã mất vì bị ung thư gan. Nhưng cái âm điệu giọng Thanh Hóa của ông Duy như vẫn văng vẳng bên tai Hoài.

Cuộc sống của người lính giải phóng còn như vậy, hướng chi dân các xã vùng ven Huế, vùng Phong Quang, Hương Trà. Có nhiều làng, dân không được ngủ lại đêm. Tối kéo nhau vào ấp chiến lược có lính canh chừng. Có người hôm qua còn bán gạo cho bộ đội, du kích, hôm nay thấy bộ đội về ấp thì sợ hãi, xua họ như xua tà. Có kẻ còn ngấm báo cho địch những ngả đường bộ đội, du kích hay đột kích vào làng để chúng đặt mìn phục kích. Những người dân trong vùng địch kiểm soát khiếp sợ tui tề nguy trong xã, trong quận biết họ liên quan tới cách mạng, trả thù. Hèn gì ông Sáu Đến khi gặp một ông như thủ trưởng Bậu lại chả sợ. Khẩu K54 bao da bóng loáng luôn kè kè thắt lưng ông Bậu. Ông lại đeo chiếc xác cốt đen bên vai; chân đi dép rọ Liên xô, mũ cối Trung Quốc lấp lánh sao vàng, đi xe commăngca về làng.

Nhưng ông Bậu vốn là người chỉ huy làm dân vận giỏi. Và khi biết ông Bậu cũng là người Thanh Lương, ông Sáu Đến mới dám kể chuyện Đệ. Chính tại đây, ông Bậu mới được nghe câu chuyện của ông Sáu Đến kể về việc cứu chữa thuốc men cho Đệ. Ông càng ngỡ ngàng khi nhìn thấy tấm ảnh chụp Đệ và Hương Giang - con gái ông Sáu Đến, kỉ niệm ngày hai người mới cưới nhau. Vẫn theo lời ông Sáu Đến, ông đã bắt gặp Đệ nằm trong rãnh đất trồng mía lúc đi làm đồng. Nhìn Đệ, ông biết là bộ đội ta bị thương trong trận đánh về Bầu Tháp mấy đêm trước. Lúc ấy, Đệ đã yếu, nằm thoi thóp thở, người bị thương bê bết máu. Khi ghé chiếc bi đông nước cho Đệ uống, ông không tin anh bộ đội sẽ qua khỏi. Suốt mấy ngày trời, ông Sáu dẫu anh bộ đội trong ruộng mía. Hàng ngày, ông lấy cỏ ra đồng, dẫu nước cháo, sữa hộp, nước uống, thuốc và kim tiêm trong những bao phân. Tự tay ông tiêm thuốc cho Đệ phòng chống sài uốn ván. Cho đến ngày thứ tư, sức khỏe của Đệ mỗi ngày một khá hơn. Anh đã nhúc nhắc đi lại được. Ông Sáu Đến mới quyết định đưa Đệ về dẫu trong vườn nhà.

Kể xong câu chuyện, ông Sáu Đến bảo với ông tiểu đoàn trưởng Bậu:

“- Chúa dạy: con người là vốn quý chú ạ”.

Một ngày, ông Bậ bí mật chờ bà Mít về làng Dương gặp mặt ông “thông gia” Sáu Đến.

Câu đầu tiên, ông Bậ nghe được từ cửa miệng ông Sáu Đến là: “- Thay mặt cho hai cháu, tôi xin bà nhận lấy ở tôi một lạy, tôi tạ tội thay cho hai cháu. Chúng nó làm việc liều, chẳng được ông bà ngoài nớ cho phép. Thời buổi chiến tranh, cách trở xa xôi... Xin ông bà chớ lấy làm phiền”. Ông Sáu Đến hôm ấy mặc bộ quần áo nâu, ngoài mặc tấm áo dài đen mà mỗi khi trong họ đạo có việc, người ta mới thấy ông ăn mặc như thế.

Còn bà Mít, mẹ đẻ của Đệ, khi vào trong nhà, thoạt nhìn thấy tấm ảnh Đệ đứng cạnh một cô gái xa lạ, bà không cầm nổi nước mắt. Bà lắp bắp: “Con tôi... còn sống. Còn sống thật các ông ạ...”. Rồi bà ngắt đi. Ông Bậ và ông Sáu Đến sợ quá, phải cạy miệng bà đổ chút nước gừng. Một lát sau, bà Mít mới tỉnh.

Ông Bậ kể xong cuộc tương ngộ của hai gia đình thông gia, kẻ Nam người Bắc cho Hoài nghe xong, có vẻ vui. Ông bảo:

“- Nói thiệt với em, qua chứng kiến bao cảnh vui buồn. Có lúc tiểu đoàn ta đánh nhau ở Dưỡng Mông A, “thằng” C1 của qua có trận hi sinh cả mớ. Qua không khóc. Vậy mà nhìn cảnh hai ông bà già tìm nhau nhận con, nhận cháu qua rơi nước mắt”.

Chợt ông Bậ vỗ đùi:

“- Này mi, lấy xe máy của qua phóng ra Tứ Hạ mua thịt chó về đây, ta nhậu. Tự nhiên, qua muốn uống rượu”.

PHẦN 3
Những Đêm Trắng

I

Cha tôi mất vì bệnh ung thư phổi.

Đang khoẻ mạnh bình thường, chỉ một cơn đau nhẹ rồi ông nằm hẳn. Dấu hiệu ban đầu là những cơn ho húng hắng về đêm. Tôi nghĩ đơn giản. Chỉ tại cha hút thuốc lá. Từ ngày mẹ tôi còn sống và cả tôi nữa đã nhiều lần khuyên nhủ ông bỏ thuốc, cha tôi không bỏ được. Về chuyện cha tôi nghiện thuốc lá, ông lý sự. Không uống rượu bia. Không chơi cờ bạc. Vợ mất rồi. Niềm ham mê lớn nhất được nhìn thấy tôi hằng ngày. Một đứa con gái xinh đẹp, nhanh nhẹn, khoẻ mạnh, có bằng cấp đại học. Ngoan ngoãn. Không uống công nuôi dạy của cha mẹ. Niềm vui thứ hai ước vọng có được một cơ ngơi để sống sung túc, được tự mình làm những điều mình mong muốn. Hơn cả ước vọng, cha tôi đã gây dựng được cả một trang trại trồng hoa, trồng rừng... Gia đình có của ăn của để.

Mỗi sáng sau tuần nhang thơm thắp cho mẹ tôi trên bàn thờ, ông đi giữa những luống hoa hồng, hoa cúc, hoa ly, hoa lan còn ướt đẫm sương đêm phì phèo điếu thuốc lá trên tay. Tôi nhìn dáng vẻ thư thái trên gương mặt của ông nhưng ẩn sâu trong đáy mắt là nỗi buồn ưu tư của một người đàn ông đã trải qua nhiều nỗi khổ đau. Tôi vừa là đứa con cùng chia sẻ với ông bao chuyện vui buồn nhưng cũng là một chứng nhân cho chính ông trong nhiều chuyện. Vào những lúc ấy tôi không nỡ lòng nào lại cấm ông hút thuốc. Nhiều khi tôi cũng nói quá lời, phê bình ông hút thuốc. Tôi còn mang nhiều tấm gương ra để dọa cha tôi. Ông chỉ cười và bí quá liền đổ tội cho Mỹ, cho mấy cô du kích vùng ven đô Huế. Nghe lạ tôi hỏi.

- Cha nghiện thuốc sao lại đổ tội cho Mỹ?

Cha tôi rí rả:

- Ngày còn là lính trinh sát, cha thường phải bò vào bãi Mỹ, bãi Ngụy để bám địch. Không có địch thì lượm đồ ăn. Con biết không, mỗi lần máy bay

trực thăng Mỹ đổ quân trên các cao điểm, đám lính tụi cha vừa lo lại vừa mừng. Lo vì biết rằng địch sẽ càn rừng, lại lũng sục, có khi đụng độ đánh nhau chí tử. Mừng vì nghĩ thế là lại có cái ăn rồi. Lính Mỹ giàu lắm. Mỗi lần máy bay trực thăng đổ xuống một điểm cao nào ngoài súng đạn, quân trang, còn cơ man nào là đồ hộp, thuốc lá, kẹo...Lính Ngụy nghèo hơn nhưng ít nhất cũng còn lượm được ít bao gạo sấy, đồ dùng như kem, bút...Có dạo ba tháng trời đại đội bộ binh của cha được cấp trên giao cho bám đất, bám dân giữ vùng giáp ranh. Đang là mùa mưa. Mưa trắng đất trắng rừng xứ Huế. Bộ đội không về dân mua gạo được. Đường lên miền Tây tắc. Mỹ đang càn ở sông Bồ. Quân Mỹ đóng dày đặc trên các cao điểm. Ở dưới vùng giáp ranh nơi tiếp giáp với đồng bằng có dân, lính ngụy của Sư đoàn 1 bộ binh đóng đầy trong các làng hoang, chốt chặn của rừng. Bộ đội đói. Cả đơn vị của cha phải bám vào căn cứ Bình Điền của Mỹ để lượm đồ hộp ăn trừ bữa...Lính Mỹ đi càn rừng, lúc đi ỉa còn nhai kẹo cao su. Quanh các bãi đóng quân, chỗ nào thấy đất mới đào moi lên là nhặt được đồ hộp. Bộ đội ở giữa rừng không có gạo nhưng toàn được ăn đồ hộp Mỹ, hút thuốc lá Paman, Sa-lem...Buồn cười nhất là mỗi lần xem lính Mỹ tắm. Quân Mỹ đóng chốt trên các điểm cao, máy bay H34 chở nước từ Huế lên xả trên đỉnh đồi cho lính Mỹ tống ngồng chạy ra tắm. Cha là lính trinh sát bộ binh chuyên đi bám các bãi Mỹ, bãi Ngụy thường lượm được đồ hộp Mỹ. Cũng bởi quen hút thuốc lá Mỹ, lâu ngày sinh nghiện.

Nghe câu chuyện dông dài của cha, tôi bị cuốn hút sinh tò mò.

- Còn các cô du kích, cha yêu cô nào mà cô ta mua thuốc lá cho cha hút? Bây giờ chỉ còn có con, cha khai thật xem nào?

Cha tôi châm một điếu thuốc lá rít một hơi dài khoan khoái. Rồi bảo:

- Chả có gì phải giấu con cả! Ngày cha vô Nam chưa tới 18 tuổi. Còn trẻ lại ngu ngơ nữa. Nhỏ hơn con bây giờ nhiều. Đơn vị cha đóng quân ở vùng giáp ranh sống cận kề với các đơn vị của huyện xã. Có nhiều du kích, cán bộ là phụ nữ lên rừng theo cách mạng. Các anh lính trẻ ngoài Bắc luôn nhìn các cô cán bộ, du kích, biệt động người địa phương như thần tượng.

- Họ có đẹp không cha? - Tôi cắt ngang.

- Có người đẹp, có người xấu, nhưng chỉ nghĩ họ là con gái, đàn bà dám bỏ cả thành phố, làng quê lên rừng theo cách mạng, chấp nhận cuộc sống cực khổ, hi sinh...cha đã phục lắm rồi. Huống hồ có chị, có cô còn là bí thư, chủ tịch xã. Có người là huyện uỷ viên, có người là trinh sát thành phố. Họ lọt về dân, vào thành phố xuất quỷ nhập thần. Có cô vào làng tham gia diệt ác trừ gian, giết bọn tề điệp như chém chuối. Anh lính giải phóng trẻ nào nhìn các cô chả hãi, chả phục. Nhưng các cô, các chị lại rất thương lính giải phóng, nhất là từ ngoài Bắc vào. Mỗi lần các chị, các o đi đồng bằng, vào được dân ngoài việc nắm tình hình địch, trao đổi công việc, lúc lên rừng, người nào người nấy thường mua gạo, muối, dầu Mỡ, có khi còn mua thêm kẹo Nu-ga, mè xứng, sữa, đường cho mấy anh lính trẻ.

- Như cha chẳng hạn? - Tôi khiêu khích.

Cha tôi cũng không vừa.

- Tất nhiên! - Như thế tôi đã chạm vào đáy sâu cõi lòng ông khơi gợi lại những kí ức xưa cũ đã bị chìm lấp trong lãng quên. Ông kể: - Ngày ấy cha là lính trinh sát nhỏ tuổi có một O gọi là O Tâm, thương cha như một đứa em. Cứ mỗi lần O Tâm về làng, không có địch, vào được quán O lại mua cho cha kẹo, thuốc lá Rubi. Hút riết thành quen...

- O Tâm bây giờ ở đâu cha? - Tôi hỏi dồn.

Cha tôi thần thờ trong giây lát rồi nói nhỏ.

- O Tâm chết rồi! - Đột nhiên ông gọi O bằng chị. - Chị ấy dũng cảm lắm... Có lần cha bị địch phục kích ở dốc Đu. Tụi Ngụy bắn chết người lính đi đầu, còn cha bị gãy tay. Sau lúc súng nổ cha cùng với chú Xu, trinh sát chạy lạc đường, vào rừng. Chị Tâm nghe tin đơn vị trinh sát bị phục kích, đang đêm còn xách súng đi tìm. Chị Tâm chết trong một chuyến về đồng bằng nằm hằm bí mật trong dân, có điệp báo lính địch trên đồn về giật sập hằm...

Không bao giờ cha tôi nhắc lại O Tâm nào đó nữa trước mặt tôi. Chỉ sau này khi đọc lại những dòng ghi chép của cha tôi trong những cuốn vở, tôi gọi

là “gia bảo” của nhà tôi, một đôi lần tôi gặp lại tên người đàn bà ấy với vẻ ngưỡng mộ, kính trọng. Tôi không nghĩ đây là người yêu của cha tôi, bởi mỗi lần nhắc tới tên O Tâm, cha tôi luôn gọi bằng chị với sự kính trọng đặc biệt. Nhưng hẳn đây phải là một người đàn bà quan trọng trong quãng đời trai trẻ của ông, những năm ở rừng. O Tâm là một biểu tượng cho lòng dũng cảm, gan dạ, nghĩa tình với đồng đội.

Ngày cha tôi ngã bệnh, tôi đã đoán định: Không còn nghi ngờ gì, thuốc lá là nguyên nhân dẫn đến căn bệnh ung thư của cha tôi. Năm viện đâu được mười ngày, bệnh có phần thuyên giảm. Cha tôi xin với bác sĩ về nằm nghỉ ngơi ở nhà, xin toa thuốc mua về uống. Vậy mà chưa tới một tuần cha tôi đi. Đi mãi.

Trước ngày cha tôi mất, ông gọi tôi vào phòng lấy ra từ trong chiếc tủ thờ một bọc ni lông và giao cho tôi. Ông dặn.

- Mọi việc trong nhà con biết hết cả rồi. Từ chuyện tiền bạc, tài sản, trang trại tất cả là của con. Cha giao cho con mấy cuốn sổ ghi chép linh tinh. Khi nào rảnh rồi con đọc. Con sẽ hiểu hơn cha và mẹ. Trong cuộc sống có những điều người ta không thể kể ra được con à. Vả lại cha sợ...

- Sợ gì cha?

- Tuổi tác... bệnh tật có những điều khổ cực vất vả cha vượt qua được nhưng cho đến tuổi này cha mới hiểu điều đáng sợ nhất ở người già là sức khoẻ. Địa vị, tiền bạc, nhiều khi vô nghĩa trước cái chết.

Trong đồng sách vở cũ ngoài những giấy tờ đất đai, nhà cửa, giấy mãn hạn tù ở trại cải tạo, giấy xác nhận cha tôi là bộ đội, giấy chứng thực của ông ngoại tôi ở làng Dương đã cất giấu nuôi nấng cha tôi suốt 4 tháng trời và cả một bản kê khai của ông ngoại tôi đã móc nối với những ai để làm giấy tờ giả cho cha mẹ tôi chuyển vô Nha Trang, Sài Gòn... còn đủ cả. Những cuốn sổ ghi chép của cha tôi để lại cả thầy có bảy cuốn. Chữ viết trên tập vở học trò của hãng Cogido 100 trang từ cuốn số thứ hai cho đến cuốn thứ tư trong mỗi tập như thế cha mẹ tôi viết đan xen nhau. Mỗi người viết một khúc.

Để tôn trọng người cha tôi luôn hằng yêu quý, có lúc tôi nghĩ: Giá tôi chết

thay để cha tôi có thể sống lại được, tôi cũng dám. Nhưng sự sống và cái chết cho mỗi con người đâu có vậy được. Tôi sẽ chép lại những con chữ của ông, có những trang bị nhòe mực, tôi phải lần mò cả ngày trời mới luận ra được. Có những trang vở bị dính nước mất chữ. Có những trang bị vệt nâu xám phủ mờ tôi ngờ là máu. Tôi cũng không còn nhớ đã bao đêm ngồi đọc lại những dòng chữ của cha tôi, của mẹ tôi, nước mắt chảy giàn giụa. Tôi ngồi khóc ròng như một đứa con nít vì thương và đau đớn. Tôi tự trách mình những lúc cha mẹ tôi còn sống có những lần, tôi không phải với người.

Và tôi ngộ ra một điều. Cuộc sống không bao giờ giống như sách vở, những điều giáo huấn. Sự thật chỉ có một, nhưng trước con mắt suy xét của người đời với những tâm thế khác nhau lại được ẩn khuất, lấp liếm, biến thái muôn mặt... Vậy đó.

2

Tập vở Cogido số 1.

Y nằm ở đây đã là ngày thứ mấy? Không biết!

Ai là người đã băng bó cho y? Không biết!

Chỉ thấy đầu, cánh tay y quấn đầy băng. Toàn thân bị nẹp chặt bằng một thanh tre... Mà sao y lại có thể chui được vào căn phòng này?

Hình như trời đổ mưa. Tiếng mưa rơi lộp độp trên mái tôn, trên những tàu lá ngoài vườn. Luồng ánh sáng từ một cửa sổ qua khe hẹp chiếu vào, con mắt y quen dần với cảnh vật trong bóng tối. Từng lúc y định co chân theo thói quen nhưng cái chân nặng như chì bị kẹp cứng trong những thanh tre. À! Thì ra chân cũng bị thương. Chỉ có điều đầu óc y trống rỗng, nhẹ bẫng. Y biết mình bị thương nhưng không cảm thấy đau đớn. Thân xác y hết như một thỏi chì, nặng trĩu dán sát xuống tấm ván. Đầu óc tỉnh táo muốn chỉ huy tay chân nhúc nhắc cũng không được. May mắn sao trí não của y không hề lú lẫn. Vệt sáng bay trên đầu như chiếc máy chiếu phim quay chậm, đủ để y nhìn thấy những hạt bụi nhỏ li ti treo lơ lửng trên cao. Y nhớ tất cả, biết cả. Y còn nghe rõ tiếng con chuột kêu chín chít ở góc nhà sau bồ lúa cao cả thước. Nơi trú ẩn của y là một kho chứa thóc. Những bồ thóc kê cao cả thước xếp ở góc nhà cùng với quang thúng. Chỗ nằm của y giống như một cái ổ, lót rơm trải chiếu, phía dưới là tấm sạp gỗ được ngụy trang sau một tấm liếp nhỏ vắt áo quần. Ngay cạnh chỗ y nằm trên một băng ghế có để sẵn chai nước. Ở bên ngoài đâu đó vọng lên một tiếng gà gáy eo óc. Rõ đây là nhà dân! Sao y lại nằm trong nhà dân? Làng nào đây? Khi còn chỉ huy đơn vị, y từng nhiều lần đi cùng với cán bộ du kích các xã Hương Thạnh, Hương Thái, Hương Toàn, Hương Mai... Mỗi chuyến về làng đều có nhiệm vụ rõ ràng. Khi thì về đánh bọn bảo an, dân vệ. Nếu không gặp địch thì phát động quần chúng nhân dân, vào làng mua gạo cơm. Cả đại đội 3 của y nhiều lần được O Đăng, O Tâm, O

Lành, O Cúc, chị Nguyệt, chị Chồn đưa về thôn Văn Xá, Liễu Thượng, Phú Ổ, La Chử, Bồn Trì, Bồn Phố... mua gạo, mua đậu phộng cứu đói. Lính C3 sống được qua những ngày đói là nhờ cơm gạo của người dân vùng giáp ranh. Trận đánh về Bầu Tháp vừa qua mục tiêu của đại đội cũng là vào làng mua gạo, nếu không gặp địch. Cả đại đội chỉ còn hơn bốn chục tay súng trụ bám giáp ranh đói queo, đói quắt cả tháng trời, đánh địch càn lên dốc Tranh, bám địch ở căn cứ Chóp Nón và Hòn Vượn. Đại đội 1 chủ công chốt ở Hương Mai cũng chỉ còn hơn 30 tay súng. Đại đội 4 đơn vị hoả lực được tăng cường thêm một trung đội bộ binh của C2 giữ vững địa đạo 310, bên sông Bồ. Bộ đội của đại đội 2 gửi gạo trên Hang Đá. Huế đang vào mùa mưa bão. Lũ sông Bồ, lũ ở Rào Trăng, Rào Lu đang lên to. Đường tắc, gạo ở đường tuyến không về được. Sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ đang càn mạnh ở Côcava, Động Chuối, Rào Trăng, Dốc Chè, điểm cao 360, Khe Trái ra tới tận đường 12. Một cậu lính trinh sát của thành phố bị địch phục kích bắt sống ở đường 12 khai ra hết hậu cứ của bộ đội, du kích. Các địa điểm đóng quân của bộ đội, của huyện của xã, địch đổ quân vào càn, đặt mìn giật sập hầm. Đêm đến trên các điểm cao Chóp Nón, Hòn Vượn nã pháo vào hậu cứ. Con đường từ Hương Trà sang Hương Thủy về với căn cứ của trung đoàn ở phía Nam sông Hai Nhánh bị lộ. Địch tung quân càn chặn hết các ngã đường về với dân qua ngã Dốc Đu và Dốc Cát.

Y và tiểu đội lính trinh sát đã phải mất một tuần mới xuyên thủng được con đường về đồng bằng qua ngã khe Đá Liếp. Gần cả tháng trời cán bộ huyện xã, các đội biệt động có sự tăng viện của bộ đội C3 đi theo con đường mới mở này về bám được vào dân. Chưa kịp mừng chỉ một, hai đêm đã có điệp báo. Ở xã Hương Thạnh thêm anh Théo, anh Châu cán bộ xã hi sinh khi lọt vào ấp chiến lược Xóm Mới. Trung đoàn bảo an số 52 của ngụy đóng quân dày đặc trong các làng Văn Xá Thượng, An Đôn, Liễu Nam, Phú Ổ... Đánh địch hay không đánh địch cũng giống như sự lựa chọn giữa chết hay sống. Đánh địch bám được vào dân, vào làng là mua được gạo cơm. Là sống! Còn hèn nhát không dám đánh địch, không bám được vào dân, cái đói treo

trước mắt. Bài học sau tết Mậu Thân 1968 còn đó. Bộ đội tiểu đoàn 439 khi rút lên rừng bị đói, bộ đội nằm chết trên võng, giữa các vạt cây dọc đường giao liên trong lúc chạy càn, nhõn tiền ra đấy. Dù đầu óc y có giàu trí tưởng tượng đến mấy, những ngày trên đất Bắc y sẽ không nghĩ có ngày phải ăn thứ rong chó mọc dưới khe đá. Nấu dọc khoai môn ngứa ăn thay cháo. Hôm nào vớ được môn thực, môn vót, đọt chuối ăn thay cơm đã là may. Chả có thứ sách vở nào dạy y cả. Cũng không thấy mặt anh cán bộ đưa quân vào Nam nào có ở đây để động viên và làm công tác tư tưởng. Giao quân xong, những anh cán bộ đưa quân đã mau chóng ra đường tuyến về hậu phương cả rồi. Còn ở đây trong vùng rừng núi Bắc Huế từ anh chính trị viên tiểu đoàn, đại đội cũng đói và phải ăn cháo môn như lính. Những lon gạo cuối cùng trong đáy ba lô của thủ trưởng cũng đã phải dốc ra cho vào nồi cháo chung của đơn vị. Mỗi người một hai lưng chén cháo, rau môn là chính nhưng ít ra là còn có cái cầm hơi, qua cơn đói. Người lính ở giáp ranh lúc này đã xác định chỉ còn một là sống hai là chết với địch. Phải đột kích về làng. Được ăn cả, ngã về không.

Hai đêm liền bộ đội C3 và cán bộ du kích xã Hương Thái lọt về được Phú Ổ, La Chử. Bộ đội đánh thẳng vào chợ, một trung đội nghĩa quân nghe động đã bỏ chạy. Đại tá, bộ đội, du kích, cán bộ vào được dân, mua được gạo cơm, mắm muối, lại còn mua được ít đường sữa, thuốc lá. Gương mặt những người lính sau đêm đi đồng bằng có được chút chất tươi, ăn no, phờn phơ hẳn lên.

Chuyến về Bầu Tháp đêm tháng Tư trót lọt, êm ả. Bộ đội lại mua được gạo.

Chuyến đi Bầu Tháp tháng Năm đại đội 3 chạm trán với đại đội bảo an số 23 ngay trên đường quốc lộ. Phát hiện ra khẩu đại liên của tụi Ngụy bắn như xé vải ở một ngôi nhà đầu ấp. Y đã giật lấy khẩu B40 của cậu Hoà đang bị thương và nã thẳng vào tổ hoả lực của Ngụy. Tiếng đạn B40 nổ chưa dứt đã thấy một quầng lửa trùm phủ lên ngôi nhà tôn và một tiếng nổ dữ dội ngay bên cạnh. Y không còn biết gì nữa.

Và bây giờ, y nằm đây, bất động.

3

Lờ mờ một gương mặt không rõ đường nét. Chỉ thấy cái đầu với mái tóc có nhiều sợi bạc. Người ấy ghé xuống gần mặt y. Dòng nước mát thấm vào cổ họng tới đâu, y tỉnh ra tới đó. Giá như có cả nước của con sông Hồng, y cũng uống hết... Nước! Nước... Đôi môi y mấp máy. Phải một lúc lâu sau, y hỏi đứt quãng.

- Ông là ai?

Người ấy hỏi lại y.

- Chú là bộ đội giải phóng phải không?

Có thể người ấy hỏi cho có chuyện, chứ nhìn cách ăn mặc của y là người ta thấy ngay y là người của phía bên kia.

Người đàn ông nói tiếp.

- Chú bị thương chui vào ruộng mía nhà tôi. Chẳng biết chú là người tốt hay kẻ xấu nhưng thấy chú sắp chết, tôi thương. Vết thương của chú nặng hung. Không rõ có qua khỏi không?

- Cảm ơn bác! Tôi là bộ đội giải phóng về đánh trận Bầu Tháp...

- Tôi biết rồi! Chú đừng nói nhiều, mệt. Tôi dặn nghe, ráng nằm đây, có đau cũng đừng la hét. Người đi làm đồng quanh đây nghe động họ báo cho dân vệ ra bắt thì khổ. Họ mà bắt được chú, giải lên quận, chú chả sống nổi mô.

- Dạ! Cảm ơn bác! - Y chỉ biết nói vậy và giương đôi mắt mệt mỏi nhìn người đàn ông xa lạ.

Người đàn ông nói thêm:

- Trời có đổ mưa thì lấy tấm ni-lon trùm lên cho đỡ lạnh. Chỗ này cao, nước không lên tới mô.

- Bác là ai?

- Là người! - Một nụ cười không thành tiếng đọng lại trên gương mặt cháy

năng của người đàn ông cao tuổi. Tấm áo màu đen đã bã màu, chiếc khăn quấn quanh cổ. Ông đặt xuống cạnh y một chai nước và đạn. - Đây là chai nước cháo, đói thì nhấp cho mát dạ. Ngày mai trong làng ngó êm, tôi lại ra.

Đêm ấy trời không mưa. Gió Nam thổi lùa qua ruộng mía mọc cao lút đầu người. Đám lá mía sắc nhọn khua loạt xoạt. Một giàn sao giăng dày giữa khoảng trống của hai luống mía.

Y tỉnh. Tỉnh mới cảm thấy sự cô đơn, trống trải, xen chút hoảng loạn khi hiểu ra tình thế bất khả kháng của chính mình. Càng sợ hơn khi biết chắc y không còn súng. Cái xanh-tuya-rông luôn có hai băng đạn AK, gói bông băng và tấm áo ni lông cũng biến đâu mất. Nguy hiểm hơn y lọt thỏm giữa vòng vây của địch. Ngày thứ mấy y nằm kẹt ở ruộng mía này? Không biết.

Lâu lâu tụi nghĩa quân, bảo an đóng quân ở các làng lại bắn lên trời vài loạt đạn. Có những viên đạn lửa đỏ lừ bay vút qua khoảng sáng trên đầu. Còn cái người đàn ông quái dị này là ai mà lại dám bao bọc y, cho y uống nước, húp nước cháo? Những vòng băng trắng nép chân y và quấn quanh trên ngực nếu không phải ông ta làm thì còn ai vào đây? Ông ta hẳn phải là người tốt, có cảm tình với cách mạng mới dám cứu mang một Việt cộng đã chín phần chết chỉ còn một phần sống. Chỉ cần ông ta báo cho lính lập tức y sẽ bị tóm ngay. Chưa biết chừng còn được lĩnh thưởng.

Nhưng người đàn ông kỳ dị lần đầu tiên y gặp trên đời đã không làm vậy, đã không hành xử như những người dân bình thường sống trong vùng địch khi rơi vào cảnh huống tóm được một cộng quân. Giá sử chuyện ấy có xảy ra y cũng không có quyền trách cứ họ. Và biết đâu trong đầu người dân bình thường ấy lại nghĩ rằng, họ đang dang tay làm phúc cứu người. Trong con mắt của người dân ấy, y chỉ là một tên tù binh đã mất sức chiến đấu, không thể kháng cự nổi lính của ông Thiệu. Họ đang mở lòng Bồ Tát để cứu độ kẻ bị thương sắp chết? Y sẽ ra sao nhỉ? Gặp những tên lính nguy chưa biết chừng y sẽ lãnh trọn một viên AR15. May mắn hơn y sẽ được bắt làm tù binh và nếu còn sống sẽ bị đưa đi Phú Quốc...

Người đàn ông kỳ dị mà y chưa kịp nhớ mặt, biết tên đã không làm vậy.

Để cho y được tự do và yên ổn giữa cánh đồng mía lạnh lẽo này.

4

"Tôi tên Đến, thứ sáu. Bà con trong ấp gọi tôi là Sáu Đến. Chú ở tạm ngoài này. Ở trong nhà không tiện, người ra vô dễ lộ. Hàng ngày tôi lo cơm cháo cho chú... Khi nào chú liền các vết thương tôi sẽ tìm cách móc nối đưa chú lên xanh. Nếu có đau ráng đừng kêu nghe chú".

Nằm trên tấm đệm trải manh chiếu, y lặng lẽ quan sát người đàn ông mang tên Sáu Đến. Ánh nắng xuyên qua một lỗ thủng trên vách, đủ để y nhận biết ông Sáu không còn trẻ nữa. Y cũng không tiện hỏi bằng cách nào ông Sáu đưa được y từ ngoài cánh đồng mía vào nhà, qua mặt được dân làng và tụi tề ngụy trong ấp. Hẳn phải có người trợ giúp? Họ phải là người trời xuống giúp y thoát khỏi kiếp nạn này...

Ông Sáu Đến là người ít nói. Vào lúc đêm khuya, ông mới lên vào nơi trú ẩn của y mang cháo, mang cơm, sữa và một phích nước nóng. Bộ kim tiêm đã được ông Sáu khử trùng sẵn, tiêm cho y những mũi thuốc kháng sinh và thay băng cho y. Sự giao cảm của y với ông Sáu chỉ qua ánh mắt và những cái gật, cái lắc đầu. Bộ quần áo bộ đội giải phóng của y cũng đã được ông Sáu cởi ra và mặc cho y bộ bà ba đen, đã bạc màu. Bộ quần áo rộng thùng thình, hẳn là của ông Sáu.

Y đã có thể nhúc nhắc được tay chân. Nẹp đã được tháo ra. Khi cần tiểu tiện, đại tiện y đã có thể lết nhẹ vào góc nhà đã để sẵn ở đấy cái bô có nắp đậy. Y biết chắc điều này. Gia đình ông Sáu không hẳn chỉ có một mình ông. Thịnh thoảng, y vẫn nghe tiếng ông Sáu gọi "Xíu ơi! Vô giúp ông...", "Xíu, sang nhà chú Hai mượn cho ông cái cửa...". Cái người tên Xíu ấy, hẳn là cháu ông. Nghe giọng nó đáp lại ông già, như giọng con nít.

Nơi y được ông Sáu giấu là căn nhà ọp ẹp, tựa như nhà kho, nhà chứa tro. Bên trong ngôi nhà chỗ để cuốc xẻng, chỗ ngăn ra chứa tro trấu ngổn ngang thúng mùng. Từ gian nhà lớn xuống đây còn phải qua một gian nhà ngang,

dùng làm bếp. Nhà ông Sáu ở ngay gần giữa xóm, phía đầu cổng vào băng qua con đường kiệt xuyên dọc làng, phía bên kia đã là khuôn viên nhà thờ làng Dương. Quãng 4 giờ sáng, y đã thức giấc và dỏng tai chờ đợi tiếng chuông nhà thờ ngân vang. Lúc ấy cũng không còn nghe thấy tiếng súng của đám lính dân vệ nữa. Thức gác cả đêm, chúng đã mệt. Vả chăng, vào tầm ấy, bộ đội, du kích cũng chẳng còn ai ở lại làng. Đã thành quy luật. Bộ đội giải phóng về hỗ trợ cho du kích địa phương đánh địch. Các đội công tác đi diệt ác trừ gian. Cán bộ trên rừng về vận động quần chúng nhân dân thu mua gạo cơm thực phẩm, quãng nửa đêm “cha con” đã phải đạp đường lên xanh. Từ các làng ven đường quốc lộ, vùng ven đô Huế đi bộ có giỏi cũng phải mất ba tiếng mới lên tới vùng giáp ranh, đồi trọc. Ấy là đường thông không có địch phục kích. Từ dốc Ổ Ổ, Miếu Trâu, Khe Đất Đỏ “cha con” ngồi nghỉ ăn vắt cơm qua đêm đã nguội ngắt nguội ngợ, chờ trời sáng. Bốn giờ, sương chưa tan còn đọng từng giọt trên những lá cỏ tranh sắc nhọn. Con đường mòn vượt qua dốc Đu, hoặc dốc Cát chỗ cao chỗ thấp, lờm chờm đá, có lúc lọt giữa lòng khe. Chưa rõ mặt nhau, người nọ bám người kia, lưng đeo gùi, tay cầm súng đi vào rừng.

Bởi vậy, vào lúc 4 giờ sáng ở làng Dương, ngay sát nơi y trú ẩn, âm thanh vang vọng nhất là tiếng chuông nhà thờ. Chỉ ít phút sau, trên con đường kiệt qua làng y đã nghe tiếng dép loẹt quẹt của các bà, các cô ra nhà thờ nghe buổi kinh sáng. Những lúc ấy, nghe tiếng chuông nhà thờ, tiếng người lao xao ngoài đường, lòng y quặn thắt. Chỉ muốn khóc. Tưởng như tiếng chuông nhà thờ ở làng Vàng, cách làng Lôi của y chỉ một con ngòi và một rẻo ruộng nhỏ... Dân làng Lôi không theo công giáo. Người làng Lôi chỉ tin trời Phật và thành hoàng làng. Trong khi ở làng Vàng, dân theo đạo cả làng. Dân các làng thờ Chúa, thờ Phật khác nhau, nhưng không bao giờ có điều qua tiếng lại. Ngày chống Pháp, dân công giáo làng Vàng, dân làng Lôi còn ở chung một đội du kích của xã... Ở nhà y vào tầm ấy mẹ y dậy đã lâu. Bà vợ mấy cành rào tre, đến mùa gặt có khi dùng rơm rạ nấu ấm nước chè, luộc nồi khoai, trong lúc thầy y lọc sọc thử điếu. Y nằm co ro trên chiếc sập gỗ, đắp

chiếu để ngửi cái mùi khói thuốc缭绕 ra cả căn nhà đất.

Y không biết hút thuốc缭绕, thậm chí còn sợ cả mùi thuốc缭绕 phả ra của thầy y trong căn nhà đất chật hẹp. Vậy mà giờ đây, giữa một nơi xa lạ và đầy chết chóc này, y nhớ quay quắt mùi thuốc缭绕 và hình bóng của thầy y in trên bức tường đất ngời thu lu hai chân trong chiếc ghế, nghiêng đầu cầm chiếc điếu cày.

* *

Có một đêm y hỏi Sáu Đến:

- “Chú dẫu tôi thế này không sợ mấy ông trong xã, tụi dân vệ biết được sao?”.

- “Sợ thì tôi đã không làm. Nhìn các chú bị thương, như con cháu trong nhà, tôi thương”. - Ông Sáu Đến nhìn y một hồi như thể thăm dò, lúc sau bảo - “Đồng bào không phải ai cũng là người của ông Thiệu”.

Lần khác, ông Sáu Đến lại bảo y:

- “Chú có biết tôi đưa chú vô đây núp là răng không? Cả ấp tôi là người theo đạo công giáo. Chính quyền ít để ý. Tôi có thằng cháu gọi tôi bằng cậu làm việc ở Nha Trang. Họ cũng nể tui”.

- “Vậy mà chú lại theo cách mạng...?”.

Y hỏi. Ông Sáu nhìn y, chỉ cười và không trả lời. Lúc sau ông bảo y:

- “Vợ tôi mất sớm. Tôi chỉ có một đứa con gái. Nó đang học ở Huế. Nó sống với bà dì ruột ở đấy, ít khi về đây. Trong nhà sống với tôi chỉ có một đứa cháu gọi tôi bằng ông. Cha mẹ nó chết cả, quê ở trên Bồn Trì... Tôi nghiệp, tôi mang về nuôi”.

Y nghe chỉ biết vậy. Và hiểu rằng, đằng sau những câu chuyện lắt léo là cả một mớ bòng bong chỉ ông Sáu mới giải đáp nổi. Y chỉ mong sao cho vết thương mau lành và xin với ông Sáu Đến cho phép tìm đường lên xanh.

5

Có một lần y buột miệng hỏi ông Sáu Đến:

- “Chú Sáu này! Ở quốc lộ I, chú biết quán mụ Tr. không?”.

Ông Sáu Đến nhìn y, vẻ ngạc nhiên:

- “Sao chú biết quán mụ Tr. ?”.

- “Ngày còn ở đơn vị, cháu một vài lần đi cùng đội biệt động về ấp Liễu Thượng, Phú Ổ, chị Tâm đưa cháu vô quán mua hàng...”.

- “À, ra vậy!”. - Ông Sáu ngó lơ nhìn ra phía cửa không nói thêm gì nữa.

Lúc ông Sáu Đến rời khỏi chỗ y đang nằm, chỉ nói mỗi câu:

- “Để coi thử...”.

Khi nói với ông Sáu Đến địa chỉ quán mụ Tr. y đã đánh một ván cờ liều. Con đường lên núi tìm về đơn vị của y giờ chỉ còn trông cậy vào ông Sáu Đến mà y biết chắc ông là một cơ sở của cách mạng ở vùng ven sông Bồ. Từ ấp làng Dương tới đường lộ không xa, quãng bốn cây số nhưng phải vượt qua nhiều chốt chặn của địch ở Chi khu Hương Trà. Phải qua nhiều ấp. Chỗ nào cũng có các đơn vị nghĩa quân, dân vệ, bảo an chốt giữ. Nếu không móc nối được với lực lượng cách mạng ở trên núi, y có rời khỏi làng Dương cũng khó thoát.

Một vài lần y theo chị Tâm - một chỉ huy xuất sắc của đội trinh sát thành phố về bám dân. Chị Tâm đã đưa y và cánh trinh sát của tiểu đoàn cùng với ông Bậu, ông Duy vào địa chỉ này. Y không được trực tiếp gặp mụ Tr. Câu chuyện trao đổi giữa “bà mẹ V.C” nằm vùng này chủ yếu diễn ra giữa bà ta với chị Tâm, ông Bậu. Vào những lúc đó, y phải phân công mấy cậu trinh sát tiểu đoàn lo chốt gác trên con đường sắt và quan sát con đường quốc lộ I chạy băng qua trước cửa nhà. Chỉ đến khi xong việc, chị Tâm mới ra ngoài gọi bộ đội vào quán gùi gạo, thực phẩm. Quán mụ Tr. là quán bán hàng tạp hóa. Quán ở gần căn cứ quân sự của địch. Ban ngày quán bán hàng cho lính

và dân quanh vùng. Hàng hóa có đủ cả. Gạo, mì chay ông Phật, cá hộp, thịt hộp, đường sữa, thuốc lá Ru bi, Bát tô, Kem bót... thứ gì cũng có. Mỗi lần lọt được về quán, bộ đội, cán bộ huyện xã, du kích được bữa cải thiện sung sướng, thỏa thuê.

Một lần vào quán gùi gạo, y đã có dịp nhìn thấy mẹ Tr. Đó là một người đàn bà đã ngoài sáu mươi tuổi, đẹp lão. Nghe chị Tâm bảo, mẹ Tr. có con trai là sĩ quan Ngụy, làm to ở Sài Gòn. Nhờ cái thế ấy, nên mẹ Tr. thỏa sức buôn bán với đám lính. Các thứ hàng nhu yếu phẩm cung cấp cho lính ngụy từ căn cứ tuồn ra bán rẻ cho mẹ Tr. kiếm lời. Chỉ có điều ít ai ngờ, người đàn bà trông hiền lành phúc hậu như vậy lại là cơ sở mật của thành phố. Nhưng từ khi hiểu được những người như ông Sáu Đến, hết lòng cứu chữa y, y biết rằng phong trào cách mạng ở vùng sâu chưa ‘chết’, chưa bị phá nát hết cả sau những đợt quân ngụy cày phá vùng đồng bằng sau Mậu Thân 1968. Đã có lúc y và nhiều người tưởng phong trào không vực dậy nổi.

Những ngày sau đợt hai tấn công về Huế của bộ đội quân giải phóng phối hợp với lực lượng chính trị của tỉnh, của huyện, không khí chiến trường thật âm đạm. Các lực lượng quân Mỹ, quân Ngụy đã chủ động đối phó với cuộc tấn công này, đặc biệt là thành phố và vùng đồng bằng trọng điểm. Các sư đoàn chủ lực của Mỹ, Ngụy tăng cường càn quét vùng đồng bằng Phong Quảng, Hương Trà, Hương Thủy, Phú Lộc, Phú Vang. Nhiều đơn vị thiện chiến của Mỹ như Sư đoàn kỵ binh bay số 1, Sư đoàn 1 bộ binh Ngụy có trực thăng, pháo binh Mỹ yểm trợ, đổ quân càn lên miền Tây, chiếm các điểm cao, thọc ra cả đường tuyến A So, A Lưới. Các đại đội thám báo lần mò tìm phá các kho lương, kho quân trang, quân dụng, vũ khí của bộ đội.

Cả một vùng giáp ranh ven Huế, dọc theo các triền sông Hương, sông Bồ, thượng nguồn Sông Hai Nhánh, Khe Trái, Khe Dứa đi đâu cũng gặp các bãi ngụy và dấu giày răng chó của thám báo Mỹ, ngụy dẫm nát các con đường mòn giao liên, các bãi bến sông nơi bộ đội tập kết. Những trận phục kích, tao ngộ chiến xảy ra thường xuyên liên tục ở các trọng điểm Dốc Đu, Ngã ba Hương Trà, Khu nhà Chín hàm, Dốc Cát, Đất Đỏ, Một Mái, Dốc Đoác.

Nhiều lần các toán biệt kích, thám báo đưa quân tập kích vào các căn cứ của huyện, xã và bộ đội KX đứng chân ở Đồi Tranh, Khe Đá Liếp và dưới chân Động Ngang. Địa đạo 310 nằm sát sông Bồ vốn là căn cứ tiền phương của Bộ chỉ huy chiến dịch khi tấn công về Huế được các đơn vị công binh của quân khu Trị - Thiên đào hàng tháng trời, chắc chắn và kiên cố. Địa đạo có ba cửa, hầm hào đào xuyên núi cả trăm thước. Những căn hầm chữ A, hầm chỉ huy, phòng họp... rộng, chìm sâu dưới lòng đất. Bom B52, B57 ném trọi cây rừng trên các mỏm đồi, hầm hào vẫn trụ vững. Thám báo Mỹ đặt mìn cũng chỉ phá sập được vài đoạn hào.

Chính tại những căn cứ này, nhiều lần y và bộ đội của đại đội 3, đại đội 4, lính trinh sát của tiểu đoàn đã phải căng sức ra đánh địch. Vùng đất ven sông Bồ và giải giáp ranh Hương Trà, Phong Quang là nơi trung đoàn, quân khu giao cho KX, KV1 phải giữ. Mất vùng đất hiểm địa này là “cha con” bật bãi lên miền Tây...

Thê thảm và khốc liệt nhất vẫn là vùng đất giải phóng và các cơ sở cách mạng ở vùng sâu, vùng đồng bằng ven đô Huế. Niềm vui chiến thắng khi cầm được lá cờ nửa đỏ, nửa xanh trên đỉnh Ngọ Môn. Bộ đội, cán bộ, du kích địa phương của tỉnh, của huyện, xã tràn ngập thành phố và các làng quê sau những ngày Xuân chiến thắng. Tưởng giải phóng đến nơi. Thống nhất đến nơi! Phen này ắt đón Bác Hồ vào thăm miền Nam. Niềm vui chưa tan, quân Mỹ, quân Ngụy sau những bất ngờ ban đầu, tỉnh đòn phản kích. Các cơ sở mật xây dựng bao năm bị lộ bởi bọn tề điệp chỉ điểm. Chính quyền Thiệu giáng đòn thù vào các gia đình cách mạng. Lính quận, cảnh sát về ruồng bố, vây ráp suốt đêm ngày. Cơ sở cách mạng nhiều vùng mất trắng. Đồng bằng không thể đứng chân. Người thoát lên rừng, kẻ chạy vô Đà Nẵng, Sài Gòn lánh giặc. Một số người bị điệp báo. Địch bắt bố tra khảo, đưa ra đảo tù đày.

Cả tiểu đoàn X. của y sau ngày rút lên rừng chỉ còn lại chưa tới 200 tay súng. Thêm một số sốt rét, bị thương không đủ sức chiến đấu phải đi viện. Những trận đói dài ngày và những trận phục kích lẻ trên đường mất thêm một số. Phải cơ cực lắm, dày công những người cán bộ, biệt động bám trụ của

Tỉnh ủy, Thành ủy Huế, của huyện mới mọc nổi, gây dựng lại được những cơ sở mật như ở quán mụ Tr. và Sáu Đến. Y biết những cơ sở cách mạng kiên trinh ấy còn có cả ở các ấp như Xóm mới Văn Xá Trung, Văn Xá Làng, Phú Ổ, La Chử, Bồn Trì, Bồn Phổ, Kim Long. Nhờ những cơ sở cách mạng như thế này, suốt năm “69” bộ đội của ông Bậu, của huyện, xã mới đứng vững, giữ được vùng giáp ranh Bắc Huế...

Từ trong sâu thẳm, y luôn kính phục những người như ông Sáu Đến và mụ Tr. Y hiểu một điều rằng, dù cách mạng có lúc thoái trào, dù cuộc chiến đấu có lúc rơi vào bi kịch, thất thiệt nhưng lòng dân vẫn còn tin vào ngày chiến thắng. Không phải ai cũng khiếp sợ, chạy dài...

Vào những lúc đêm khuya thanh vắng, trốn trong góc nhà chật hẹp, hôi hám của ông Sáu Đến, y luôn cảm ơn số phận sao run rủi y lại được gặp ông. Chỉ có trời Phật phù hộ cho y, còn theo ông Sáu, chỉ có Chúa mới biết được điều hy hữu này. Y cũng không giải thích nổi, không nhớ nổi sau lúc bị trái mìn Claymo hất tung, bị thương, y lại có thể tự mình lết đi trên đồng rồi nằm lại nơi ruộng mía. Lại là ruộng mía, ruộng nửa của nhà Sáu Đến? Được ông Sáu cứu mang và cứu chữa vết thương.

Có một đêm, nghe động tĩnh xung quanh và thấy xóm làng yên lặng, y đã rời nơi ẩn nấp bò ra ngoài quan sát xung quanh. Căn nhà Sáu Đến nằm lọt thỏm giữa một vườn cây. Bao bọc quanh nhà là rừng tre gai ken dày. Từ cổng vào là hàng chè gai cắt tỉa gọn. Núp kín sau chân đồng rơm, y quan sát ngôi nhà bốn gian, hai chái, cửa gỗ rộng rinh. Bậc thềm hè cao, khoảng sân rộng trước nhà láng xi măng... Tiện nhất là khoảng vườn phía sau, có nhiều vạt dứa dại sát với bờ tre gai... Một đầm nước rộng mênh mông, lau sậy mọc đầy ven đầm. Tiếp sau nữa là bãi mồ mả của làng Dương. Lợi dụng những vạt cây dứa dại, bòn bòn, y đã đi trinh sát địa hình, đồng thời tính toán những phương án khi có động rút ra ngoài... Khi kẹt y có thể thoát ra ngoài bờ đầm. Từ bãi mồ mả, y chỉ cần đi theo một con đường nhỏ, dài chưa tới trăm mét đã tới sông Bồ... Về đêm, mặt sông đen thẫm, phẳng lặng, im ắng như một dòng sông chết. Không thấy bóng dáng một con đò. Dọc theo bờ sông là dãy tre gai

chạy dài, tối tăm. Phía bên kia sông đã là đất Phong Điền, Quảng Điền... Cũng lặng im. Chẳng rõ một căn cứ nào đó của địch bắn lên trời mấy quả pháo sáng. Chùm ánh sáng ma quái tung ra giữa bầu trời đêm chấp chới ẩn hiện sau bờ tre không đủ soi rõ cảnh vật xung quanh, chỉ một lát là tắt... Sông Bồ phía thượng nguồn hiểm trở và hung dữ bao nhiêu, lắm ghềnh nhiều thác. Về đến đây dòng sông rộng mở trở nên hiền hòa, cam chịu.

Có cảm giác rất rõ ông Sáu Đến hiểu tâm trạng buồn chán, u uẩn của y. Cả sự nóng ruột nữa. Một đêm quăng ba giờ sáng. Ông Sáu trở dậy lặng lẽ như một cái bóng đi vào nơi y ẩn nấp. Sợ y giật mình hoảng sợ, ông Sáu khẽ hắng giọng:

- Sáu đây... Đừng sợ!

Y nào có ngủ. Nằm cả ngày lưng căng đau ê ẩm. Lúc nào mỏi quá, y mới ngồi dậy vươn vai. Mái nhà thấp, y đứng thẳng dậy, đầu sẽ chạm mái tranh và vào thúng mùng... Sợ động.

Ông Sáu Đến bò lom khom ngồi ghé vào mép nệm. Ông lấy tay che chiếc bật lửa Zipô, mồi vào điều thuốc rê. Khói thuốc nghẹt thở nhưng xua đi cái không khí lạnh lẽo, trống vắng. Y cần hơi người, tiếng người để tự nhủ với mình rằng, y đang tồn tại.

- Tôi biết chú buồn, lo lắng. Ở đây được ít bữa, yên ắng như ri vậy là tốt hung rồi. Lạy Chúa lòng lành! Thương cho chúng con. Sợ nói với chú điều này e cũng bằng thừa... nhưng tôi phải nói.

- Chú Sáu định nói chuyện chi? - Y ngập ngừng hỏi.

- Đã là một người lính, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải biết tự mình đứng dậy...

- Cảm ơn chú Sáu! - Y đáp nhỏ, giọng lấp bắp và tự cảm thấy xấu hổ với chính mình, tưởng như cái ông già trông quê mùa, hiền lành đọc được cả ý nghĩ trong đầu y.

Đã thành lệ, cứ hơn bốn giờ sáng, ông Sáu Đến đã ăn mặc chỉnh tề đi ra nhà thờ... Có bận y còn nghe rõ giọng ông Sáu nói chuyện với ai đó cũng đi lễ sớm ở ngoài phía bờ rào gai...

6

Y đã hú hồn khi nhìn thấy đưa bé gái đẩy nhẹ tấm liếp bước vào. Thoạt nhìn thấy y ngồi thu lu trong góc nhà tắm tối, con bé cũng sợ. Nó lóng ngóng để rơi cả cái nắp cà mèn xuống đất.

- Chú... giải phóng! - Con bé lắp bắp nói.

- Cháu là ai?

- Cháu tên Xí, cháu ông Sáu. Ông Sáu sáng nay vô Huế thăm cô Hai... Chiều ông cháu mới về. Cháu sợ chú đói nên mang cháo vô cho chú ăn...

- Sao cháu biết chú trốn ở đây? - Y hỏi nhỏ - Còn ai biết nữa không?

- Dạ không! Chỉ ông Sáu và cháu biết... Ông Sáu dặn cháu kín miệng. Máy ống ở ấp, ở quận biết được kêu lính tới vô bắt chú. Họ còn đốt nhà, đập cả hai ông cháu... Cháu không muốn chết, không muốn họ bắt đi ở tù.

- Cảm ơn cháu... Cháu ngồi xuống đây, đừng sợ.

- Cháu gặp các chú rồi...!

- Con Xíu nói giọng líu ríu.

- Đạo Mậu Thân, các chú bộ đội về ở trong nhà cháu. Mẹ cháu và ngoại còn nấu cơm cho các chú ăn...

Trời tối nhập nhoạng, ông Sáu Đến mới về đến nhà. Y nghe ông Sáu nói với con Xíu chuyện gì đó. Một người bà con trong họ đạo làng Dương còn sang bàn bạc với ông Sáu chuyện cày bừa, cấy lúa...

Y nhắm tính từ ngày rời làng Lôi vào chiến trường vừa tròn 6 năm. Có bao biến động trong cuộc đời y. Từ một thằng binh nhì, qua mấy mùa chiến dịch, y trở thành một anh C phó. Ngu ngơ lần đầu về đồng bằng Phong Quảng, Phú Vang nhìn những mái nhà lợp tôn Mỹ sáng loáng trong các ấp chiến lược, y không biết đây là trại lính hay nhà dân. Bò vào sát vách nhà, nhìn những cô gái mặc bộ đồ hoa đi lại, y tự bật cười với chính mình. “Con gái trong này ăn mặc hay nhỉ”. Con gái quê y đâu có ăn mặc vậy. Quần đen,

áo hoa xanh, áo màu cỏ úa để tránh cho lũ phi công Mỹ phát hiện ném bom xuống làng. Đạo ấy, lệnh trên bảo, bất kể cái gì là màu trắng phải tránh hết. Phi công Mỹ nhìn thấy tướng là ám hiệu. Bom ném xuống chết cả làng. Y bò vào nhà dân, càng kinh ngạc hơn nhìn bầy heo “Yooc-sai” trắng nhờn đứng cả một hàng trong chuồng sục mồm vào cái máng ăn cháo sữa Mỹ. Có cậu lính nhìn bầy heo oàm oạp húp thức ăn, buột miệng chửi:

- Tiên sư cái thằng Mỹ! Chúng nó giàu thật... Đến nuôi heo cũng bằng sữa.

Bữa vào Huế đánh giặc giữa những ngày xuân. Bị tấn công bất ngờ, giặc chạy tóe loe. Dân mừng thấy bộ đội về, e phen này giải phóng, thống nhất đến nơi. Các đồ bánh trái, gà heo dành cho ba ngày tết. dân mang ra khao bộ đội. Trung đội của y vào một nhà có vẻ là công chức thành phố. Ông chủ mới ngoài 40 tuổi, đi dạy học, tự khoe là “giáo sư đệ nhị cấp”, cô vợ bán hàng tạp hóa kiêm chủ lò mì ngay dưới chân cầu Tràng Tiền. Vợ chồng trẻ vậ mà có tới sáu đứa con. Chúng đứng sắp lớp, khoanh tay cúi đầu lễ phép chào. “Cháu chào chú giải phóng ạ...”. Y và mấy anh bộ đội ở trong nhà lấy làm mãn nguyện lắm. Gia chủ mời cả toán bộ đội 6 người một bữa cơm thịnh soạn vào chiều mồng ba tết. Những anh bộ đội từ ngoài miền Bắc vào lần đầu thỏa mắt xem chiếc tivi, vào trong nhà vệ sinh nhìn ngó cái lavabo một lúc mới hiểu cần đi tiểu vào đâu. Cái chậu bần để rửa tay chứ không phải là cái chậu để rửa rau... Ở cái làng Lôi của y, người nông dân nghèo chưa một ai được nhìn thấy những thứ đồ vật sang trọng như vậy cả.

Muốn xem phim ư? Một vài tháng đội chiếu phim lưu động của tỉnh của huyện về chiếu cho dân trong xã một hai buổi. Những ngày có phim về chiếu ở sân kho hợp tác xã hay bãi cỏ trước cửa đình, đấy là ngày hội của cả năm làng ven bờ sông Cọi. Từ lúc hai giờ chiều, chiếc xe commăngca quen thuộc của phòng văn hóa huyện đổ quân, đổ máy chiếu phim, phong bạt xuống bãi cỏ trước cửa đình. Cả làng đã nháo như có hội. Lợn hợp tác kêu eng éc. Ba bốn trai làng khỏe mạnh cởi trần xuống ao hợp tác xã hò hét nhau lừa cá. Người lớn đang làm các công việc đồng áng cũng mau mau chóng chóng cày

bừa, cuốc cỏ, kéo những gàu nước cuối cùng vào ruộng còn kịp về cơm nước để tối đi xem phim.

Đám con nít như y là sướng nhất. Những ngày làng có phim, chả đứa nào chịu học hành gì cả. Thâm chí cả lũ rủ nhau trốn học từ lúc ba giờ chiều, kéo ra bãi cỏ chơi đùa, đá bóng, đuổi bắt, chơi khăng, đánh cù... Đám con gái phải bế em cũng rủ nhau ra bãi chiếu phim. Tay bế em, tay mãi đi “ô ăn quan” nhưng mắt trẻ ngong ngóng dõi theo mấy anh trong đội chiếu phim làm việc. Chúng chỉ chờ hai cây sào dài dựng lên, tấm phông trắng căng ra, tiếng loa phóng thanh ọ ẹ dạo nhạc... là chúng quên hết. Quên cả cãi vã, đánh chửi nhau vì chuyên ăn thua trái bóng... Đây mới là niềm hạnh phúc thật sự mà mỗi đứa trẻ, trong đó có cả y, mong ngóng cả tháng trời. Tháng trước mới chiếu phim Chị Tư Hậu, tháng trước nữa là Con chim vành khuyên... Bữa nay nghe đâu bảo là chiếu phim Liên Xô, về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Ông Bộc cắt tóc thì cãi lầy cãi để với mấy ông còn đang ngả cày, ngả bừa xuống gốc cây đa đầu làng tranh thủ làm bát nước chè xanh, rít điếu thuốc lào, áo quần các ông thợ cày còn dính lem bùn đất.

- Dứt khoát tối nay chiếu phim Nổi gió, có tay trung úy Phương đẹp trai... Tôi cượng với các ông!

Mấy ông thợ cày và ông Bộc cãi nhau như mỗ bò. Chỉ có con bò và con trâu vênh vênh mới được thả lỏng sau một ngày lội ruộng là bình thân cạp hàm vào lớp cỏ cụt ngắn bên mép con ngòi. Trên mình những con trâu, con bò cũng lấm lem bùn đất như chủ của nó. Ôi, hạnh phúc nào bằng tuổi thơ dù chỉ có củ khoai, củ sắn, hái trộm trái ổi xanh và những đêm chui rào vào xem phim ở sân đình...

Tối khuya, ông Sáu Đến vào chỗ y đang trốn. Kéo tấm liếp cửa, ông còn đứng lại một lát, nửa như nghe ngóng động tĩnh, nửa quan sát phía bên ngoài. Ông Sáu nói nhỏ với y.

- Tôi tìm được người đưa chú đi rồi. Tối 23 ta đi nghe chú!

Y nghẹn lời:

- Thật cảm ơn chú Sáu!

- Ông huệ chi chú. Tôi cũng làm việc vì cách mạng mà. Chỉ có điều gặp ai chú cũng không được nói ra tên tôi... Chuyện này chỉ có mụ Tr. và chú Sáu Thọ H. biết. Huyện sẽ cho người về đón chú. Ráng giữ qua vài ngày nữa cho êm rồi đi. Tôi để lại cho chú vỉ thuốc bố, ngày chú uống bốn viên... Còn đây là thuốc kháng sinh...

Ông Sáu lên nhà tắt đèn đi ngủ đã lâu. Y vẫn còn trần trọc...

Một, hai, ba ngày... Ba ngày nữa, y sẽ trở lại rừng. Y sẽ lại được gặp mặt ông Bậu, ông Duy, ông Ngạn và những người đồng đội. Chẳng biết họ nghĩ gì khi y đột ngột trở về. Và cả chị Tâm nữa. Hẳn chị sẽ vui xiết bao khi thấy y còn sống trở về.

Y tin rằng, cả đại đội 3, cả tiểu đoàn đều nghĩ y đã chết!

Tôi thực sự không hiểu chuyện gì đã xảy ra với cha tôi sau cái đêm 23 tháng Bảy năm 1970. Những dòng chữ của cha tôi dừng lại ở trang thứ 32 của cuốn vở cogido - đánh dấu số 1.

Tôi đoán rằng những dòng này cha tôi ghi lại trong những ngày bị thương được ông ngoại tôi là Sáu Đến che dấu. Nét mực bút Bic bao năm vẫn đọc rõ. Chữ viết lệch hàng, xô đẩy. Có thể vì cha tôi viết trong bóng tối.

Ngày mẹ đưa tôi về chịu tang ông ngoại, hai mẹ con ở lại quê cũng chỉ được ít ngày. Mẹ tôi tính không hiền, ít nói. Có chuyện chi không hài lòng, bà hay nổi cáu. Sống với mẹ từ nhỏ nên tôi đã quen. Lớn lên, biết suy nghĩ tôi hiểu rằng cuộc đời mẹ tôi luôn phải chịu nhiều sức ép. Từ chuyện gia đình ly tán, chồng bị tù đầy, oan khuất đến chuyện sống giữa nơi đất khách quê người phải lo kiếm tiền nuôi con, nuôi chồng... Bao nhiêu gánh nặng đổ lên đầu một người đàn bà phải thay cha tôi những lúc ông đi ở tù để lo toan việc nhà.

Sau ngày ngoại tôi mất, mẹ tôi chỉ ở lại làng Dương ít ngày để thu xếp việc nhà. Bà dọn dẹp nhà cửa và nhờ một cô cháu bên Văn Xá đến ở và trông coi nhà cửa, ruộng vườn. Tôi mới chỉ là con bé con theo mẹ về chịu tang ông ngoại. Chưa hiểu gì, chưa biết những uẩn khúc của người lớn. Mẹ làm việc còn tôi tha thẩn chơi với đàn mèo, vừa mẹ và con cả thấy là bốn con. Trong ký ức thơ trẻ của tôi chỉ nhớ vài hình ảnh nhạt nhòa về mẹ. Có lúc mẹ thấp nhang, đứng im lặng trước bàn thờ ông ngoại. Nhìn tấm ảnh chụp cha mẹ tôi to bằng cuốn sổ tay, lồng trong khung kính. Bà dắt tôi đi dạo quanh trong sân, trong vườn và dừng lại hồi lâu ở bụi tre gai rậm rạp phía cuối vườn... Nhiều năm sau, khi đọc lại những dòng chữ của cả cha và mẹ tôi để lại, tôi vỡ ra nhiều điều mà cả một thời gian dài tôi không hiểu, cũng có thể là do lơ đãng không quan tâm tới chuyện người lớn. Đơn giản, tôi còn con nít nhỏ dại, mãi

yêu, mãi vui với bạn bè.

Nhiều khi tôi tự trách mình. Và trách cả cha tôi nữa... Tại sao những ngày cha con tôi sống yên ả, hạnh phúc đủ đầy ở trại Đầm Vịt, tôi không hỏi kỹ ông về chuyện giữa cha và mẹ tôi? Còn ông cũng chẳng chịu nói, chẳng chia sẻ với con gái. Cha yêu quý tôi đến vậy kia mà... Phải chăng, ông muốn dành cho tôi sự bất ngờ khi phải đọc những gì ông và mẹ tôi để lại, bắt tôi phải suy ngẫm và tự hiểu.

Tôi không có thói quen ghi nhật ký. Thậm chí, tôi còn cho rằng đây là một phương thức cổ điển, lỗi thời của lớp người xưa cũ. Tuổi trẻ thời “a còng” trao đổi, với nhau qua điện thoại, hộp thư điện tử. Chả đứa nào rồi hơi ngời ghi chép hàng ngày tâm tình, tự sự với người yêu và lan man chuyện vui buồn trong cuộc sống.

Tôi thật sự kinh ngạc khi nhìn thấy trong cuốn vở cogido số 2, số 3, dán cài trong nhiều trang có cả hai nét chữ của cha tôi và mẹ tôi. Mỗi người ghi một đoạn khác nhau, ở những thời điểm khác nhau. Nhưng dường như qua những dòng chữ ấy, họ sẽ chia nhiều điều bí ẩn về nhau của hai kẻ đang yêu. Cha tôi viết thường là kẻ lẽ, tự sự như thể ông muốn cho mẹ tôi biết ông là ai, cuộc sống của ông như thế nào... Còn mẹ tôi, mơ mộng hơn và rõ là tâm tính của một cô gái Huế đang tuổi yêu, gặp được cha tôi như thể chạm vào lửa.

Bao giờ mở đầu cho một trang ghi chép, mẹ tôi đều viết “Dấu yêu ạ!”.

Mỗi lần chạm vào các tập vở cogido của cha tôi, đọc kỹ từng trang, nhiều khi tôi rơi vào trạng thái hoảng loạn. Tim đập mạnh. Tôi nhìn quanh quát phòng đọc sách. Ảnh cha tôi, ảnh mẹ tôi, ảnh bà nội treo trên tường, nơi bàn thờ. Như thể họ đang ở đâu đó lặng lẽ dõi theo từng hành động nhỏ của tôi. Bao giờ cũng vậy, tự trấn an mình, tôi thấp nhang lên bàn thờ, van vái ông bà nội ngoại, van vái cha mẹ... Tâm hồn bình an, tôi mới dám trở lại với những hàng chữ trong tập vở cũ. Đọc một hồi, tôi ngỡ mình là một cô bé bị lạc vào giữa một khu rừng già, rậm rạp, gai góc... Tôi cố đi cho hết khoảng rừng vừa phập phồng lo sợ, vừa hoảng loạn tưởng bị lạc lối... Tôi đang bối rối tìm đường, bất ngờ mở ra trước mắt tôi một khoảng sáng, thoáng đặng. Ở đấy có

dòng suối mát, có khóm hoa dại đẹp đến mê hồn ngay bên bờ suối...